

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

PHOUMMA SENEKHAM

GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG
Ở NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

HÀ NỘI - 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

PHOUMMA SENEKHAM

**GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG
Ở NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ
Mã số: 9310102

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

Chủ tịch Hội

Thượng

Trần Hòa Phụng

1. PGS.TS. ĐOÀN XUÂN THỦY



2. PGS.TS. NGÔ TUẤN NGHĨA

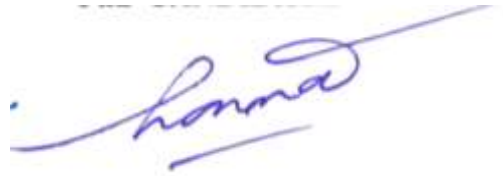


HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án



Phoumma Senekham

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1 TỔNG QUAN NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	7
1.1. NHỮNG CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG	7
1.2. NHỮNG CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG	15
1.3. NHỮNG CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN NGHIÊN CỨU VỀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG	20
1.4. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA LUẬN ÁN CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU	27
Chương 2 CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG	30
2.1. KHÁI NIỆM VÀ VAI TRÒ GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG	30
2.2. NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG PHÁP VÀ QUY TRÌNH GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG.....	40
2.3. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG	47
2.4. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG	54
2.5. KINH NGHIỆM GIÁM SÁT CỦA MỘT SỐ NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG TRÊN THẾ GIỚI ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG VÀ BÀI HỌC CHO NGÂN HÀNG CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO.....	62

Chương 3 THỰC TRẠNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG.....	73
3.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HỆ THỐNG CÁC NGÂN HÀNG NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO.....	73
3.2. THỰC TRẠNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC LÀO ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG	87
3.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG	105
QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG.....	121
4.1. DỰ BÁO BỐI CẢNH VÀ QUAN ĐIỂM HOÀN THIỆN GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG TRONG BỐI CẢNH MỚI.....	121
4.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG	128
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	146
1. Kết luận	146
2. Khuyến nghị	149
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	151
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	152

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CHDCND Lào	: Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
GSNH	: Giám sát ngân hàng
GSTX	: Giám sát thường xuyên
NHNN	: Ngân hàng Nhà nước
NHTM	: Ngân hàng thương mại
NHTW	: Ngân hàng Trung ương
TCTD	: Tổ chức tín dụng
TTGS	: Thanh tra, giám sát
TTTC	: Thanh tra tài chính
TTGSNH	: Thanh tra, giám sát ngân hàng

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 3.1. Nguồn nhân lực TTGS của NHNN Lào giai đoạn 2017-2022	77
Biểu đồ 3.2. Một số kết quả hoạt động kinh doanh của hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn 2017-2022	81
Bảng 3.3. Doanh số thu nợ theo loại hình sở hữu ngân hàng của hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn 2017-2022	85
Bảng 3.4. Số cuộc TTGS các NHNN đối với hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn năm 2017-2022.....	89
Bảng 3.5. Thống kê sai phạm phát hiện qua công tác giám sát của NHNN đối với hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn năm 2019-2022	91
Bảng 3.7. Số liệu thực hiện các kiến nghị sau TTGS của NHNN đối với hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn năm 2020-2022	104

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1. Biểu đồ nguồn nhân lực TTGS của NHNN Lào giai đoạn 2017-2022.....	78
Biểu đồ 3.2. Cơ cấu nguồn nhân lực TTGS NHNN Lào giai đoạn 2017-2022.....	79
Biểu đồ 3.3. Tổng hợp hoạt động tín dụng của hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn 2017 - 2022.....	82
Biểu đồ 3.4. Tổng doanh số cho vay theo loại hình các ngân hàng Lào giai đoạn 2017 - 2022.....	83
Biểu đồ 3.5. Doanh số cho vay theo loại hình các ngân hàng Lào giai đoạn 2017 - 2022.....	83
Biểu đồ 3.6. Tỷ trọng doanh số cho vay theo loại hình các ngân hàng Lào giai đoạn 2017 - 2022.....	84
Biểu đồ 3.7. Tỷ trọng doanh số thu nợ theo loại hình sở hữu ngân hàng của hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn 2017-2022	86
Biểu đồ 3.8. Số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra tại chỗ so với kế hoạch của NHNN đối với hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn năm 2017-2022.....	90
Biểu đồ 3.9. Tốc độ tăng trưởng doanh số cho vay của các ngân hàng Lào giai đoạn 2017-2022.....	94
Biểu đồ 3.10. Tổng dư nợ cho vay theo thời hạn của hệ thống ngân hàng Lào giai đoạn 2017-2022.....	95
Biểu đồ 3.11. Tốc độ tăng trưởng dư nợ của hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn 2017- 2022.....	95
Biểu đồ 3.12. Tổng dư nợ tín dụng của hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn 2017 - 2022.....	96
Biểu đồ 3.13. Tỷ trọng tổng dư nợ tín dụng của hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn 2017 - 2022.....	97
Biểu đồ 3.14. Chỉ tiêu phản ánh chất lượng tài sản của hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn 2017 - 2022.....	98

Biểu đồ 3.15. Tình hình dư nợ quá hạn của hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn 2017 - 2022.....	99
Biểu đồ 3.16. Tổng vốn huy động, dư nợ và tỷ lệ dư nợ/vốn huy động của hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn 2017- 2022	101
Biểu đồ 3.17. Một số kết quả hoạt động giám sát của ngân hàng nhà nước Lào đối với hệ thống các ngân hàng giai đoạn 2017-2022	102
Biểu đồ 3.18. Tốc độ tăng trưởng GDP của Lào giai đoạn 2017-2022	110

DANH MỤC CÁC MÔ HÌNH, SƠ ĐỒ

Mô hình 2.1: Quy trình phương pháp giám sát dựa trên rủi ro của NHNN đối với các TCTD	45
Mô hình 2.2: Quy trình giám sát của NHNN đối với các TCTD.....	46
Sơ đồ 3.1: Vị trí việc làm của cơ quan Giám sát của NHNN Lào (Cục Thanh Tra).....	80

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Hoạt động giám sát của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đối với các tổ chức tín dụng (TCTD) giữ vai trò quan trọng trong việc bảo đảm sự ổn định, an toàn, hiệu quả, minh bạch và phát triển lành mạnh của hệ thống tài chính – ngân hàng trên hai cấp độ vi mô (từng TCTD), vĩ mô (toàn hệ thống); bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền. Thông qua hoạt động giám sát, NHNN chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện và xử lý các rủi ro của hệ thống, ngăn chặn sự đổ vỡ, khủng hoảng tài chính, ngân hàng đồng thời góp phần vào ổn định kinh tế vĩ mô, bảo vệ nền tài chính quốc gia, tăng trưởng kinh tế đất nước; giúp các TCTD hoạt động đúng theo quy định của các chính sách và pháp luật của nhà nước; góp phần nâng cao lòng tin của người dân đối với các TCTD.

Tuy nhiên, những tác động từ quá trình phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế đến hoạt động của các TCTD ngày càng lớn, cùng với những bất cập về thể chế (khung pháp lý), sự yếu kém trong nội tại của các tổ chức tín dụng như: Cách thức quản lý, hoạt động thanh tra giám sát TCTD, môi trường hoạt động của các TCTD, ... Điều này đang đặt ra nhiều thách thức gây mất an toàn hoạt động của hệ thống tín dụng, đe dọa đến sự ổn định, lành mạnh của hệ thống kinh tế vĩ mô. Vì vậy, cần có sự tăng cường vai trò của Nhà nước trong việc tạo ra môi trường lành mạnh, thể chế phù hợp, tăng cường hoạt động quản lý, giám sát hoạt động của các TCTD để các TCTD thực hiện tốt chức năng là kênh dẫn vốn, là “giá đỡ” quan trọng cho sự ổn định và tăng trưởng kinh tế của đất nước. Trên thế giới, để đảm bảo kinh tế tăng trưởng ổn định và bền vững các quốc gia đều chú trọng nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động giám sát của NHNN đối với hệ thống các TCTD.

Đường lối đổi mới và phát triển kinh tế của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và chính sách của Nhà nước CHDCND Lào đã tạo ra sự tăng trưởng kinh tế khá cao trong nhiều năm, bình quân giai đoạn 2005-2019 khoảng 7%/năm, cơ sở hạ tầng được cải thiện đáng kể, tỉ lệ hộ nghèo giảm đáng kể (từ mức 46% năm 1992 xuống còn khoảng 20% năm 2020). Những thành quả ấy có mối quan hệ chặt chẽ với hoạt động của các TCTD, theo đó hoạt động của các TCTD vừa là động lực cũng vừa là hệ quả của tăng trưởng, phát triển kinh tế.

Hoạt động giám sát các TCTD của NHNN nước CHDCND Lào trong những năm qua được thực hiện khá tốt, giúp cho hệ thống các TCTD ở CHDCND Lào trong những năm qua có những bước phát triển mạnh mẽ góp phần tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của CHDCND Lào. Tuy nhiên, hoạt động của các TCTD trong bối cảnh toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế, tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, ... khiến cho hoạt động của các TCTD ngày càng phức tạp, luôn tiềm ẩn những nguy cơ rủi ro, mất an toàn, thiếu bền vững. Hệ thống giám sát của NHNN nước CHDCND Lào đối với các TCTD chưa theo kịp sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Yêu cầu đặt ra là cần có những nghiên cứu cơ bản, có hệ thống về lý luận, tìm hiểu kinh nghiệm thực tiễn về hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD tại nước CHDCND Lào để ổn định nền tài chính quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội đất nước, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần nhân dân. Để góp phần giải quyết vấn đề này, nghiên cứu sinh lựa chọn: ***“Giám sát của Ngân hàng Nhà nước đối với các tổ chức tín dụng ở nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào”*** làm đề tài luận án tiến sĩ, chuyên ngành Kinh tế chính trị học tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu, phân tích và làm rõ cơ sở lý luận về giám sát của NHNN đối với các TCTD. Trên cơ sở phân tích đánh giá thực trạng giám sát của NHNN đối với các TCTD ở nước CHDCND Lào giai đoạn 2017-2022, đề xuất quan điểm, giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD đến năm 2030.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Thứ nhất, tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến chủ đề giám sát của NHNN đối với các TCTD, phân tích và làm rõ khoảng trống khoa học và vấn đề đặt ra luận án cần nghiên cứu.

Thứ hai, hệ thống hoá và làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về giám sát của NHNN đối với các TCTD trong điều kiện mới.

Thứ ba, phân tích, đánh giá thực trạng giám sát của NHNN đối với các TCTD ở nước CHDCND Lào giai đoạn 2017-2022, phân tích làm rõ những thành tựu đạt được, những hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD ở Lào giai đoạn 2017-2022.

Thứ tư, đề xuất quan điểm và giải pháp hoàn thiện giám sát của NHNN đối với các TCTD ở nước CHDCND Lào đến năm 2030.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD của nước CHDCND Lào tiếp cận theo góc độ kinh tế chính trị học

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nội dung: Luận án chỉ tập trung nghiên cứu hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD bao gồm: Thu thập, xử lý thông tin, tài liệu, dữ liệu của các TCTD theo yêu cầu của hoạt động giám sát của NHNN; Giám sát tình hình chấp hành các quy định về an toàn hoạt động ngân hàng và các

quy định khác của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; Giám sát việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra và khuyến nghị, cảnh báo về GSNH; Giám sát việc phân tích, đánh giá tình hình tài chính, hoạt động, quản trị, điều hành và mức độ rủi ro của TCTD; Giám sát việc xếp hạng các TCTD; phát hiện, cảnh báo rủi ro gây mất an toàn hoạt động ngân hàng và nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; Kiến nghị, đề xuất biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý rủi ro, vi phạm pháp luật, đề xuất các biện pháp xử lý trong GSNH.

Phạm vi nghiên cứu không gian: Luận án nghiên cứu hoạt động giám sát của NHNN đối với hệ thống các TCTD ở nước CHDCND Lào.

Phạm vi nghiên cứu thời gian: Từ năm 2017 đến năm 2022.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Thu thập dữ liệu thứ cấp: Luận án sử dụng phương pháp thu thập tài liệu từ các nguồn: Luật NHNN, văn bản dưới luật, nghị định, quyết định của chính phủ và thông tư của NHNN...; Báo cáo tổng kết hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD; kết quả nghiên cứu khoa học về hoạt động giám sát của NHNN; các tài liệu của các tổ chức quốc tế về ngân hàng. Từ các nguồn này, luận án sử dụng phương pháp phân loại dữ liệu phù hợp theo nội dung chủ đề của luận án.

4.2. Phương pháp phân tích dữ liệu

Luận án sử dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp thống kê mô tả: Thu thập thông tin, số liệu mô tả về hoạt động của các TCTD và hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với các TCTD phản ánh hiệu quả giám sát các TCTD từ phía NHNN.

- Phương pháp phân tích - tổng hợp được sử dụng nhằm khái quát hóa các vấn đề mang tính lý luận hình thành khung nghiên cứu về hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với các TCTD.

- Phương pháp so sánh: Xác định xu hướng, mức độ biến động/mức độ ảnh hưởng của các tiêu chí khảo sát.

- Sử dụng phương pháp như trừu tượng hoá khoa học, kết hợp logic với lịch sử nhằm nghiên cứu và làm rõ hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với các TCTD trong giai đoạn 2017-2022 nhằm đánh thành tựu, hạn chế và nguyên nhân hạn chế, từ đó có cơ sở đề xuất quan điểm và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với các TCTD.

5. Ý nghĩa nghiên cứu của luận án

5.1. Ý nghĩa lý luận của luận án

Luận án nghiên cứu hoạt động giám sát của NHNN đối với hệ thống các TCTD ở nước CHDCND Lào tiếp cận dưới góc độ kinh tế chính trị, cụ thể:

Một là, khái quát và làm rõ lý luận về giám sát của NHNN đối với các TCTD với các khía cạnh như: khái niệm, nội dung, quy trình, công cụ giám sát; các nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD dưới góc độ kinh tế chính trị học.

Hai là, nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia trong thực hiện hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD từ đó rút ra bài học cho NHNN nước CHDCND Lào trong giám sát hoạt động của các TCTD.

5.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận án

Một là, khái quát về NHNN Lào, các TCTD Lào. Phân tích, đánh giá kết quả hoạt động giám sát của NHNN Lào giai đoạn 2017-2022, chỉ rõ những thành tựu đạt được, những hạn chế trong quá trình thực hiện cần khắc phục, những nguyên nhân của hạn chế đó.

Hai là, đề xuất phương hướng, giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động

giám sát của NHNN nước CHDCND Lào đối với các TCTD. Kết quả nghiên cứu của luận án có thể trở thành tài liệu tham khảo cho các cơ quan hoạch định, thực thi chính sách giám sát các TCTD từ phía NHNN ở CHDCND Lào thời gian tới, đồng thời phục vụ giảng dạy các chuyên ngành kinh tế liên quan.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận án có kết cấu 4 chương và 14 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. NHỮNG CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Quan tâm nghiên cứu những vấn đề pháp lý trong hoạt động giám sát của NHNN nhằm đảm bảo sự bình đẳng trong lĩnh vực ngân hàng tài chính trong bài viết “*Level the playing field: The new supervision of credit institutions by the European Central Bank*” [99] của các tác giả Thomas Volland, Benedikt Wolfers đã chỉ ra những sự đổi mới trong giám sát đối với các TCTD của ngân hàng trung ương ở Châu Âu nhằm tạo lập môi trường bình đẳng trong hoạt động ngân hàng. Vào tháng 10 năm 2013, Cơ chế Giám sát Đơn lẻ (SSM) được thành lập. Cơ chế mới này, dựa trên Quy chế SSM, cung cấp các nhiệm vụ và quyền hạn sâu rộng cho ECB trong việc giám sát các TCTD được thành lập tại các Quốc gia Thành viên tham gia.

Trong bài viết “*Cross Border Banking Supervision: Incentive Conflicts in Supervisory Information Sharing between Home and Host Supervisors*” [96] của tác giả Katia D'Hulster tập trung nghiên cứu những kinh nghiệm trong phối hợp chia sẻ thông tin giữa các cơ quan giám sát của các quốc gia trên thế giới trong xu hướng hợp tác quốc tế. Tác giả đã nghiên cứu và chỉ ra cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã phát hiện ra một số điểm yếu trong việc giám sát và điều tiết của các ngân hàng xuyên biên giới. Một trong những điểm yếu đó là sự thiếu hợp tác hiệu quả giữa

các cơ quan giám sát ngân hàng (GSNH). Trong bài viết này tác giả đã nghiên cứu và chỉ ra những khó khăn, thách thức đối với việc chia sẻ thông tin giám sát xuyên biên giới giữa các quốc gia.

Cuốn “*Formalization of Banking Supervision 19th-20th Centuries*” [90] của các tác giả Eiji Hotori, Mikael Wendschlag, Thibaud Giddey chỉ ra những nỗ lực đầu tiên nhằm xây dựng giai đoạn chính thức hóa hoạt động GSNH ở tám quốc gia phát triển - Mỹ, Nhật Bản, Thụy Điển, Đức, Thụy Sĩ, Bỉ, Pháp và Anh. Nghiên cứu này đã chỉ ra những lý do trong lĩnh vực lịch sử GSNH xác định lý do tại sao lịch sử quốc gia về GSNH có những điểm tương đồng, nhưng cũng vẫn khác biệt và phụ thuộc nhiều vào con đường. Cuốn sách này không chỉ được các nhà sử học tài chính, kinh tế quan tâm, mà còn cả những độc giả nói chung quan tâm đến GSNH như: sinh viên, chủ ngân hàng, giám sát viên và các quan chức quốc tế.

Tác giả Ioannidu, V.P [93] đã bàn về những tác động của chính sách tiền tệ đến giám sát của Ngân hàng trung ương. Trên cơ sở nghiên cứu, hệ thống hoá những vấn đề lý luận về hoạt động giám sát của NHNN trong đó đặc biệt quan tâm bàn đến mức độ can thiệp của NHNN. Kết quả nghiên cứu của tác giả đã chỉ ra rằng: ngân hàng trung ương ở các quốc gia có kinh tế phát triển có vai trò tác động gián tiếp hoặc có vai trò định hướng cho hoạt động của các NHTM.

Nghiên cứu chỉ ra vai trò chiến lược của hoạt động GSNH, bài viết “*18 The Supervisory Role of the Central Bank*” [98] của tác giả Pierre Duquesne đã chỉ ra rằng: GSNH là cần thiết vì vai trò chiến lược mà các ngân hàng thực hiện trong nền kinh tế: trung gian, chuyển đổi kỳ hạn, tạo và quản lý các phương tiện thanh toán và cho vay. Phân tích lý thuyết hiện đại xác định hai dịch vụ đặc biệt quan trọng mà các ngân hàng thực hiện, đó là cung cấp thông tin và đảm bảo tính thanh khoản.

Phân tích về giám sát của ngân hàng trung ương cho thấy sự đa dạng về cách tiếp cận cả về lý thuyết và thực tiễn giữa các quốc gia. Không có lập luận thuyết phục nào ở cấp độ lý thuyết ủng hộ quan điểm, dường như phổ biến hiện nay, rằng cơ quan GSNH nên hoàn toàn độc lập với cơ quan quản lý tiền tệ. Ở cấp độ thực tiễn và thể chế, các hệ thống của các quốc gia khác nhau hoạt động theo các nguyên tắc rất khác nhau nhưng vẫn tỏ ra có hiệu quả.

Tuy nhiên, từ quan điểm thực tế, không thể phủ nhận rằng, với khuôn khổ văn hóa và chính trị ở nhiều quốc gia (đặc biệt là các quốc gia mới nổi), việc giao quyền GSNH cho một bộ phận đặc biệt của ngân hàng trung ương có thể được xem xét, ít nhất là trong thời gian đầu, giai đoạn này, như là cách hiệu quả nhất để giải quyết ba yêu cầu cơ bản: độc lập khỏi các áp lực chính trị, phối hợp chính sách tiền tệ và GSNH.

Trong cuốn *“Banking Soundness and Monetary Policy”* [97] là sự tổng hợp các bài báo được biên tập bởi Charles Enoch và John H. Green được trình bày tại Hội thảo lần thứ bảy về Ngân hàng Trung ương do IMF tài trợ. Một số bài viết đã nghiên cứu có hệ thống và phân tích làm rõ vai trò của ngân hàng trung ương trong các vấn đề về lành mạnh của ngân hàng và tái cơ cấu ngân hàng.

Ở Việt Nam, nghiên cứu và chỉ ra những nguyên tắc cơ bản, một số vấn đề pháp lý trong hoạt động giám sát của NHNN được các tác giả nghiên cứu và chỉ rõ trong các công trình sau: “25 nguyên tắc GSNH theo Basel 2 và việc tuân thủ của Việt Nam” [5]; “Một số nguyên tắc cơ bản để GSNH có hiệu quả” [16]; “Một số điểm mới của Luật NHNN năm 2010 về thanh tra, GSNH” [7];...

Trong bài viết “25 nguyên tắc GSNH theo Basel 2 và việc tuân thủ của Việt Nam” [5] tác giả Hạ Thị Thiều Dao nghiên cứu có hệ thống về 25

nguyên tắc của Basel 2 về GSNH, đồng thời đi sâu nghiên cứu, đánh giá thực trạng mức độ tuân thủ mỗi nguyên tắc đó ở Việt Nam qua các quy định pháp lý về TTGS được thể hiện trong Luật NHNN, Luật các TCTD và những văn bản pháp quy khác đang có hiệu lực đã được NHNN Việt Nam ban hành.

Bài viết “*Một số điểm mới của Luật NHNN năm 2010 về thanh tra, GSNH*” [7] tác giả Nguyễn Công Dương giới thiệu khái quát những quy định mới về công tác tổ chức, mục đích, nguyên tắc hoạt động, đối tượng xử lý... và sự phối hợp giữa các cơ quan thanh tra, GSNH theo Luật NHNN Việt Nam năm 2010. Tác giả cũng nêu ra một số vấn đề pháp lý có liên quan cần tập trung giải quyết để Luật có hiệu lực từ 01/01/2011.

Trong luận án “*Hoạt động giám sát của ngân hàng nhà nước Việt Nam đối với ngân hàng thương mại*” [27] của tác giả Nguyễn Thị Minh Huệ đã hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản về hoạt động giám sát của ngân hàng Trung ương đối với NHTM.

Một số tác giả quan tâm tới các chính sách của ngân hàng nhằm đảm bảo chức năng giám sát an toàn hệ thống vĩ mô, vi mô như: “*NHNN Việt Nam với chính sách giám sát an toàn vĩ mô*” [30] của tác giả Tô Ngọc Hưng; “*Tăng cường giám sát đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng Việt Nam*” [11] của tác giả Đoàn Thanh Hà; “*Thanh tra, GSNH và nhiệm vụ đảm bảo an toàn, lành mạnh hệ thống*” [39] của tác giả Nguyễn Hữu Nghĩa; “*Vai trò quan trọng của GSNH trong ổn định tài chính*” [70] trích bài phát biểu của Nout Wellink-Chủ tịch Ủy ban Basel về GSNH tại Hội nghị cấp cao: Vai trò của ngân hàng và GSNH trong ổn định tài chính-ngày 17/11/2008 tại Bắc Kinh- Trung Quốc. Báo cáo giới thiệu 3 vấn đề lớn: Về những nguyên nhân cơ bản của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới hiện nay và những bài học kinh nghiệm rút ra; Về các chính sách ứng phó của

Ủy ban Basel đối với cuộc khủng hoảng này trong đó nhấn mạnh đến các công cụ; Tăng cường dự trữ vốn và kiểm soát rủi ro, nâng cao chất lượng vốn... và các biện pháp hỗ trợ đi cùng.

Một số bài viết quan tâm nghiên cứu giám sát rủi ro của NHNN như “*Xây dựng khung quản lý rủi ro hoạt động hướng tới GSNH trên cơ sở rủi ro*” [40] của Nhóm nghiên cứu Quản trị rủi ro hoạt động, ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam nêu một số vấn đề chung về quản lý rủi ro (QLRR) hoạt động ngân hàng; Giới thiệu các công cụ QLRR để các TCTD có thể áp dụng; Chỉ rõ những khó khăn trong công tác QLRR ở TCTD Việt Nam, nêu khái quát sự chỉ đạo và hỗ trợ từ NHNN đối với các TCTD về QLRR hoạt động. Nhờ đó đã làm rõ hoạt động thanh tra, GSNH nhằm mục đích đảm bảo một TCTD (TCTD) thực hiện hoạt động tín dụng, ngân hàng tuân theo quy định, chính sách pháp luật của nhà nước. Nâng cao hiệu quả hoạt động GSNH trên cơ sở QLRR, công trình đã đề xuất việc xây dựng khung QLRR hoạt động hướng tới GSNH trên cơ sở rủi ro, từ đó góp phần phát hiện và hạn chế những rủi ro, đảm bảo an toàn hệ thống tài chính.

Tác giả Nguyễn Thị Hoà[17] đã nghiên cứu có hệ thống các vấn đề lý luận về TTGS các TCTD trên cơ sở rủi ro. Đồng thời, luận án nghiên cứu và phân tích những kinh nghiệm các nước trong việc áp dụng phương pháp TTGS trên cơ sở rủi ro đối với các TCTD, từ đó phân tích làm sáng tỏ những bài học trong hoàn thiện hệ thống TTGS của NHNN Việt Nam hiện nay.

Đề tài khoa học “*Ứng dụng phương pháp Gauss-Seidel trong xây dựng mô hình giám sát an toàn hoạt động ngân hàng tại Cơ quan Thanh tra, GSNH*” [45] của tác giả Trần Đăng Phi và Nguyễn Phi Lâm đã tổng quan về các phương pháp xây dựng mô hình định lượng phục vụ công tác giám sát an toàn hoạt động ngân hàng được xây dựng bởi các ngân hàng

trung ương, tổ chức GSNH trên thế giới cũng như phương pháp luận xây dựng các mô hình định lượng này.

Quan tâm nghiên cứu chỉ rõ vai trò của hoạt động TTGS của NHNN đối với sự ổn định và phát triển của nền kinh tế, bài viết *“Tăng cường giám sát đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng Việt Nam”* [11] của tác giả Đoàn Thanh Hà; *“Công tác GSNH trong đảm bảo an ninh tiền tệ và an toàn hệ thống ngân hàng”* [34] của tác giả Nguyễn Phi Lâm... đã làm rõ vai trò của hoạt động TTGS của NHNN đối với an toàn hệ thống ngân hàng, chỉ ra những mục tiêu hướng tới của hoạt động TTGS của NHNN là phát hiện, cảnh báo rủi ro, đảm bảo an toàn hệ thống tài chính ở cả hai cấp độ vi mô (từng TCTD) và cấp vĩ mô.

Tác giả Đoàn Thanh Hà trong bài viết *“Tăng cường giám sát đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng Việt Nam”* [11] tác giả nghiên cứu phân tích và làm rõ vai trò của công tác giám sát, đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng: các quy định an toàn cho hoạt động của hệ thống NHTM; TTGS một cách hiệu quả, đảm bảo an toàn vĩ mô và an toàn vi mô.

Tác giả Nguyễn Mạnh Tôn [56] đã quan tâm tới làm rõ những vấn đề lý luận về hoạt động giám sát và làm rõ những vấn đề về xếp loại TCTD theo CAMEL. Nguyễn Đức Trung [59] đã nghiên cứu và hệ thống hoá những yêu cầu và điều kiện cần thiết để áp dụng khuyến nghị của Basel III trong giám sát ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Quan tâm nghiên cứu về những thách thức đối với hoạt động thanh tra, giám sát (TTGS) của ngân hàng dưới những tác động của bối cảnh toàn cầu hoá, hợp tác quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong một số công trình: *“Hoạt động GSNH trong bối cảnh hiện nay”* [14]; *“Một số thách thức đối với hệ thống thanh tra, GSNH trong tình hình mới”* [3]; *“Cơ hội, thách thức và những vấn đề đặt ra đối với thanh tra, GSNH khi*

các TCTD Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế [4]; *“GSNH sau khủng hoảng tài chính và khuyến nghị cho Việt Nam”* [12]; *“Tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tới lĩnh vực tài chính ngân hàng”* [15]; *“Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và sự chuẩn bị của ngành Ngân hàng Việt Nam”* [57] ...

Trong đó, bài viết *“Hoạt động GSNH trong bối cảnh hiện nay”* [14] của tác giả Đỗ Thị Hằng bàn về ảnh hưởng của biến đổi môi trường tài chính quốc tế đến tình hình, hoạt động, mức độ rủi ro của các ngân hàng ở mỗi quốc gia trên thế giới. Sự cần thiết phải phát triển hệ thống theo dõi, phát hiện nhanh những rủi ro gây phá sản ngân hàng và kinh nghiệm của Ủy ban ngân hàng Pháp trong lĩnh vực này.

Bài viết *“Một số thách thức đối với hệ thống thanh tra, GSNH trong tình hình mới”* [3] của tác giả Nguyễn Văn Bình phân tích hiện trạng và triển vọng (Tác động của Hiệp định thương mại Việt Mỹ - BTA và WTO; Môi trường cạnh tranh, cấu trúc ngành, môi trường hoạt động ngân hàng; quản lý và GSNH; phát triển dịch vụ ngân hàng); Một số vấn đề đặt ra đối với quản lý và GSNH trong bối cảnh gia nhập WTO.

Bài viết *“Cơ hội, thách thức và những vấn đề đặt ra đối với thanh tra, GSNH khi các TCTD Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế”* [4] Nguyễn Văn Bình với 3 phần: I. Những cơ hội của các TCTD Việt Nam khi hội nhập kinh tế quốc tế; II. Những thách thức đối với các TCTD Việt Nam khi hội nhập kinh tế quốc tế; III. Những vấn đề đặt ra đối với TTGS khi các TCTD Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế.

Bài viết *“GSNH sau khủng hoảng tài chính và khuyến nghị cho Việt Nam”* [12] của tác giả Đoàn Thanh Hà tập trung phân tích cơ sở lý thuyết về GSNH ở tầm vĩ mô, thực trạng GSNH ở các nước trên thế giới sau giai

đoạn khủng hoảng, như: Mỹ, Châu Âu... Trên cơ sở đó đề xuất một số khuyến nghị cho Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả giám sát tài chính.

Bàn về *“Hiệp ước Basel III và sự ảnh hưởng đến các chỉ tiêu GSNH tại Việt Nam”* [8] của tác giả Nguyễn Chí Đức, Tạ Thu Hồng Nhung, các tác giả đã phân tích những đặc điểm đặc trưng và những hạn chế về cơ cấu tổ chức của 3 phòng tuyến GSNH ở Việt Nam hiện nay: Giám sát của cơ quan hành chính nhà nước, kỷ luật thị trường của ngành NHTM và bảo hiểm tiền gửi. Từ đó rút ra những nhận xét, đánh giá chung về mô hình giám sát tài chính, ngân hàng của Việt Nam hiện nay và hướng hoàn thiện.

Quan tâm nghiên cứu về kinh nghiệm thực tiễn hoạt động giám sát của các ngân hàng nhà nước (NHNN) trên thế giới có các công trình tiêu biểu như: *“TTGS trên cơ sở rủi ro - Kinh nghiệm quốc tế và một số đề xuất”* [18]; *“Kinh nghiệm quốc tế trong phối hợp, chia sẻ thông tin giám sát hệ thống tài chính và gợi ý cho Việt Nam”* [21]; *“Kinh nghiệm GSNH Nhật bản-Mô hình nghiệp vụ từ CAMELS đến FIRST”* [62] ... Trong bài viết *“Kinh nghiệm GSNH Nhật bản-Mô hình nghiệp vụ từ CAMELS đến FIRST”* [62] của các tác giả Thanh Xuân, Hà Dương đã giới thiệu lịch sử ra đời và những đặc điểm đặc trưng của hai mô hình GSNH: Mô hình giám sát theo tuân thủ-CAMELS ở Mỹ và mô hình giám sát trên cơ sở rủi ro-FIRST ở Nhật Bản. Sự thành công của Nhật bản trong việc chuyển từ mô hình CAMELS sang mô hình FIRST và những nhân tố có ảnh hưởng tới quá trình chuyển đổi. Bài cũng đề cập tới thực tế vận dụng CAMELS trong hệ thống GSNH ở Việt Nam hiện nay và khả năng chuyển sang mô hình FIRST.

Nghiên cứu thực tiễn kinh nghiệm quốc tế về GSNH một số công trình đi sâu nghiên cứu chỉ ra những kinh nghiệm về tái cơ cấu và GSNH ở các nền kinh tế mới trên thế giới và việc lựa chọn mô hình giám sát như: *“Các mô hình giám sát tài chính phổ biến trên thế giới và liên hệ với Việt*

Nam” [19]; “*Kinh nghiệm về việc lựa chọn mô hình hoạt động và GSNH trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế và bài học cho Việt Nam*” [6]; “*Một số mô hình cơ quan GSNH ở châu Âu và gợi mở chính sách cho Việt Nam*” [46] ... Trong đó, bài viết “*Kinh nghiệm về việc lựa chọn mô hình hoạt động và GSNH trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế và bài học cho Việt Nam*” [6] của tác giả Lê Thị Huyền Diệu đã phân tích những đặc điểm chủ yếu của 3 mô hình GSNH (GSNH): Mô hình giao trách nhiệm GSNH cho Ngân hàng TW; Mô hình tách chức năng GSNH ra khỏi ngân hàng TW và mô hình giám sát hợp nhất (mở rộng phạm vi GSNH thành giám sát toàn bộ hệ thống tài chính ngân hàng). Trong đó đi sâu phân tích mặt thuận lợi và khó khăn của mô hình giám sát hợp nhất và thực tế vận dụng ở các quốc gia trên thế giới, qua đó gợi ý một số vấn đề xung quanh việc lựa chọn mô hình GSNH cho Việt Nam.

1.2.NHỮNG CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Các tác giả Barth J.R.; Nolle D.E.; Phumiwasana T.; Yago G. [84] đã nghiên cứu và làm rõ thực trạng về cơ cấu tổ chức hoạt động GSNH, cấu trúc và khuôn khổ GSNH và hiệu quả hoạt động của ngân hàng. Các tác giả Barth J.R.; Dopico, L.G; Nolle, D.E; Wilcox, J.A. [85] đã đi sâu nghiên cứu về vấn đề hoạt động giám sát đối với NHTM, qua kết quả khảo cứu đối với NHTM ở 70 nước, trong đó có cả các quốc gia phát triển, đang phát triển và các quốc gia có tốc độ phát triển kinh tế nhanh, Barth chỉ ra rằng trong hoạt động giám sát của NHTM tồn tại hai mô hình sau:

Một là, mô hình cơ quan giám sát hoạt động của NHTM là Ngân hàng trung ương .

Hai là, mô hình có nhiều cơ quan cùng nhau tham gia giám sát hoạt động động của NHTM.

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng: đối với các quốc gia áp dụng mô hình thứ nhất thì có tỷ lệ nợ xấu nhiều hơn. Đối với các quốc gia áp dụng mô hình thứ hai thì thường là rủi ro thanh khoản cao hơn và tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn thấp hơn.

Trong bài viết “*Level the playing field: The new supervision of credit institutions by the European Central Bank*” [99] của tác giả Thomas Volland, Benedikt Wolfers, đi sâu nghiên cứu và làm rõ bối cảnh chung và các đặc điểm chính của khuôn khổ mới, các vấn đề pháp lý nhất định phát sinh, sự phù hợp của Quy chế SSM với luật cơ bản của EU làm cơ sở khoa học để lựa chọn cơ sở pháp lý thích hợp, cũng như sự phù hợp của các điều khoản với ranh giới liên quan đến việc phân cấp quyền lực hành chính và các nguyên tắc về tính độc lập và trách nhiệm giải trình của ECB.

Nghiên cứu đánh giá về thực trạng hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD góp phần ổn định tài chính, ngân hàng, giảm rủi ro tín dụng (RRTD), nâng cao hiệu quả quản lý nợ xấu ở nước CHDCND Lào được bàn đến ở một số công trình tiêu biểu như: “*Quản lý nợ xấu tại NHTM Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*” [32], “*Ngăn ngừa, xử lý nợ xấu tại các NHTM ở CHDCNN Lào: thực trạng và giải pháp*” [33]...

Trong bài viết “*Ngăn ngừa, xử lý nợ xấu tại các NHTM ở CHDCNN Lào: thực trạng và giải pháp*” [33] tác giả Khamkiew Phandavong nghiên cứu làm rõ nội dung quy định của Ngân hàng CHDCND Lào về phân cấp nợ xấu và làm rõ thực trạng xử lý nợ xấu tại các NHTM ở CHDCND Lào trong giai đoạn 2011- 2017, từ đó làm rõ những kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân của hạn chế trong xử lý nợ xấu của tại các NHTM ở

CHDCND Lào trong giai đoạn 2011- 2017. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất xuất các định hướng quản lý nợ xấu tại các NHTM ở CHDCND Lào.

Đi sâu nghiên cứu thực trạng kiểm soát RRTD, đồng thời đánh giá thực trạng hoạt động GSTX (GSTX) của NHNN CHDCND Lào đối với các TCTD được bàn đến trong một số công trình tiêu biểu dưới đây: “*Quản trị hoạt động tín dụng của các NHTM tại Lào*” [31]; “*Kiểm soát RRTD tại các NHTM của nước CHDCND Lào*” [53]; “*Thực trạng và giải pháp kiểm soát RRTD tại các NHTM của Lào*” [54]; “*Bối cảnh mới tác động đến kiểm soát RRTD tại các NHTM của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và một số vấn đề đặt ra*” [55] ...

Trong luận án “*Quản trị hoạt động tín dụng của các NHTM tại Lào*” [31] tác giả đã tập trung hệ thống hoá cơ sở lý luận cơ bản về quản trị hoạt động RRTD của NHTM trong nền kinh tế; phân tích rõ thực trạng quản trị hoạt động tín dụng của các NHTM tại Lào trong giai đoạn hiện nay; Đưa ra những thành tựu đạt được cũng như những hạn chế của quản trị hoạt động tín dụng tại các NHTM, trên cơ sở đó luận án đề xuất một số giải pháp đối với quản trị tín dụng của NHTM tại Lào trong bối cảnh đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế.

Trong luận án “*Kiểm soát RRTD tại các NHTM của nước CHDCND Lào*” [53] từ kết quả nghiên cứu về thực trạng kiểm soát RRTD tại các NHTM nước CHDCND Lào giai đoạn 2018-2023, đánh giá kết quả đạt được trong kiểm soát RRTD tại các NHTM nước CHDCND Lào, tác giả luận án đã nghiên cứu, đề cập tới việc thực hiện GSTX để đảm bảo các NHTM thực hiện đầy đủ việc kiểm soát RRTD, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng: Chính phủ và NHNN Lào đã thực hiện chặt chẽ việc thanh tra, kiểm tra theo chế độ định kỳ và đột suất đối với việc thực hiện các quy định về kiểm soát RRTD theo của Luật NHTM, và các quy định của NHNN Lào tại các

NHTM. Thông qua việc thanh tra, kiểm tra các cơ quan chức năng đã kịp thời uốn nắn những biểu hiện vi phạm tại các NHTM và đưa ra những cảnh báo về nguy cơ xảy ra rủi ro trong các hoạt động tín dụng để các NHTM có các biện pháp ứng phó nhằm tránh xảy ra RRTD, góp phần đảm bảo ổn định hệ thống tín dụng, tài chính, NHTM ở Lào.

Các công trình ở Việt Nam đi sâu nghiên cứu và phân tích làm rõ thực trạng hoạt động TTGS của NHNN các công trình: *“Thực trạng hoạt động giám sát của NHNN Việt Nam đối với ngành NHTM”* [26]; *“Hoạt động thanh tra, GSNH của NHNN Việt Nam và một số khuyến nghị”* [60]; *“Đánh giá hoạt động TTGS của ngân hàng nhà nước Việt Nam hiện nay”* [35] *“Thực trạng công tác GSNH và sự cần thiết của việc áp dụng mô hình dự báo tài chính trong hoạt động GSNH Việt Nam”* [44]; *Thanh tra, GSNH-Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động* [56] ... trong đó, bài viết *“Thanh tra, GSNH-Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động”* [56] của tác giả Đoàn Thái Sơn trình bày thực trạng hoạt động thanh tra, GSNH (TTGSNH) trong giai đoạn 2011-2019, bên cạnh những kết quả đạt được, bài chỉ rõ những khó khăn, hạn chế của hoạt động này. Trên cơ sở đó làm rõ một số thách thức đặt ra đối với hoạt động TTGSNH tại Việt Nam trong giai đoạn tới.

Bàn về thực trạng hoạt động giám sát của NHNN đối với các hình thức ngân hàng có các công trình tiêu biểu như: *“Xây dựng hệ thống giám sát NHTM Việt Nam”* [10]; *“Hoàn thiện hoạt động giám sát của NHNN đối với ngân hàng thương mại”* [28]; *“Những vấn đề đặt ra đối với hệ thống giám sát các hoạt động của ngân hàng quốc tế”* [58]; *“Tăng cường giám sát đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng Việt Nam”* [11]... Trong đó, bài *“Hoàn thiện hoạt động giám sát của NHNN đối với ngân hàng thương mại”* [28] của tác giả Nguyễn Thị Minh Huệ đã nghiên cứu có hệ thống về lý luận, trên cơ sở đó

đã nghiên cứu, phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động giám sát của NHNN đối với NHTM ở Việt Nam trong giai đoạn từ trước năm 2009.

Tác giả Nguyễn Chí Đức với bài viết *“Xây dựng hệ thống giám sát NHTM Việt Nam”* [10], bài phân tích những đặc điểm đặc trưng và những hạn chế về cơ cấu tổ chức của 3 phòng tuyến GSNH ở Việt Nam hiện nay: Giám sát của cơ quan hành chính nhà nước, kỷ luật thị trường của ngành NHTM và bảo hiểm tiền gửi. Từ đó rút ra những nhận xét, đánh giá chung về mô hình giám sát tài chính, ngân hàng của Việt Nam hiện nay và hướng hoàn thiện.

Nghiên cứu làm rõ những chính sách giám sát an toàn vĩ mô, các quy định pháp lý đảm bảo hoạt động giám sát của ngân hàng có các bài viết: *“NHNN Việt Nam với chính sách giám sát an toàn vĩ mô”* [30]; *“Hoàn thiện các qui định của pháp luật về cơ quan GSNH ở Việt nam hiện nay”* [1]; *“Định hướng hoàn thiện công tác kiểm toán nghiệp vụ thanh tra, GSNH tại NHNN Việt Nam”* [49] ... Tác giả Chu Thị Thanh An với bài viết *“Hoàn thiện các qui định của pháp luật về cơ quan GSNH ở Việt nam hiện nay”* [1], đã phân tích đánh giá thực trạng các qui định của pháp luật về cơ quan GSNH ở Việt nam hiện nay làm cơ sở đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn các quy định của pháp luật này. Tác giả Trương Hồng Quang với bài viết *“Định hướng hoàn thiện công tác kiểm toán nghiệp vụ thanh tra, GSNH tại NHNN Việt Nam”* [49] đề cập đến sự cần thiết phải thực hiện kiểm toán nghiệp vụ TTGSNH. Nêu một số nội dung thực hiện kiểm toán nghiệp vụ TTGSNH, các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kiểm toán nghiệp vụ TTGSNH, tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động kiểm toán nghiệp vụ TTGSNH.

Nghiên cứu có hệ thống thực trạng hoạt động TTGS của NHNN đối với NHTM, ngân hàng quốc tế và TTGS có các bài viết: *“Hoạt động giám sát*

của ngân hàng nước nước Việt Nam đối với ngân hàng thương mại” [27] và luận án “TTGS trên cơ sở rủi ro của ngân hàng nhà nước Việt Nam đối với các tổ chức tín dụng - Thực trạng và giải pháp” [17]...

Tác giả Nguyễn Thị Hoà [17] đi sâu nghiên cứu và phân tích làm rõ những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong thực trạng thực hiện TTGS. Những kết quả nghiên cứu của tác giả đã cung cấp bức tranh hiện trạng hiệu quả giám sát rủi ro của NHNN đối với các TCTD là cơ sở để đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN, nhằm đảm bảo sự ổn định và lành mạnh của hệ thống các TCTD, hệ thống tài chính.

1.3.NHỮNG CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN NGHIÊN CỨU VỀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Nghiên cứu đưa ra những đề xuất nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý trong hoạt động giám sát của NHNN nhằm đảm bảo sự bình đẳng trong lĩnh vực ngân hàng tài chính trong bài viết “*Level the playing field: The new supervision of credit institutions by the European Central Bank*” [99] của các tác giả Thomas Volland, Benedikt Wolfers các tác giả đã phân tích bối cảnh chung và các đặc điểm chính của khuôn khổ mới. Sau đó, nó xem xét các vấn đề pháp lý nhất định phát sinh, đặc biệt là sự phù hợp của Quy chế SSM với luật cơ bản của EU, lựa chọn cơ sở pháp lý thích hợp, cũng như sự phù hợp của các điều khoản với ranh giới liên quan đến việc phân cấp quyền lực hành chính và các nguyên tắc về tính độc lập và trách nhiệm giải trình của ECB.

Trong bài viết “*Cross Border Banking Supervision: Incentive Conflicts in Supervisory Information Sharing between Home and Host Supervisors*” [96] của tác giả Katia D'Hulster nghiên cứu những kinh

nghiệm phối hợp chia sẻ thông tin giám sát tài chính giữa các cơ quan giám sát của các quốc gia trên thế giới trong xu hướng hợp tác quốc tế cũng như những khó khăn đem lại từ cuộc khủng hoảng, những thách thức trong sự thiếu hợp tác giữa các cơ quan GSNH, tác giả đã đề xuất hệ thống giải pháp nhằm tăng cường sự chia sẻ chia sẻ thông tin giám sát xuyên biên giới giữa các quốc gia nhằm nâng cao hiệu quả GSNH dưới tác động không thuận lợi của bối cảnh thế giới.

Cuốn “*Global Banking Regulation and Supervision: What Are the Issues and What Are the Practices? (Financial Institutions and Services)*” [95] của tác giả James R. Barth, Jie Gan, Daniel E. Nolle chỉ ra rằng: Hai thập kỷ qua đã chứng kiến cả sự thay đổi to lớn và sự phát triển vượt bậc của lĩnh vực tài chính tại nhiều quốc gia. Tuy nhiên, không ít quốc gia cũng phải trải qua những cuộc khủng hoảng ngân hàng, đôi khi dẫn đến những sự cố ngân hàng tổn kém và gây ra sự gián đoạn tổng thể trong hoạt động kinh tế. Những thay đổi đó đòi hỏi phải xem lại vai trò và cấu trúc của giám sát và điều tiết ngân hàng. Cuốn sách đã chỉ ra giải pháp tăng cường giám sát của NHNN thông qua việc tạo cấu trúc phù hợp của giám sát và điều tiết ngân hàng. Nghiên cứu dựa trên nghiên cứu gần đây và dữ liệu chi tiết xuyên quốc gia, bao gồm dữ liệu từ cuộc khảo sát mới của Ngân hàng Thế giới về quy định và GSNH trên toàn thế giới, để tập trung vào một số lý do cơ bản và ý nghĩa của sự phát triển trong nhiều lĩnh vực. Chúng bao gồm những nội dung sau: bản chất và vai trò thay đổi của ngân hàng trong việc thúc đẩy tăng trưởng, phát triển và ổn định kinh tế; các hạn chế về phạm vi hoạt động ngân hàng và các thỏa thuận sở hữu được phép tiến hành các hoạt động đó; cấu trúc và phạm vi của các chương trình quản lý và GSNH; thực hành giám sát để thúc đẩy ngân hàng an toàn và lành mạnh; kỷ luật thị trường và quản trị doanh nghiệp trong lĩnh vực ngân hàng; hợp

tác quốc tế về quy định và giám sát; Ngân hàng nước ngoài; các tranh chấp tiềm ẩn trong ngân hàng phát sinh từ việc trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới; và các chương trình bảo hiểm tiền gửi.

Tác giả Ioannidu, V.P [93] trên cơ sở nghiên cứu làm rõ những tác động của chính sách tiền tệ đến giám sát NHTM từ phía ngân hàng trung ương, đã chỉ ra mô hình giám sát phù hợp đối với đặc điểm phát triển của một số quốc gia trên thế giới.

Các công trình nghiên cứu của một số tác giả ở Lào, quan tâm nghiên cứu đề xuất giải pháp hoàn thiện giám sát của NHNN CHDCND Lào đối với các TCTD được đề cập đến ở một số công trình tiêu biểu sau: *“Kiểm soát RRTD tại các NHTM của nước CHDCND Lào”* [53]; *“Thực trạng và giải pháp kiểm soát RRTD tại các NHTM của Lào”* [54]; *“Bối cảnh mới tác động đến kiểm soát RRTD tại các NHTM của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và một số vấn đề đặt ra”* [55] ...

Trong bài viết *“Bối cảnh mới tác động đến kiểm soát RRTD tại các NHTM của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và một số vấn đề đặt ra”* [55] tác giả đi sâu nghiên cứu bối cảnh quốc tế về tình hình tài chính, vấn đề địa chính trị, lạm phát toàn cầu,... cũng như bối cảnh trong nước ảnh hưởng đến vấn đề tín dụng và đặt ra yêu cầu cần nâng cao hiệu quả kiểm soát RRTD bằng nâng cao hiệu quả giám sát của NHNN đối với các TCTD nhằm đảm bảo an toàn hệ thống tín dụng quốc gia đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ đổi mới đất nước.

Luận án *“Kiểm soát RRTD tại các NHTM của nước CHDCND Lào”* [53] tác giả đã nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao năng lực giám sát của NHNN đối với các TCTD ở Lào nhằm góp phần nâng cao hiệu quả kiểm soát RRTD tại các NHTM của nước CHDCND Lào trong đó tập trung làm rõ một số giải pháp về xây dựng kiện toàn bộ máy giám sát, hoàn thiện

hệ thống pháp luật tạo hành lang pháp lý cho nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD. Đồng thời, cần hoàn thiện quy trình giám sát, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giám sát của NHNN đối với các TCTD nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động GSTX đối với RRTD của các NHTM Lào.

Ở Việt Nam, từ nghiên cứu thực trạng hoạt động giám sát của NHNN Việt Nam các tác giả đề xuất hệ thống giải pháp tăng cường hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN Việt Nam hiện nay được thể hiện trong các công trình: *“Tăng cường giám sát đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng Việt Nam”* [11]; *“Xây dựng hệ thống giám sát NHTM Việt Nam”* [10]; *“Hoạt động thanh tra, GSNH của NHNN Việt Nam và một số khuyến nghị”* [60]; *“Thanh tra, GSNH-Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động”* [56];... Trong đó, bài viết *“Tăng cường giám sát đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng Việt Nam”* [11] của tác giả Đoàn Thanh Hà nghiên cứu phân tích và làm rõ vai trò của công tác giám sát, đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng; thực trạng GSNH ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất hệ thống giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát đáp ứng yêu cầu thực tiễn và thông lệ quốc tế dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và toàn cầu hoá. Bài viết *“Xây dựng hệ thống giám sát NHTM Việt Nam”* [10] của tác giả Nguyễn Chí Đức phân tích những đặc điểm đặc trưng và những hạn chế về cơ cấu tổ chức của 3 phòng tuyến GSNH ở Việt Nam hiện nay: Giám sát của cơ quan hành chính nhà nước, kỷ luật thị trường của ngành NHTM và bảo hiểm tiền gửi. Từ đó rút ra những nhận xét, đánh giá chung về mô hình giám sát tài chính, ngân hàng của Việt Nam hiện nay và hướng hoàn thiện.

Bài viết *“Thanh tra, GSNH-Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động”* [56] của tác giả Đoàn Thái Sơn, trên cơ sở khảo cứu thực

trạng hoạt động TTGS ngân hàng trong giai đoạn 2011-2019, tác giả đã đề xuất một số giải pháp góp phần đổi mới hoạt động TTGS ngân hàng, cụ thể: Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về TTGS ngân hàng. Đổi mới toàn diện phương pháp và nội dung TTGSNH. Đổi mới căn bản phương thức, nội dung TTGS ngân hàng ... Xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển dụng, đào tạo đội ngũ công chức TTGS ngân hàng ...

Từ nghiên cứu các mô hình giám sát các tác giả đã chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong việc ứng dụng các mô hình giám sát nhằm nâng cao hiệu quả giám sát của NHNN như: *“Ứng dụng mô hình CAMELS trong hệ thống GSNH Việt Nam”* [9]; *“Thực trạng công tác GSNH và sự cần thiết của việc áp dụng mô hình dự báo tài chính trong hoạt động GSNH Việt Nam”* [44]; Kỷ yếu Hội thảo [22] của Học viện ngân hàng; đề tài khoa học *“Ứng dụng phương pháp Gauss-Seidel trong xây dựng mô hình giám sát an toàn hoạt động ngân hàng tại Cơ quan Thanh tra, GSNH”* [45]... Trong đó, bài viết *“Ứng dụng mô hình CAMELS trong hệ thống GSNH Việt Nam”* [9] của tác giả Nguyễn Chí Đức, Bùi Thị Minh Tâm giới thiệu kết quả xây dựng 4 báo cáo cơ bản làm cơ sở cho việc hoạt động giám sát hệ thống ngân hàng; Báo cáo giám sát vĩ mô, báo cáo đánh giá xếp hạng, báo cáo cảnh báo sớm, báo cáo tiền thanh tra,... và thực hiện xếp hạng các ngân hàng mà NHNN Việt Nam đã thực hiện dựa trên các tiêu chí của mô hình CAMELS mà những nước phát triển đang sử dụng. Từ đó chỉ ra mặt tích cực, hạn chế của việc vận dụng mô hình này vào thực tế Việt Nam và đưa ra một số khuyến nghị.

Đề tài khoa học *“Ứng dụng phương pháp Gauss-Seidel trong xây dựng mô hình giám sát an toàn hoạt động ngân hàng tại Cơ quan Thanh tra, GSNH”* [45] của tác giả Trần Đăng Phi và Nguyễn Phi Lân trên cơ sở đánh giá, xác định loại rủi ro mà hệ thống ngân hàng nói chung và từng

ngân hàng trong mẫu nghiên cứu nói riêng đang đối mặt; đo lường và đánh giá mức độ của rủi ro; đưa ra những tín hiệu cảnh báo về rủi ro an toàn hoạt động đối với các NHTM. Đề tài đã phân tích tác động của các cú sốc do các ngân hàng yếu kém gây ra với các giả định cho trước để từ đó đưa ra các kiến nghị về chính sách phù hợp với tình hình thực tiễn của Việt Nam trong thời gian tới.

Một số công trình các tác giả nghiên cứu và đưa ra các giải pháp hoàn thiện khuôn khổ pháp lý như bài viết: *“Một số giải pháp nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đối với công tác GSNH”* [13]; *“Hoàn thiện các qui định của pháp luật về cơ quan GSNH ở Việt nam hiện nay”* [1]; *“Hoàn thiện pháp luật về GSNH nhằm hạn chế tác động tiêu cực của sở hữu chéo trong hệ thống NHTM”* [47] ... Trong đó, bài viết *“Một số giải pháp nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đối với công tác GSNH”* [13] của các tác giả Bùi Văn Hải, Phan Hữu Việt, Đoàn Thị Thúy, từ việc làm rõ tầm quan trọng của công tác GSNH ở Việt Nam và một số vấn đề thuộc về khuôn khổ pháp lý đối với công tác GSNH ở Việt Nam, cũng như thông lệ quốc tế liên quan tới khuôn khổ pháp lý về công tác GSNH và hoạt động GSNH; Qua đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để nâng cao hiệu lực, hiệu quả đối với công tác GSNH ở Việt Nam trong thời gian tới.

Bài viết *“Hoàn thiện các qui định của pháp luật về cơ quan GSNH ở Việt nam hiện nay”* [1] của tác giả Chu Thị Thanh An trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận và phân tích đánh giá thực trạng các qui định của pháp luật về cơ quan GSNH ở Việt nam hiện nay, từ đó đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện các qui định này.

Từ nghiên cứu hoạt động TTGS trên cơ sở rủi ro các tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động TTGS của NHNN như các công trình: *“TTGS trên cơ sở rủi ro - Kinh nghiệm quốc tế và một*

số đề xuất” [18]; “*Xây dựng khung QLRR hoạt động hướng tới GSNH trên cơ sở rủi ro*” [40], ... trong đó bài viết “*Xây dựng khung QLRR hoạt động hướng tới GSNH trên cơ sở rủi ro*” [40] của Nhóm nghiên cứu Quản trị rủi ro hoạt động, NHTM cổ phần Ngoại thương Việt Nam trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận, phân tích và làm rõ những khó khăn trong công tác QLRR tại các TCTD Việt Nam, cũng như quát sự chỉ đạo và hỗ trợ từ NHNN đối với các TCTD về QLRR hoạt động đã đề xuất hệ thống giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN đối với hệ thống ngân hàng trên cơ sở rủi ro.

Tác giả Nguyễn Thị Hoà [17] trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận về hoạt động TTGS, rủi ro và thực trạng hoạt động TTGS ở Việt Nam đề xuất hệ thống giải pháp nhằm áp dụng và xây dựng lộ trình triển khai phương pháp TTGS.

Nghiên cứu chỉ ra một số giải pháp hoàn thiện hoạt động giám sát của NHNN đối với các hệ thống ngân hàng có các công trình như: “*Hoàn thiện hoạt động giám sát của NHNN đối với NHTM*” [28]; “*Những vấn đề đặt ra đối với hệ thống giám sát các hoạt động của ngân hàng quốc tế*” [58]; “*Công tác GSNH trong đảm bảo an ninh tiền tệ và an toàn hệ thống ngân hàng*” [34]; luận án “*Hoạt động giám sát của ngân hàng nhà nước Việt Nam đối với ngân hàng thương mại*” [27]... trong bài viết “*Hoàn thiện hoạt động giám sát của NHNN đối với NHTM*” [28] của tác giả Nguyễn Thị Minh Huệ trên cơ sở đánh giá hoạt động TTGS của NHNN Việt Nam tác giả đã đề xuất hệ thống giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN đối với NHTM giai đoạn trước năm 2009.

Nghiên cứu nhằm hoàn thiện công tác kiểm toán nghiệp vụ TTGS NHNN Việt Nam tác giả Trương Hồng Quang trong bài viết “*Định hướng hoàn thiện công tác kiểm toán nghiệp vụ thanh tra, GSNH tại NHNN Việt*

Nam” [49], trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận cũng như thực trạng hoạt động kiểm toán nghiệp vụ TTGS ngân hàng bài viết đã nêu định hướng hoàn thiện hoạt động kiểm toán nghiệp vụ TTGS tại NHNN Việt Nam trong thời gian tới.

Trên cơ sở nghiên cứu bối cảnh quốc tế, kinh nghiệm quốc tế về hoạt động TTGS của NHNN và tác động của bối cảnh mới tới hoạt động TTGS của NHNN và đề xuất hệ thống giải pháp phù hợp có các công trình: “GSNH sau khủng hoảng tài chính và khuyến nghị cho Việt Nam” [12]; “Tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tới lĩnh vực tài chính ngân hàng” [15]; “Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và sự chuẩn bị của ngành Ngân hàng Việt Nam” [57]; “Kinh nghiệm quốc tế trong phối hợp, chia sẻ thông tin giám sát hệ thống tài chính và gợi ý cho Việt Nam” [17]; Kỷ yếu hội thảo [23], đề tài khoa học [59],... nghiên cứu yêu cầu và điều kiện và khả năng áp dụng các khuyến nghị của Basel III trong giám sát hệ thống các NHTM Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, đề tài đưa ra kiến nghị và đề xuất về việc áp dụng một số khuyến nghị của Basel III tại dự thảo bản sửa đổi một số Thông tư của NHNN Việt Nam.

1.4. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA LUẬN ÁN CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.4.1. Những giá trị của các công trình luận án cần tham khảo

Nghiên cứu về hoạt động giám sát của NHNN đã được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Qua kết quả tổng quan tài liệu đã công bố liên quan đến đề tài luận án cho thấy kết quả nghiên cứu của các công trình như sau:

Một là, các công trình đã nghiên cứu và hệ thống hoá được một số vấn đề lý luận cơ bản về hoạt động TTGS của NHNN đối với NHTM, với

các TCTD, với ngân hàng quốc tế; đồng thời, đã nghiên cứu chỉ ra những tác động của bối cảnh toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 cũng như cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới tới hoạt động giám sát của NHNN. Các công trình cũng đã nghiên cứu chỉ ra những kinh nghiệm quốc tế trong hoạt động giám sát của NHNN và những bài học kinh nghiệm nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD.

Hai là, các công trình đã nghiên cứu chỉ ra thực trạng hoạt động giám sát của NHNN trong phạm vi nghiên cứu của từng công trình, chỉ ra những vấn đề đặt ra, phân tích chỉ rõ nguyên nhân của những hạn chế trong hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD.

Ba là, trong phạm vi nghiên cứu của từng công trình các nhà nghiên cứu cũng đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm tăng cường vai trò giám sát của NHNN, cũng như nâng cao hiệu quả giám sát của NHNN nhằm đảm bảo an toàn tài chính của các quốc gia.

Tuy nhiên, nghiên cứu mang tính hệ thống về những vấn đề lý luận, thực trạng hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD, cũng như nghiên cứu và hệ thống hoá những vấn đề lý luận và thực trạng hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD ở nước CHDCND Lào hiện nay thì chưa có công trình nghiên cứu.

1.4.2. Một số vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Những nghiên cứu về những vấn đề lý luận về hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD chưa mang tính hệ thống và toàn diện, mới chỉ dừng lại ở tầm vi mô chưa hướng tới sự hoàn thiện giám sát an toàn hệ thống.

Giám sát an toàn hệ thống phải được thể hiện ở việc hoàn thiện quy trình giám sát với các bước cụ thể, hệ thống hoá các báo cáo định kỳ phản

ánh được đầy đủ hoạt động của hệ thống ngân hàng trong quá khứ, hiện tại và đưa ra những dự báo trong tương lai.

Để hoàn thiện thiện hoạt động giám sát theo hướng an toàn hệ thống luận án sẽ nghiên cứu tập trung những nội dung cơ bản sau:

Một là, nghiên cứu phân tích có hệ thống cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD. Trong đó, nghiên cứu và phân tích thực tiễn hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD trên thế giới, từ đó luận giải những bài học kinh nghiệm cho giám sát của NHNN đối với các TCTD ở nước CHDCND Lào hiện nay.

Hai là, phân tích thực trạng hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với các TCTD, đánh giá, làm rõ thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong thực tiễn giám sát của NHNN đối với các TCTD trong bối cảnh mới hiện nay

Ba là, đề xuất hệ thống giải pháp hoàn thiện hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD ở nước CHDCND Lào theo hướng đảm bảo an toàn cho hệ thống ngân hàng nói chung và đối với các TCTD nói riêng; tập trung vào đề xuất hệ thống giải pháp thuộc về cơ sở pháp lý, nội dung, phương pháp, quy trình giám sát; đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuẩn hoá hệ thống thông tin.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

2.1. KHÁI NIỆM VÀ VAI TRÒ GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

2.1.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1.1. Khái niệm ngân hàng nhà nước, tổ chức tín dụng và mối quan hệ giữa ngân hàng nhà nước và tổ chức tín dụng

**Khái niệm ngân hàng nhà nước*

Ngân hàng nhà nước (NHNN) là một cơ quan thuộc bộ máy Nhà nước, được độc quyền phát hành giấy bạc ngân hàng và thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động tiền tệ, tín dụng ngân hàng.

Ngân hàng nhà nước thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối (sau đây gọi là tiền tệ và ngân hàng); thực hiện chức năng của Ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các TCTD và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ. Hoạt động của NHNN không vì mục tiêu lợi nhuận mà nhằm mục đích ổn định giá trị đồng tiền; bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng và hệ thống các TCTD; bảo đảm sự an toàn, hiệu quả của hệ thống thanh toán quốc gia từ đó tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển kinh tế

** Khái niệm, các loại hình và nhiệm vụ của tổ chức tín dụng*

Tín dụng theo nghĩa của *Từ điển Tiếng Việt* là “sự vay mượn tiền mặt và vật tư, hàng hoá” [71, tr.994]. Theo *Luật Các TCTD năm 2024*, của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam “là tổ chức

kinh tế có tư cách pháp nhân thực hiện một, một số hoặc tất cả hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này. TCTD bao gồm ngân hàng, TCTD phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân” [51, tr.6-7].

Trong đó, hoạt động ngân hàng là việc kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số các nghiệp vụ sau đây:

Một là, nhận tiền gửi. Nhận tiền gửi là hoạt động nhận tiền của tổ chức, cá nhân dưới hình thức: Tiền gửi không kỳ hạn; Tiền gửi có kỳ hạn; Tiền gửi tiết kiệm; Phát hành chứng chỉ tiền gửi; Kỳ phiếu; Tín phiếu; Các hình thức nhận tiền gửi khác theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho người gửi tiền theo thỏa thuận.

Hai là, cấp tín dụng.

Cấp tín dụng được hiểu là sự thỏa thuận của các tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng một khoản tiền bằng các nghiệp vụ tín dụng theo quy định pháp luật như: có hoàn trả bằng nghiệp vụ, chiết khấu, cho thuê tài chính, bảo lãnh, thư tín dụng...

Ba là, cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản, bao gồm: Cung ứng phương tiện thanh toán; Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, thư tín dụng; Các dịch vụ thanh toán khác cho khách hàng thông qua tài khoản của khách hàng.

Các loại hình TCTD

TCTD bao gồm ngân hàng, TCTD phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô.

Một là, ngân hàng. Ngân hàng là loại hình TCTD có thể được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Theo tính chất và mục tiêu hoạt động, các loại hình ngân hàng bao gồm:

Ngân hàng thương mại (NHTM): loại hình ngân hàng được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật nhằm mục tiêu lợi nhuận.

Ngân hàng chính sách: ngân hàng do Chính phủ thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước.

Hai là, TCTD phi ngân hàng: TCTD phi ngân hàng là loại hình TCTD được thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật, trừ các hoạt động nhận tiền gửi của cá nhân và cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản của khách hàng.

TCTD phi ngân hàng bao gồm: Công ty tài chính; Công ty cho thuê tài chính, đây là loại hình công ty tài chính có hoạt động chính là cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật; Các TCTD phi ngân hàng khác.

Ba là, tổ chức tài chính vi mô. Tổ chức tài chính vi mô là loại hình TCTD chủ yếu thực hiện một số hoạt động ngân hàng nhằm đáp ứng nhu cầu của các cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp và doanh nghiệp siêu nhỏ.

Nhiệm vụ của các TCTD:

Một là, bảo vệ quyền lợi của khách hàng

1. Tham gia tổ chức bảo toàn, bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật và công bố công khai việc tham gia tổ chức bảo toàn, bảo hiểm tiền gửi tại trụ sở chính và chi nhánh;

2. Tạo thuận lợi cho khách hàng gửi và rút tiền, bảo đảm thanh toán đủ, đúng hạn gốc và lãi của các khoản tiền gửi;

3. Từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tiền gửi của khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng;

4. Thông báo công khai lãi suất tiền gửi, phí dịch vụ, các quyền, nghĩa vụ của khách hàng đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ đang cung ứng;

5. Công bố thời gian giao dịch chính thức và không được tự ý ngừng giao dịch vào thời gian đã công bố. Trường hợp ngừng giao dịch trong thời gian giao dịch chính thức, TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải niêm yết tại nơi giao dịch chậm nhất là 24 giờ trước thời điểm ngừng giao dịch.

Hai là, có trách nhiệm phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố

TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm sau đây:

1. Không được che giấu, thực hiện hoạt động kinh doanh liên quan đến khoản tiền đã có bằng chứng về nguồn gốc bất hợp pháp;
2. Xây dựng quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố;
3. Thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố;
4. Hợp tác với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc điều tra hoạt động rửa tiền, tài trợ khủng bố.

**Mối quan hệ giữa NHNN và TCTD trong phát triển nền kinh tế thị trường*

Hoạt động tín dụng là một hoạt động chủ yếu của ngân hàng thương mại (NHTM), là việc các NHTM sử dụng nguồn vốn tự có, nguồn vốn đi vay và nguồn vốn huy động để cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức cho vay, chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá khác; bảo lãnh; cho thuê tài chính và các hình thức khác theo quy định của ngân hàng Trung ương. Hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD có ý nghĩa quan trọng nhằm đảm bảo sự ổn định tài chính của các TCTD nhằm tạo nguồn lực tài chính nhằm đảm bảo sự phát triển của các thành phần kinh tế thích ứng với nền kinh tế thị trường. Điều này thể hiện trên các điểm quan trọng như sau:

Thứ nhất, các TCTD thực hiện hoạt động tín dụng có vai trò tập trung nguồn lực tài chính tài trợ quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Việc huy động nguồn tiết kiệm và đầu tư cho một ngành kinh tế mang ý nghĩa giúp cho ngành

đó phát triển và làm thay đổi cơ cấu kinh tế tổng thể. Để chuyển các khoản tiết kiệm thành nguồn vốn đầu tư cần phải có kênh truyền dẫn. Trong lĩnh vực này, các ngân hàng trở thành những kênh truyền dẫn hữu hiệu.

Thứ hai, các TCTD thực hiện hoạt động tín dụng góp phần phân bổ các nguồn lực tài chính nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định và hiệu quả của các thành phần kinh tế. Đặc trưng của huy động và sử dụng vốn của hệ thống ngân hàng là thu hút và biến đổi toàn bộ tài sản tài chính dưới các tên gọi khác nhau của nhân dân từ trạng thái tĩnh sang trạng thái động. Điều đó làm cho các nguồn lực tài chính trong nền kinh tế xã hội luôn vận động, dịch chuyển từ từ ngành kinh tế này sang ngành kinh tế khác, từ khu vực này sang khu vực khác.

Thứ ba, các TCTD thực hiện chuyển tải sự hỗ trợ của nhà nước đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Sự hỗ trợ của nhà nước có thể được thực hiện qua các ngân hàng của chính phủ, thông thường là ngân hàng phát triển hoặc ngân hàng chính sách.

Thứ tư, các TCTD thực hiện hoạt động tín dụng góp phần thúc đẩy áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ nhằm phát triển hiệu quả nền kinh tế nhiều thành phần hoạt động theo cơ chế thị trường nhằm tạo chuyển biến tích cực và hiệu quả trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Hệ thống ngân hàng với khả năng huy động và tập trung nguồn vốn xã hội có thể cung cấp các khoản tín dụng lớn giúp doanh nghiệp đầu tư đổi mới khoa học công nghệ.

Thứ năm, các TCTD góp phần mở rộng ngoại thương trong quá trình hội nhập. Thông qua tín dụng ngân hàng phục vụ xuất nhập khẩu các quan hệ kinh tế quốc tế diễn ra nhanh chóng và thường xuyên, là cơ sở để đẩy mạnh xuất khẩu và công nghiệp hoá hiện đại hoá nền kinh tế.

2.1.1.2. Khái niệm giám sát của ngân hàng nhà nước đối với các tổ chức tín dụng

Theo *Từ điển tiếng Việt*, giám sát là “Theo dõi và kiểm tra xem có thực hiện đúng những điều quy định không” [71, tr.389]. Giám sát là việc theo dõi, kiểm tra xem có thực hiện đúng những điều quy định hay không. Giám sát là khái niệm rộng hơn thanh tra bao gồm cả thanh tra, kiểm tra theo dõi từ xa với nhiều nội dung thực hiện như đã phân tích định tính, định lượng, tổng hợp, xử lý số liệu... Thanh tra thường được tiến hành bằng cách đến tận nơi, trực tiếp kiểm tra, trong đó giám sát thường không cần phải đến tận nơi.

Giám sát ngân hàng (GSNH) được thực hiện nhằm đảm bảo việc các ngân hàng hoặc tổ chức tài chính (cấp vi mô) tuân thủ các quy định, chuẩn mực, góp phần đảm bảo giúp an toàn hệ thống tài chính, ngân hàng, giảm thiểu rủi ro và mất an toàn hệ thống. Từ các kết quả giám sát, cơ quan GSNH ban hành kết luận mang tính pháp lý ràng buộc việc các ngân hàng, tổ chức tài chính thực hiện các biện pháp khuyến nghị, đề xuất nhằm khắc phục những sai phạm, hạn chế nhằm đảm bảo an toàn hệ thống tài chính.

GSNH là hoạt động được thực hiện thường xuyên thông qua phương thức giám sát an toàn vi mô và giám sát an toàn vĩ mô bằng việc sử dụng các phương pháp, tiêu chuẩn, công cụ giám sát và hệ thống thông tin báo cáo do Thống đốc NHNN quy định. Trong đó, giám sát an toàn vi mô là hình thức giám sát được thực hiện thông qua việc giám sát đối với từng đối tượng TCTD, thực hiện hệ thống thông tin báo cáo, các chuẩn mực an toàn vốn, an toàn hệ thống; sử dụng các công cụ, bộ tiêu chí, tiêu chuẩn và phân tích hoạt động, tình hình tài chính nhằm đánh giá mức độ an toàn vốn của TCTD, xếp hạng các TCTD, phát hiện và cảnh báo rủi ro đối với các TCTD có nguy cơ mất an toàn vốn, nguy cơ đổ vỡ, phá sản, vi phạm pháp luật... Giám sát an toàn vĩ mô là hình thức giám sát đối với hệ thống các TCTD được thực hiện dựa trên hệ thống chỉ tiêu phản ánh mức độ lành mạnh tài chính và an toàn hoạt động; hệ thống thông tin, báo cáo phục vụ phân tích và giám sát an toàn

vĩ mô; hệ thống phương pháp, công cụ, quy trình phân tích, giám sát, cảnh báo, sự an toàn, ổn định của hệ thống các TCTD; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về an toàn và ổn định hệ thống. Theo thông lệ quốc tế, nội hàm của GSNH theo nghĩa rộng bao quát hơn nội hàm của thanh tra ngân hàng, bản thân việc GSNH đã bao gồm cả việc thanh tra tài chính (TTTC).

Hoạt động GSNH được quy định tại Luật NHNN của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là *“hoạt động của NHNN trong việc thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin về đối tượng GSNH thông qua hệ thống thông tin, báo cáo nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời rủi ro gây mất an toàn hoạt động ngân hàng, vi phạm quy định an toàn hoạt động ngân hàng và các quy định khác của pháp luật có liên quan”* [61, tr.30].

Như vậy, giám sát của ngân hàng đối với các TCTD được hiểu theo nghĩa rộng là *các hoạt động của NHNN trong việc thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin của các TCTD thông qua hệ thống thông tin, báo cáo nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời rủi ro gây mất an toàn hoạt động ngân hàng, vi phạm quy định an toàn hoạt động của TCTD và các quy định khác của pháp luật có liên quan nhằm đảm bảo cho sự an toàn, lành mạnh của hệ thống các TCTD*. Theo nghĩa hẹp, hoạt động GSNH có thể chỉ được hiểu là các hoạt động TTTC và giám sát thường xuyên (GSTX).

2.1.2. Vai trò giám sát của ngân hàng nhà nước đối với các tổ chức tín dụng

Một là, góp phần bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hệ thống các TCTD

Hoạt động giám sát của NHNN có ý nghĩa quan trọng đối với việc tăng cường quản lý nhà nước trên lĩnh vực ngân hàng, tiền tệ, nhằm đảm bảo các đối tượng thuộc hoạt động giám sát của NHNN là TCTD đảm bảo an toàn vốn, hoạt động hiệu quả, tạo môi trường thực thi chính sách tiền tệ hiệu quả

như lãi suất, nghiệp vụ thị trường mở, dự trữ bắt buộc...nhằm điều tiết lượng tiền cung ứng đảm bảo phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đảm bảo công ăn việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp, kiềm chế lạm phát, ổn định giá cả thị trường tiền tệ và cân bằng cán cân thanh toán...Những kết quả cho thấy trong nền kinh tế của quốc gia có thị trường tài chính, dòng tiền được ổn định, tăng trưởng kinh tế đất nước, người lao động có việc làm tỷ lệ, giá cả thị trường ổn định, lạm phát thấp...khẳng định hiệu quả của hoạt động giám sát của NHNN và nâng cao vai trò và vị thế của NHNN đối với vấn đề ổn định nền kinh tế vĩ mô.

Trên cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động, dự báo rủi ro hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD có ý nghĩa quan trọng đánh giá chất lượng và nâng cao hiệu quả hoạt động của các TCTD từ đó có những biện pháp đề xuất ngăn chặn tình trạng khủng hoảng, phá sản của các TCTD, tái cơ cấu lại hệ thống các TCTD, hạn chế những sai phạm trong hoạt động của các TCTD...nhờ vậy mà hệ thống các TCTD và tình hình tài chính, tiền tệ được đảm bảo an toàn và trở thành nền tảng quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD cũng góp phần quan trọng tạo sân chơi bình đẳng, môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các TCTD trong bối cảnh nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

Trong khuôn khổ hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD, lợi ích lớn nhất mà NHNN và cơ quan giám sát của NHNN nhận được là việc các nguồn lực quản lý và giám sát được sử dụng một cách hiệu quả và hiệu lực hơn nhằm đảm bảo an toàn vốn của toàn hệ thống, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các TCTD, đồng thời có ý nghĩa quan trọng đối với các TCTD nâng cao hiệu quả hoạt động, chủ động ứng phó với nguy cơ tiềm ẩn rủi ro, mất an toàn hệ thống, cụ thể như sau: Các TCTD chủ động ứng phó

với rủi ro: Trên cơ sở thu tập thông tin số liệu hoạt động của các TCTD, xem xét, đánh giá tình hình hoạt động trên cơ sở chính sách pháp luật tài chính tiền tệ quốc gia và quốc tế, hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD đưa ra những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro về tình hình tài chính, nguy cơ vi phạm chính sách, pháp luật tài chính, tiền tệ, ngân hàng, những tác động của tình hình tài chính, tiền tệ đối với hoạt động của các TCTD, tình hình đảm bảo an toàn vốn...từ đó giúp các TCTD nhận diện được những nguy cơ, rủi ro nào mà TCTD sẽ phải đối mặt, vi phạm nào dẫn đến rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của TCTD...Từ những kết luận, dự báo trong hoạt động giám sát của NHNN, các TCTD có các biện pháp chủ động thích ứng với tình hình tài chính, tiền tệ, ngân hàng của mình trong thực tiễn.

Hai là, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền và khách hàng của TCTD

Tín dụng là một hoạt động nghiệp vụ quan trọng, chủ chốt trong hoạt động ngân hàng nhưng cũng là nghiệp vụ có tính rủi ro cao. Thực hiện hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD có ý nghĩa quan trọng nhằm thu thập thông tin, tài liệu và tiến hành thanh tra hoạt động của các TCTD từ đó giúp cơ quan giám sát có những căn cứ để phát hiện, xử lý sai phạm, cảnh báo rủi ro, đánh giá chất lượng hoạt động của các TCTD nhằm đảm bảo quyền lợi của người gửi tiền và khách hàng của các TCTD. Trong thực tế, quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền bị ảnh hưởng do các TCTD trong tình trạng mất khả năng chi trả và có nguy cơ phá sản. Vì thế, hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD có ý nghĩa quan trọng nhằm bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền, khách hàng của các TCTD, từ đó duy trì và nâng cao lòng tin của công chúng đối với hệ thống các TCTD.

Ba là, duy trì và nâng cao lòng tin của công chúng đối với hệ thống các TCTD

Lòng tin của khách hàng đối với các dịch vụ của được cung cấp trong nền kinh tế thị trường được coi là một trong những mục tiêu quan trọng cần đạt được mà duy trì của mọi tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh. Bởi lòng tin của khách hàng có ý nghĩa đảm bảo sự phát triển bền vững của các tổ chức trong các lĩnh vực đang hoạt động. Trong lĩnh vực hoạt động của các TCTD đặc biệt là hoạt động kinh doanh tiền tệ và ngân hàng của các TCTD thì niềm tin của khách hàng được đánh giá là tiêu chí quan trọng để đảm bảo sự tồn tại, phát triển và nâng cao vị thế của các TCTD trong thị trường tài chính, tiền tệ. Bởi, lòng tin của khách hàng đối với các TCTD có vai trò quyết định sức hút nguồn vốn phục vụ cho hoạt động kinh tế, tài chính của đất nước. Trước hết để đảm bảo lòng tin của khách hàng thì các TCTD cần có tình hình tài chính ổn định, đảm bảo khả năng thanh toán và khả năng chi trả cho khách hàng. Từ đó, giúp nâng cao niềm tin của khách hàng đối với các TCTD.

Nếu một TCTD mất khả năng chi trả, quyền lợi của người gửi và khách hàng bị ảnh hưởng điều này tất yếu khách quan dẫn đến những phản ứng dây chuyền đối với hệ thống khách hàng của TCTD, khi người gửi đồng loạt rút tiền gửi làm cho hệ thống tài chính, tiền tệ của các TCTD rơi vào tình trạng bất ổn, mất khả năng chi, trả và thanh toán, không tạo được sức hút đối với nguồn vốn từ người dân thông qua tiền gửi. Điều này, dẫn đến các TCTD phải đối mặt với nguy cơ khủng hoảng, phá sản, đồng thời sẽ ảnh hưởng tới tình hình tài chính, tiền tệ quốc gia và tình hình phát triển kinh tế của quốc gia.

Vì thế, các hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD cần được tiến hành thường xuyên, hiệu quả nhằm đảm bảo chất lượng hoạt động của các TCTD, cảnh báo rủi ro, sai phạm, bất ổn của các TCTD tránh tình trạng TCTD mất khả năng thanh toán, không trả được nợ, dẫn đến nguy cơ phá sản.

Bốn là, bảo đảm việc chấp hành chính sách, pháp luật về tiền tệ và ngân hàng, góp phần vào việc đảm bảo kỷ cương, kỷ luật và tuân thủ pháp luật

trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng; góp phần nâng cao hiệu quả và hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

Kết quả hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD sẽ đưa ra những kết luận về tình hình sai phạm, hạn chế còn tồn tại trong hoạt động của các TCTD, từ đó có những căn cứ để yêu cầu các TCTD thực hiện việc khắc phục, sửa chữa những sai lầm, vi phạm nhằm đảm bảo các hoạt động của các TCTD tuân thủ theo những quy định của các chính sách pháp luật về tiền tệ và ngân hàng, tạo sân chơi và môi trường cạnh tranh lành mạnh cho các TCTD trong bối cảnh nền kinh tế thị trường, đảm bảo quyền lợi của người gửi và khách hàng. Hiệu quả của hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD có ý nghĩa quan trọng đưa các TCTD đi vào hoạt động theo đúng quy định của Nhà nước và của Ngành, đảm bảo kỷ cương, kỷ luật của quốc gia và nâng cao ý thức tự giác sự tuân thủ pháp luật của các đối tượng giám sát, nâng cao hiệu quả quản lý của nhà nước đối với trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng giúp cho việc điều hành chính sách tiền tệ đạt được hiệu quả, góp phần quan trọng để thực hiện các mục tiêu kinh tế vĩ mô.

Hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD có vai trò quan trọng nhằm khẳng định chất lượng quản lý Nhà nước trên lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng nhằm thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững quốc gia.

2.2. NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG PHÁP VÀ QUY TRÌNH GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

2.2.1. Nguyên tắc giám sát của ngân hàng nhà nước đối với các tổ chức tín dụng

Nguyên tắc theo *Từ điển Tiếng Việt* là “Điều cơ bản định ra, nhất thiết phải tuân theo trong một loạt việc làm” [71, tr.694].

Trong hoạt động giám sát của NHNN đối với TCTD được thực hiện cần đảm bảo các nguyên tắc cơ bản sau:

Thứ nhất, bảo đảm tập trung, thống nhất trong chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ từ Trung ương đến địa phương.

Thứ hai, tuân theo pháp luật; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra giữa các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra; không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra ngân hàng, đối tượng GSNH.

Thứ ba, hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD được tiến hành theo đoàn giám sát hoặc do giám sát viên ngân hàng thực hiện.

Thứ tư, GSNH được tiến hành thường xuyên, liên tục.

Thứ năm, kết hợp TTGS việc chấp hành chính sách, pháp luật với TTGS rủi ro trong hoạt động của đối tượng thanh tra ngân hàng, đối tượng GSNH; kết hợp giám sát tuân thủ với giám sát rủi ro, giám sát an toàn vi mô với giám sát an toàn vĩ mô; kết hợp chặt chẽ giữa thanh tra ngân hàng và GSNH.

Thứ sáu, thực hiện TTGS toàn bộ hoạt động của TCTD.

Thứ bảy, thực hiện theo quy định của Luật Ngân hàng Trung ương Lào (BLO) của nước CHDCND Lào và các quy định khác của pháp luật có liên quan; trường hợp có sự khác nhau giữa quy định về thanh tra ngân hàng, GSNH của Luật Ngân hàng Trung ương Lào (BLO) của nước CHDCND Lào với quy định của luật khác thì thực hiện theo quy định của Luật Ngân hàng Trung ương Lào (BLO) của nước CHDCND.

Thứ tám, Thông đốc NHNN quy định trình tự, thủ tục thanh tra ngân hàng, GSNH.

2.2.2. Tiêu chuẩn giám sát của ngân hàng nhà nước đối với các tổ chức tín dụng

Trong hoạt động giám sát mà hầu hết các NHNN (một số quốc gia gọi là NHTW) và cơ quan quản lý tài chính ở các nước áp dụng đối với các TCTD không cố định ở một bộ tiêu chuẩn nào. Mỗi nước sẽ tham khảo những bộ nguyên tắc, chuẩn mực quốc tế do các tổ chức uy tín ban hành, rồi điều chỉnh cho phù hợp với pháp luật và thị trường nội địa. Một số bộ tiêu chuẩn cơ bản, phổ biến đang được áp dụng hiện nay gồm:

(1) Bộ Nguyên tắc Basel (Basel Core Principles & Basel I, II, III, IV). Bộ nguyên tắc này được ban hành bởi Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng (Basel Committee on Banking Supervision – BCBS). Mục tiêu là tăng cường an toàn, lành mạnh của hệ thống ngân hàng thông qua quản lý rủi ro và yêu cầu vốn. Nội dung chính của bộ tiêu chuẩn này tập trung vào: (i) Vốn tối thiểu (Capital Adequacy Ratio – CAR): Basel I (8%), Basel II & III có các tầng vốn và hệ số rủi ro chi tiết hơn; (ii) Quản lý rủi ro như rủi ro tín dụng, thị trường, hoạt động, thanh khoản; (iii) Đòn bẩy tài chính (Leverage ratio) và tỷ lệ thanh khoản (LCR, NSFR). Nguyên tắc giám sát gồm 29 nguyên tắc Basel Core Principles về tổ chức giám sát, quyền hạn và phương pháp.

(2) IFRS & IAS – Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Bộ nguyên tắc này được ban hành bởi IASB (International Accounting Standards Board). Ý nghĩa với giám sát NHNN là để chuẩn hóa báo cáo tài chính để dễ so sánh và giám sát. IFRS 9 đặc biệt quan trọng với ngân hàng vì liên quan phân loại tài sản tài chính, dự phòng rủi ro tín dụng.

(3) Nguyên tắc Giám sát Tài chính của IMF & WB. Bộ nguyên tắc FSAP (Financial Sector Assessment Program) và ROS (Reports on Observance of Standards) đưa ra tiêu chí đánh giá sức khỏe tài chính: khả

năng chịu đựng khủng hoảng, ổn định hệ thống, quản trị rủi ro. Khuyến nghị cải thiện khung pháp lý và năng lực giám sát.

(4) Nguyên tắc Quản trị Doanh nghiệp cho Ngân hàng (OECD & Basel). Bộ nguyên tắc này gồm: Cấu trúc HĐQT, kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, minh bạch thông tin. Nó được áp dụng rộng rãi để đảm bảo ngân hàng hoạt động minh bạch, tránh xung đột lợi ích.

(5) Chuẩn mực Phòng chống Rửa tiền & Tài trợ Khủng bố (FATF Recommendations). Bộ nguyên tắc này được ban hành bởi tổ chức Financial Action Task Force (FATF). Bộ nguyên tắc có mối liên hệ chặt chẽ đến NHNN trong vai trò cơ quan phòng chống AML/CFT. Tiêu chuẩn: KYC (Know Your Customer), giám sát giao dịch đáng ngờ, báo cáo cho FIU.

2.2.3. Phương pháp giám sát của ngân hàng nhà nước đối với các tổ chức tín dụng

Phương pháp theo *Từ điển Tiếng Việt* được hiểu là “hệ thống các cách sử dụng để tiến hành một hoạt động nào đó” [71, tr.793]. Vậy, phương pháp giám sát được hiểu là hệ thống các cách sử dụng để thực hiện hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD. Căn cứ vào phương pháp giám sát mà mỗi NHNN sử dụng trong hoạt động giám sát đối với các TCTD mà các báo cáo giám sát được xây dựng. Thông thường, các phương pháp giám sát đã từng được sử dụng để giám sát hoạt động của các TCTD bao gồm:

Một là, phương pháp giám sát tuân thủ: là phương pháp mà NHNN sử dụng đơn thuần là kiểm tra và theo dõi sự tuân thủ của các TCTD đối với các quy định trong của NHNN. Ví dụ như, NHNN quy định một tỷ lệ giới hạn về đảm bảo an toàn vốn trong hoạt động của các TCTD thì hoạt động giám sát của NHNN chỉ là hoạt động theo dõi và kiểm tra xem các TCTD có thực hiện và đảm bảo đúng theo mức giới hạn quy định do NHNN đưa ra hay không.

Hai là, phương pháp giám sát dựa trên rủi ro (risk-based supervision): là phương pháp được xây dựng dựa trên việc giám sát hoạt động chung của các TCTD thông qua việc đánh giá các loại hình rủi ro mà các TCTD đang gặp phải. Thông thường, các loại rủi ro mà các TCTD thường gặp phải bao gồm:

RRTD (Credit risk): rủi ro xảy ra khi các khoản nợ và vay của các TCTD không thu hồi được hoặc chậm thanh toán;

Rủi ro thanh khoản (Liquidity risk): là rủi ro thanh khoản tập trung vào khả năng TCTD thực hiện các nghĩa vụ khi đến hạn của mình;

Rủi ro hoạt động (Operational risk): là rủi ro xảy ra trong quá trình TCTD vận hành các quy trình nghiệp vụ của mình;

Rủi ro thị trường (Market risk): là rủi ro của TCTD đối với các biến động về lãi suất, ngoại tệ, hay các sản phẩm phái sinh;

Rủi ro pháp lý (Legal risk): là rủi ro xảy ra đối với các TCTD do có những biến động về các quy định pháp luật, về chính trị xã hội...

Trên cơ sở xác định các loại rủi ro mà TCTD có thể gặp phải, NHNN đưa ra những đánh giá về khả năng quản trị từng loại rủi ro của các TCTD. Từ đó có những nhận xét và thiết lập những yêu cầu cần thiết đối với các TCTD nhằm giúp cho các TCTD có thể có đủ khả năng quản trị rủi ro cho mình.

Phương pháp giám sát dựa trên rủi ro sẽ giảm bớt các hoạt động TTGS trực tiếp đối với các TCTD, NHNN sẽ căn cứ vào các hoạt động mà các TCTD thực hiện nhằm đánh giá tính hiệu quả trong quản trị từng loại rủi ro của TCTD. Các hoạt động này bao gồm: xác định chính xác loại rủi ro các TCTD đang đối mặt, đo lường và đánh giá mức độ của rủi ro; kiểm tra và điều chỉnh hoạt động của các TCTD nhằm giảm thiểu rủi ro có thể xảy ra; giám sát liên tục rủi ro trong suốt quá trình hoạt động. Trên cơ sở đánh giá từng hoạt động cụ thể của quá trình quản trị rủi ro, NHNN có thể đưa ra nhận

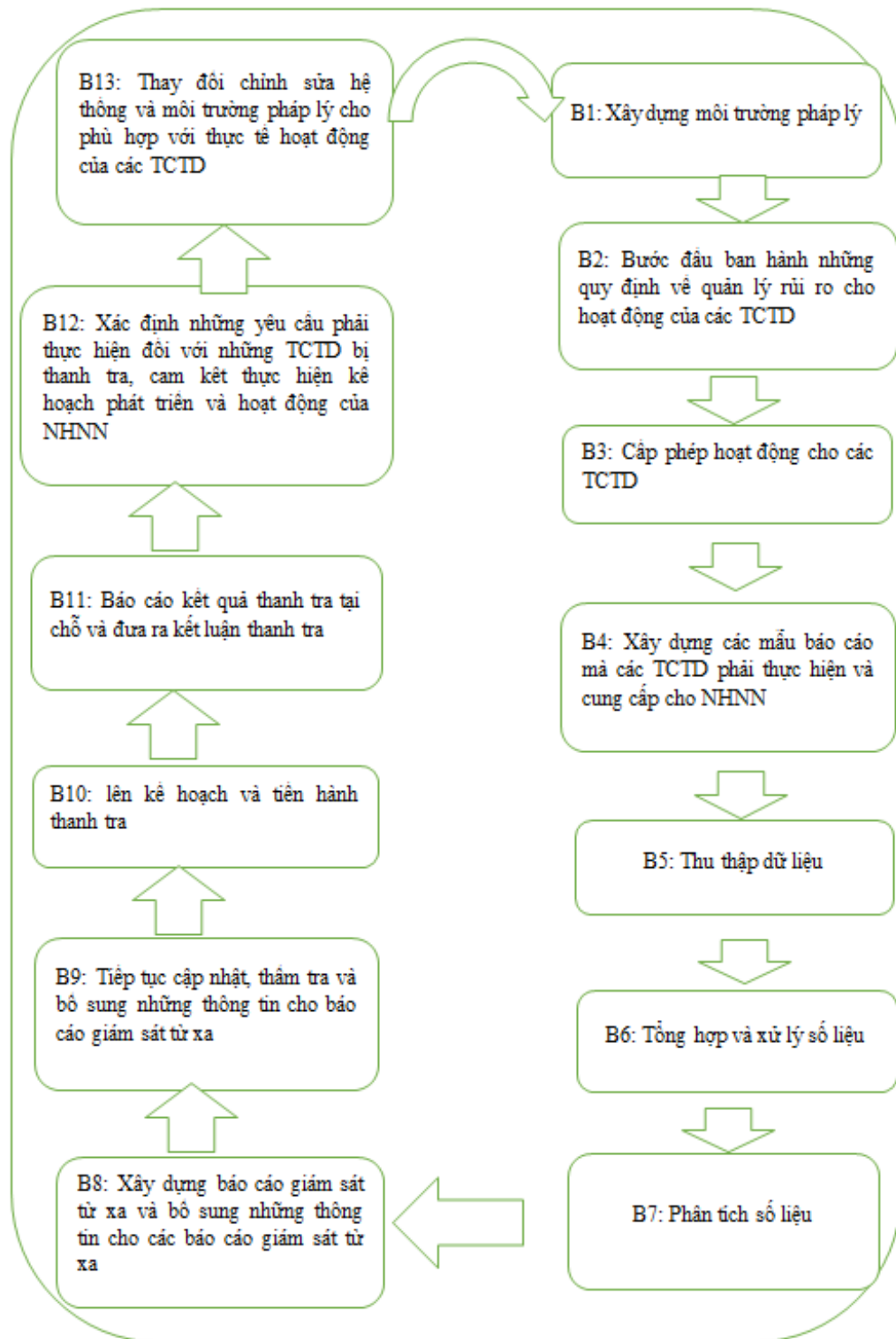
định về khả năng quản trị rủi ro của các TCTD ở mức độ nào, có thể đưa ra mức xếp hạng cho khả năng quản trị rủi ro của từng TCTD.



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các nghiên cứu

**Mô hình 2.1: Quy trình phương pháp giám sát dựa trên rủi ro
của NHNN đối với các TCTD**

Quy trình giám sát của NHNN đối với các TCTD được xây dựng như một chu trình khép kín.



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các nghiên cứu

Mô hình 2.2: Quy trình giám sát của NHNN đối với các TCTD

2.3. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

2.3.1. Nội dung giám sát của ngân hàng nhà nước đối với các tổ chức tín dụng

Một là, thực hiện thu thập, xử lý thông tin, tài liệu, dữ liệu của các TCTD theo yêu cầu của hoạt động giám sát của NHNN.

Có sự kết hợp giữa giám sát an toàn toàn của toàn bộ hệ thống các TCTD với giám sát an toàn của từng TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhằm đảm bảo an toàn vốn, hoạt động hiệu quả, tạo môi trường thực thi chính sách tiền tệ hiệu quả như lãi suất, nghiệp vụ thị trường mở, dự trữ bắt buộc...nhằm điều tiết lượng tiền cung ứng đảm bảo phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đảm bảo công ăn việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp, kiềm chế lạm phát, ổn định giá cả thị trường tiền tệ và cân bằng cán cân thanh toán...phát hiện sai phạm, cảnh báo rủi ro, đánh giá chất lượng hoạt động của các TCTD, xếp hạng các TCTD góp phần nâng cao niềm tin của khách hàng đối với hệ thống các TCTD và hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD.

Căn cứ vào yêu cầu GSNH, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô yêu cầu hoặc trình Chánh Thanh tra, GSNH, Giám đốc NHNN chi nhánh yêu cầu đối tượng GSNH cung cấp tài liệu, thông tin, dữ liệu ngoài các tài liệu, thông tin, dữ liệu trên nhằm phục vụ hoạt động giám sát.

Khi phát hiện tài liệu, thông tin, dữ liệu bị thiếu, lỗi, sai hoặc hoặc cần làm rõ theo yêu cầu của giám sát an toàn vĩ mô, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô phối hợp với đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô đề nghị đối tượng giám sát có báo cáo, giải trình.

Hai là, xem xét, theo dõi tình hình chấp hành các quy định về an toàn hoạt động ngân hàng và các quy định khác của pháp luật về tiền tệ và ngân

hàng; việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra và khuyến nghị, cảnh báo về GSNH.

Phải theo dõi, đánh giá việc chấp hành các quy định về an toàn hoạt động ngân hàng, các quy định về chế độ báo cáo thống kê, các quy định khác của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng đối với đối tượng GSNH; phân tích, đánh giá các rủi ro của đối tượng GSNH là TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của đối tượng GSNH theo các nội dung bao gồm: tình hình bảo đảm an toàn và phát triển vốn chủ sở hữu; tình hình huy động vốn; tình hình sử dụng vốn; tổ chức kinh tế; TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; tổ chức khác; phân tích, đánh giá khả năng quản trị, điều hành; phân tích, đánh giá nghiệp vụ phái sinh; xếp hạng đối tượng GSNH theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, kết quả hoạt động giám sát của NHNN cũng cần đưa ra những cảnh báo về rủi ro gây mất an toàn vốn, nguy cơ vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng của các TCTD, để định hướng cho các TCTD trước những rủi ro, tránh những sai phạm trong hoạt động của TCTD, chấp hành nghiêm chính sách, pháp luật của nhà nước về tiền tệ và ngân hàng.

Ba là, phân tích, đánh giá tình hình tài chính, hoạt động, quản trị, điều hành và mức độ rủi ro của TCTD; xếp hạng các TCTD theo định kỳ.

Hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD cần thực hiện phân tích, đánh giá thường xuyên, định kỳ tình hình tài chính, quản trị, điều hành và mức độ rủi ro của từng TCTD và toàn bộ hệ thống TCTD, xếp hạng các TCTD nhằm tạo ra những thước đo quan trọng đánh giá chất lượng hoạt động của các TCTD, cũng như trở thành căn cứ để các TCTD có những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của mình, góp phần phát triển tình hình tài chính, nâng cao niềm tin của khách hàng đối với các TCTD.

Dựa vào những kết quả thông tin, tài liệu từ các cơ sở dữ liệu thu thập và quá trình xử lý thông qua các báo cáo an toàn vĩ mô của các TCTD, cơ quan giám sát thực hiện giám sát na toàn vĩ mô, theo dõi, đánh giá về mức độ an toàn hệ thống của các TCTD theo các tiêu chí như sau: mức độ đảm bảo ổn định tình hình tài chính, mức độ lành mạnh tài chính; đánh giá tình hình sở hữu, đầu tư; nhận diện, đánh giá thực trạng, xu hướng, mức độ rủi ro và tác động có khả năng xảy ra đối với nhóm và toàn bộ hệ thống các tổ chức tín dụng; đánh giá khả năng chịu đựng trước các thay đổi chính sách và môi trường kinh tế vĩ mô đối với nhóm và toàn bộ hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; khả năng xảy ra khủng hoảng tiền tệ, ngân hàng và biện pháp ứng phó; dự báo tình hình tài chính; các nội dung khác về an toàn và ổn định hệ thống theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

Để phân tích, nhận định mức độ lành mạnh tài chính nhằm phát hiện rủi ro ảnh hưởng đến an toàn hệ thống TCTD cần thực hiện các hoạt động phân tích, nhận định về tình hình vốn chủ sở hữu, mức độ an toàn vốn, tình hình huy động vốn, sử dụng vốn; tình hình thanh khoản; nợ xấu, chất lượng tài sản...

Phân tích, nhận định các diễn biến kinh tế vĩ mô, tác động của các lĩnh vực khác trong nền kinh tế có nguy cơ ảnh hưởng đến mức độ ổn định của hệ thống TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Kiểm tra khả năng chịu đựng định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Thống đốc NHNN, bao gồm các nội dung tối thiểu sau:

Kiểm tra khả năng chịu đựng đối với rủi ro thị trường thông qua phân tích tác động theo các kịch bản biến động về tỷ giá, lãi suất lên mức độ an toàn, lành mạnh của hệ thống, nhóm các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Kiểm tra sức chịu đựng đối với rủi ro lan truyền liên ngân hàng;

Kiểm tra sức chịu đựng đối với rủi ro thanh khoản thông qua phân tích khả năng thanh khoản trong trường hợp xảy ra hiện tượng rút tiền hàng loạt.

Trong trường hợp cần thiết hoặc theo yêu cầu của Thống đốc NHNN, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô thực hiện phân tích, nhận định về khả năng xảy ra khủng hoảng hệ thống ngân hàng và biện pháp ứng phó.

Đối với nhóm các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tầm quan trọng hệ thống, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô thực hiện giám sát tối thiểu các nội dung quy định và thực hiện kiểm tra sức chịu đựng theo định kỳ 6 tháng hoặc đột xuất khi phát sinh nhận định về rủi ro hệ thống theo yêu cầu của Thống đốc NHNN.

Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô dựa vào các chỉ tiêu về quy mô, tính liên kết lẫn nhau, khả năng thay thế để lập danh sách các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tầm quan trọng hệ thống trình Thống đốc NHNN ban hành trước 31 tháng 3 hằng năm.

Bốn là, phát hiện, cảnh báo rủi ro gây mất an toàn hoạt động ngân hàng và nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng.

Trên cơ sở thu thập các tài liệu và thực hiện hoạt động TTTC, phân tích đánh giá tình hình tài chính, quản trị điều hành và mức độ rủi ro đối với các TCTD, đồng thời phát hiện, cảnh báo các yếu tố tác động, xu hướng biến động tiêu cực, rủi ro gây mất an toàn hoạt động, các rủi ro, nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng đối với từng TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và hệ thống các TCTD; kiến nghị, đề xuất biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các rủi ro, vi phạm pháp luật của đối tượng GSNH theo quy định của pháp luật.

Năm là, kiến nghị, đề xuất biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý rủi ro, vi phạm pháp luật, đề xuất các biện pháp xử lý trong GSNH”, gồm có: Khuyến nghị, cảnh báo đối với đối tượng GSNH; theo dõi, đôn đốc, xử

lý việc thực hiện khuyến nghị, cảnh báo của đối tượng GSNH; xử phạt vi phạm hành chính...

2.3.2. Tiêu chí đánh giá giám sát của ngân hàng nhà nước đối với các tổ chức tín dụng

Thứ nhất, mức độ thực hiện các nội dung mà NHNN cần làm khi giám sát các TCTD, đảm bảo an toàn cho hệ thống TCTD, cụ thể như sau:

Một là, số lượng TCTD được giám sát: Số lượng các TCTD được giám sát càng nhiều thì hoạt động của toàn hệ thống TCTD càng được đảm bảo an toàn. Bởi, mục tiêu của hoạt động giám sát của ngân hàng với các TCTD nhằm đánh giá chất lượng, cảnh báo rủi ro và quản lý sự chấp hành các chính sách và pháp luật về tiền tệ và ngân hàng của các TCTD, nhằm đảm bảo hệ thống các TCTD an toàn, lành mạnh. Vì thế, mức độ an toàn của hệ thống TCTD, sự ổn định của tình hình tài chính, tiền tệ phụ thuộc vào số lượng nhiều và ít TCTD được giám sát. Khi những bất ổn về tài chính, thủ tục pháp lý, sai phạm cũng như mức độ lành mạnh, ổn định tài chính, sức chịu đựng đối với RRTD của các TCTD cũng như toàn hệ thống TCTD được giám sát bởi NHNN thì “sức khỏe” tài chính, tiền tệ của quốc gia được đảm bảo, góp phần ổn định nguồn vốn cho tăng trưởng kinh tế và phát triển đất nước.

Hai là, số lượng các vi phạm quy chế an toàn được phát hiện đúng: mức độ gây mất an toàn hệ thống TCTD phụ thuộc vào số lượng vi phạm quy chế an toàn của các TCTD trong hệ thống. Nếu vi phạm chỉ diễn ra ở một đơn vị TCTD thì có thể chưa có tác động nhiều đến toàn hệ thống. Tuy nhiên, nếu gia tăng các vi phạm quy chế an toàn ở nhiều TCTD thì sẽ dẫn đến nguy cơ gây mất an toàn vốn toàn hệ thống. Vì thế, đòi hỏi hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD cần phát hiện chính xác những vi

phạm quy chế an toàn của các TCTD, khi đó hoạt động giám sát đối với TCTD mới đảm bảo đạt mục tiêu an toàn hệ thống.

Ba là, số lượng các TCTD được cảnh báo rủi ro: Theo *Từ điển Tiếng Việt*, rủi ro được hiểu là điều không lành, không tốt bất ngờ xảy đến [71, tr.836], thông qua hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD nhằm phát hiện, cảnh báo các yếu tố tác động, xu hướng biến đổi có những tác động tiêu cực, có khả năng gây ra hậu quả rủi ro đối với các TCTD như: vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng, khủng hoảng tài chính, phá sản... Nhờ hiệu quả của hoạt động giám sát của NHNN các TCTD được cảnh báo những rủi ro có thể xảy ra từ đó có những biện pháp nhằm điều chỉnh, thích ứng nhằm khắc phục hiệu quả nguy cơ rủi ro cho TCTD cũng như trong hệ thống các TCTD, nhằm đảm bảo an toàn và lành mạnh hệ thống góp phần ổn định thị trường tài chính, tiền tệ, ngân hàng quốc gia và sự phát triển kinh tế của đất nước bền vững.

Vì thế, hệ thống tài chính, tiền tệ, ngân hàng đảm bảo nền kinh tế của đất nước “khỏe mạnh” gắn liền với hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD. Số lượng các TCTD được giám sát càng nhiều và gia tăng điều đó càng đảm bảo “sức khỏe” của các TCTD, hệ thống các TCTD, hệ thống tài chính, ngân hàng, tiền tệ quốc gia được theo dõi, giám sát hiệu quả nhằm đảm bảo an toàn và lành mạnh, góp phần ổn định nền kinh tế đất nước, thực hiện hiệu quả các mục tiêu tăng trưởng kinh tế và phát triển đất nước. Số lượng các TCTD được cảnh báo rủi ro, cảnh báo sai phạm, ... cũng là những con số hữu ích nhằm đánh giá được hiện trạng thị trường tài chính, tiền tệ, ngân hàng của quốc gia. Từ đó, chính phủ, NHNN và các TCTD có những giải pháp nhằm khắc phục và đảm bảo ổn định thị trường tài chính, tiền tệ, ngân hàng trở thành “giá đỡ” quan trọng cho sự phát triển ổn định của đất nước. Khi các con số thể hiện trong trong động giám sát của NHNN

có xu hướng gia tăng, điều này cảnh báo nguy cơ rủi ro đặc biệt cho sự an toàn của toàn hệ thống tài chính, tiền tệ, ngân hàng và cũng trở thành thách thức quan trọng đối với sự phát triển một nền kinh tế ổn định, bền vững. Đồng thời, cũng sẽ dẫn tới tâm lý hoang mang, mất niềm tin của người gửi tiền, khách hàng của các TCTD, lợi ích của người gửi tiền và khách hàng bị ảnh hưởng. Lo ngại này từ người gửi tiền và khách hàng có thể dẫn đến phản ứng dây chuyền khi họ rút tiền khỏi các TCTD, điều này đặc biệt dẫn đến nguy cơ khủng hoảng và phá sản của các TCTD. Vì thế, nguy cơ mất an toàn hệ thống các TCTD và bất ổn cho tăng trưởng kinh tế, phát triển đất nước.

Thứ hai, đảm bảo vai trò dẫn vốn hiệu quả của hệ thống ngân hàng, bao gồm:

Một là, tốc độ tăng trưởng vốn huy động, tín dụng: Những chỉ số này vận động cùng chiều với tốc độ tăng trưởng kinh tế, biểu hiện này thể hiện thị trường kinh tế, tài chính, ngân hàng được đảm bảo, hệ thống các TCTD đã và đang trở thành kênh dẫn vốn hiệu quả cho nền kinh tế của quốc gia, đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế phát triển đất nước. Những chỉ số này được tính theo từng năm, xác định tốc độ tăng trưởng so năm này với năm trước, cũng như theo kỳ (tháng/quý) trong toàn hệ thống ngân hàng và đối với mỗi TCTD.

Hai là, các chỉ tiêu phản ánh chất lượng tài sản: để xác định được chất lượng tài sản của các TCTD được xác định thông qua một số chỉ tiêu như: tỷ lệ nợ quá hạn (Nợ quá hạn/Tổng dư nợ), tỷ lệ nợ xấu (Nợ xấu/Tổng dư nợ), Dự phòng / Nợ xấu... Từ nợ xấu, tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ đó xác định được trong tổng dư nợ, tỷ lệ này cho biết trong tổng dư nợ có bao nhiêu % là nợ xấu (tỷ lệ % rủi ro). Tỷ lệ nợ xấu làm tăng chi phí dự phòng RRTD, ảnh hưởng đến lợi nhuận của các TCTD. Các TCTD có tỷ lệ nợ xấu cao phản ánh chất lượng tín dụng thấp.

Nợ quá hạn và tỷ lệ nợ quá hạn là bao nhiêu cũng phản ánh chất lượng tín dụng của các TCTD. Nợ quá hạn và tỷ lệ nợ quá hạn càng cao, điều đó cho thấy các tổ chức TCTD có nguy cơ gặp rủi ro càng lớn. Chỉ tiêu Nợ quá hạn/Tổng dư nợ, với việc quy định một ngưỡng giá trị thấp (khoảng 3%) nhằm đảm bảo an toàn cho các TCTD cũng như an toàn hệ thống TCTD. Tỷ lệ nợ xấu, nợ quá hạn có ảnh hưởng quan trọng tới chất lượng tín dụng, vì thế các TCTD cần có những biện pháp nhằm đảm bảo duy trì tỷ lệ nợ xấu trong ngưỡng cho phép, đảm bảo an toàn vốn của TCTD.

Ba là, các chỉ tiêu phản ánh thanh khoản: (Dư nợ/Huy động; Tài sản thanh khoản/Tổng tài sản; Vay liên ngân hàng/Tổng nguồn vốn). Căn cứ vào chỉ tiêu thanh quản của các TCTD có thể đánh giá được khả năng đảm bảo nguồn vốn, khả năng chi trả, thực hiện hoạt động tín dụng của các TCTD, đáp ứng yêu cầu của khách hàng và người gửi tiền, tránh tình trạng rủi ro tài chính. Tỷ lệ thanh khoản cao điều này cho thấy các TCTD có đủ năng lực tài chính để đáp ứng các khoản vay và hoạt động nhận tiền gửi, rút tiền gửi của khách hàng...

2.4. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

2.4.1. Nhân tố khách quan

Thứ nhất, xu hướng toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế. Xu hướng toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế mở ra những thời cơ quan trọng đối với sự phát triển của các TCTD về quy mô, phát triển chất lượng dịch vụ, thị trường, đáp ứng yêu cầu và nâng cao sự hài lòng của khách hàng đối với các hoạt động của các TCTD. Tuy nhiên, đứng trước xu hướng toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế hướng tới một “thế giới phẳng” về hệ thống tài chính, tiền tệ, ngân hàng cũng đặt ra những thách thức quan trọng đối hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD nhằm đảm bảo các TCTD hoạt động an toàn,

hiệu quả trong thực hiện vai trò là “giá đỡ” tài chính, kênh dẫn vốn cho nền kinh tế của quốc gia. Với những thách thức mang tính toàn cầu hoá như khủng hoảng kinh tế, dịch bệnh, xung đột chiến tranh...đã và đang đặt ra những nhiệm vụ quan trọng đối với hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD. Vì thế, trong bối cảnh toàn cầu hoá, hội nhập nền kinh tế toàn cầu hiện nay, để nâng cao chất lượng TTGS của NHNN đối với các TCTD, cơ quan giám sát của NHNN cần có một hệ thống pháp luật về công tác thanh tra nói chung và công tác thanh tra, GSNH nói riêng được đồng bộ và phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế. Cơ quan giám sát của NHNN đối với các TCTD cần không ngừng đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện các hoạt động chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giám sát. Đồng thời, cần đầu tư nguồn lực tài chính phát triển và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất hiện đại phục vụ hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD trong bối cảnh mới hiện nay.

Thứ hai, tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với những thành tựu quan trọng về điện toán đám mây, AI, Big Data, Internet vạn vật (IoT)...đã tác động toàn diện, sâu rộng mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội, trong đó hoạt động của các TCTD, hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD cũng chịu những tác động quan trọng. Dưới tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay cơ quan giám sát của NHNN đối với các TCTD cần được trang bị hệ thống cơ sở vật chất hiện đại nhằm thu thập, tích hợp, số hoá thông tin từ hệ thống các TCTD nhanh chóng, chính xác, hiệu quả, đồng thời đảm bảo an toàn thông tin, bảo mật thông tin nhằm tránh rủi ro trong môi trường an ninh mạng, gây mất an toàn thông tin, dữ liệu, tránh rủi ro từ các loại tội phạm công nghệ cao tấn công với những thủ

đoạn tinh vi, gây ra những thiệt hại nặng nề về an toàn thông tin, an toàn vốn cho toàn hệ thống.

Đặc biệt, để nâng cao chất lượng hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD, cơ quan giám sát của NHNN cần đầu tư nhằm phát triển nguồn nhân lực giỏi chuyên môn, nghiệp vụ ngang tầm quốc tế, có khả năng thích ứng với công nghệ mới trong hoạt động giám sát của NHNN với những ứng dụng hiện đại của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và có khả năng xử lý, đối phó với các loại tội phạm công nghệ cao, hạn chế những rủi ro về mất an toàn trên không gian mạng.

2.4.2. Nhân tố chủ quan

Thứ nhất, sự đồng bộ của thể chế giám sát của NHNN.

Thể chế được hiểu là các nguyên tắc, quy phạm pháp luật hợp thành một hệ thống thể chế thống nhất, định hướng và điều chỉnh các mối quan hệ phát sinh trong hoạt động giám sát hoạt động của các TCTD. Hoạt động giám sát của NHNN phải căn cứ vào những trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, đồng thời căn cứ vào yêu cầu công tác quản lý, các quy định pháp luật khác để đưa ra những kiến nghị hoặc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật. Hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD có tính chất khá đặc thù, riêng biệt, không giống như hoạt động quản lý và cũng không phải là hoạt động tư pháp mà là hoạt động mang tính hành chính - tư pháp. Chính vì sự đặc thù này của hoạt động GSNH đặt ra đòi hỏi các quy định pháp luật về giám sát phải có sự phù hợp, chặt chẽ và đầy đủ. Trên thực tế, chúng ta thấy rằng, hệ thống các quy định pháp luật về hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD thời gian gần đây ngày càng được đổi mới nhằm đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, song cũng chính là nhằm bảo đảm tính đặc thù của hoạt động giám sát của NHNN. Khi thể chế chính sách của nhà nước chưa tạo ra cơ sở pháp lý, khung pháp lý cho hoạt động giám sát của NHNN, còn

hiều hạn chế, bất cập, việc tiến hoạt động giám sát của NHNN đối với tra các TCTD sẽ gặp phải nhiều khó khăn, vướng mắc, như: các kiến nghị của hoạt động giám sát NHNN về những quy định trái pháp luật phát hiện qua giám sát; việc trung tập cán bộ, công chức của các cơ quan, yêu cầu các cơ quan nhà nước liên quan báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động của các TCTD phục vụ cho chức năng quản lý nhà nước về ngành ngân hàng; việc giải quyết trùng lặp về thời gian, nội dung giám sát; việc yêu cầu các cơ quan nhà nước có liên quan phối hợp trong việc quản lý TCTD...thực trạng này làm cho hoạt động giám sát NHNN gặp nhiều khó khăn trong thực tiễn.

Vì thế, để nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD, trong quy định pháp lý đối với NHNN cần đảm bảo rõ ràng và chặt chẽ về chức năng, nhiệm vụ và vai trò của NHNN trong hoạt động giám sát đối với các TCTD. Trong đó, khung pháp lý cần có những quy định cụ thể, thống nhất, rõ ràng về trách nhiệm của NHNN các cơ quan hữu quan đến hoạt động giám sát đối với các TCTD. Đồng thời, cũng cần tạo ra môi trường pháp lý trong hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD để NHNN có đủ căn cứ pháp lý thực hiện nhiệm vụ giám sát đối với các TCTD mà không chịu những áp lực về chính trị trong thực hiện mục tiêu của hoạt động giám sát đối với TCTD.

Đồng thời, pháp luật cũng cần có những quy định chi tiết đối với những tiêu chuẩn cần thiết mà các TCTD cần đáp ứng, nhằm tạo cơ sở cho NHNN có thể được cung cấp, thu thập các thông tin cơ bản trở thành căn cứ quan trọng có thể đánh giá được mức độ an toàn vốn, cảnh báo rủi ro, xếp hạng TCTD...cũng như NHNN được trao quyền trong thu thập, được cung cấp tài liệu, số liệu nhằm thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, xử lý các vi phạm khi những yêu cầu về đảm bảo an toàn hệ thống, vi phạm pháp luật trong các hệ thống TCTD.

Ngoài ra, cần xây dựng quy định về hệ thống hợp tác, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa NHNN với các cơ quan hữu quan đến đảm bảo an toàn và lành mạnh của hệ thống tài chính, đồng thời đảm bảo yêu cầu về chế độ bảo mật về các thông tin, dữ liệu được chia sẻ.

Quy định pháp lý đối với các TCTD cần: Quy định chính xác số lượng các TCTD hay loại hình TCTD thuộc phạm vi giám sát của NHNN. TCTD cần có sự cấp phép của NHNN để hoạt động, do đó sẽ chịu sự giám sát của NHNN khi muốn rút lui hoặc tham gia hệ thống TCTD.

Như vậy, thông qua hoạt động xây dựng pháp luật, Nhà nước sẽ tạo ra hành lang pháp lý nhằm đảm bảo “luật chơi”, các giới hạn cho các chủ thể tham gia trên thị trường, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD, hướng tới việc bảo đảm an toàn, lành mạnh cho các hoạt động của các TCTD nhằm đảm bảo quyền lợi của khách hàng, phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố. Vì thế, để đảm bảo hoạt động giám sát của NHNN cần xây dựng thể chế chính sách, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật trong lĩnh vực thanh tra, GSNH và hoạt động của các TCTD. Đây là một trong những yếu tố góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng TTGS của NHNN đối với các TCTD.

Thứ hai, năng lực của các chủ thể giám sát và chịu sự giám sát của NHNN

** Về phía cơ quan giám sát của NHNN*

Một là, kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất, việc ứng dụng những thành tựu công nghệ thông tin, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 xây dựng hệ thống thông tin phục vụ hoạt động giám sát của NHNN nhanh chóng, chính xác, tức thời giúp giảm chi phí, tiết kiệm nguồn lực góp phần quan trọng vào nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD. Hoạt động kế toán ngân hàng cần được ứng dụng phần mềm quản lý, công nghệ hiện đại và tiếp cận với các chuẩn mực kế toán quốc tế nhằm tạo

điều kiện thuận lợi cho hệ thống các TCTD tiếp cận và ứng dụng công nghệ thông quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động giảm thiểu hành vi gian lận, lạm dụng trong hoạt động. Việc hiện đại hóa hạ tầng công nghệ và hệ thống thông tin, báo cáo bảo đảm hoạt động của các TCTD được an toàn, hiệu quả cũng cần được chú trọng. Tăng cường hiện đại hoá hệ thống cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng trang thiết bị, ứng dụng công nghệ hiện đại sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giám sát của NHNN kịp thời, chính xác, nâng cao hiệu lực, hiệu quả giám sát nhằm đảm bảo an toàn hệ thống.

Hai là, phương thức TTGS. Phương pháp TTGS đóng vai trò quan trọng tới chất lượng thanh tra ngân hàng. Trong thanh tra trực tiếp, việc thực hiện theo phương pháp thanh tra tuân thủ chưa hoàn toàn hướng đến phòng ngừa, ngăn chặn rủi ro mà tập trung việc thực hiện các quy định, chính sách pháp luật như thanh tra hành chính. Việc áp dụng thanh tra tuân thủ kết hợp thanh tra trên cơ sở rủi ro để từng bước tiến đến thanh tra trên cơ sở rủi ro sẽ giảm bớt khối lượng cán bộ, khối lượng công việc trong thanh tra trực tiếp và hướng đến đánh giá mức độ rủi ro của TCTD để có kiến nghị nhằm cảnh báo, phòng ngừa rủi ro.

Phương thức TTGS hiện nay được thực hiện chủ yếu theo hai hình thức: TTGS trên cơ sở tuân thủ và TTGS trên cơ sở rủi ro. Theo đó, TTGS trên cơ sở tuân thủ là phương thức TTGS chủ yếu tập trung việc chấp hành các văn bản pháp quy, quy định về tổ chức, hoạt động, các biện pháp thận trọng của các TCTD.

Ngày nay, với quá trình hội nhập sâu sắc, phương thức này làm cho nguồn lực giám sát không được phân bổ một cách hợp lý và hiệu quả theo nguyên tắc tập trung nguồn lực cho các hoạt động đầu tư, những lĩnh vực mà ngân hàng đánh giá là rủi ro cao đối với sự an toàn trong từng ngân hàng riêng lẻ cũng như của cả hệ thống ngân hàng. Phương pháp này không thể

đảm bảo mục tiêu hoạt động an toàn, hiệu quả, ổn định và lành mạnh của hệ thống ngân hàng. Do đó, việc áp dụng phương thức thanh tra trên cơ sở rủi ro được xem như hệ quả tất yếu của tình hình ngành ngân hàng.

Ba là, nguồn nhân lực thực hiện hoạt động TTGS. Để hoạt động TTGS hiệu quả, nhân tố con người đóng vai trò then chốt, có mối quan hệ nguyên nhân - kết quả trong cả GSTX và TTTC. Đội ngũ cán bộ làm công tác TTGS cần phải đảm bảo năng lực, đạo đức nghề nghiệp cả về số lượng lẫn chất lượng, điều này rất quan trọng trong việc quản lý, giám sát cả một hệ thống các TCTD lớn trên địa bàn. Một khi lực lượng TTGS mỏng, nghiệp vụ yếu, chưa nắm bắt được các loại hình rủi ro trong nghiệp vụ ngân hàng sẽ dễ dẫn đến việc không sâu sát trong các báo cáo GSTX định kỳ và sẽ không đảm bảo chất lượng khi tổ chức thanh tra toàn diện một TCTD.

Cán bộ làm công tác TTGS ngoài ra cần phải có phẩm chất chính trị và ý thức trách nhiệm trong công việc, luôn ý thức hoạt động TTGS ngành ngân hàng giúp cho TCTD hoạt động phát triển kinh doanh một cách lành mạnh, đảm bảo hoạt động ngân hàng hàng quy định, đảm bảo an toàn hệ thống, ngăn ngừa rủi ro và vi phạm pháp luật về tiền tệ ngân hàng, thông qua đó bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền và khách hàng của các TCTD. Quyền hạn và trách nhiệm của cán bộ TTGS ngày càng được nâng cao, do đó vấn đề đạo đức nghề nghiệp cũng có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm các hoạt động tác nghiệp và hành vi ứng xử của cán bộ thanh tra ngân hàng khách quan, tuân thủ đúng quy định, quy trình pháp luật.

Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho các TTGS viên, TTGS viên chính, TTGS viên cao cấp và các công chức làm công tác TTGS để có phẩm chất đạo đức, kỹ năng...để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc này có ý nghĩa lâu dài đối với việc củng cố, phát triển nguồn lực

con người, đặc biệt yếu tố này có ý nghĩa quyết định đến chất lượng, hiệu quả của hoạt động TTGS.

Việc đầu tư và phát triển nguồn nhân lực phải được coi trọng vì nó là nhân tố quyết định đối với chất lượng công tác thanh tra, GSNH. Cần phát triển đội ngũ cán bộ thanh tra có năng lực và đạo đức nghề nghiệp cả về số lượng và chất lượng.

Sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các cơ quan TTGS của nhà nước trên các lĩnh vực khác nhau sẽ giúp nâng cao chất lượng công tác TTGS. Các cơ quan TTGS cần tăng cường trao đổi thông tin và phối hợp với nhau trong việc triển khai giám sát hợp nhất. Việc chia sẻ thông tin giữa các cơ quan thanh tra là rất cần thiết trong hoạt động thanh tra, GSNH.

** Về phía các TCTD*

TCTD là đối tượng giám sát của cơ quan TTGS của NHNN, vì thế việc hợp tác của các TCTD đối với cơ quan TTGS của NHNN có ý nghĩa quan trọng nhằm đảm bảo hiệu quả của hoạt động giám sát. Trong quá trình tham gia thực hiện hoạt động giám sát của NHNN các TCTD cần chấp hành trách nhiệm, yêu cầu mang tính pháp lý, yêu cầu của cơ quan giám sát của NHNN: Cung cấp tài liệu, số liệu, hồ sơ, thông tin...liên quan đến hoạt động giám sát của NHNN; nâng cao tinh thần, trách nhiệm hợp tác đối với cơ quan giám sát trong cung cấp các thông tin trao đổi, tạo điều kiện về phương tiện làm việc cho cơ quan giám sát...Sau khi có các kết luận của cơ quan giám sát, các TCTD cần nghiêm túc tiếp thu, thực hiện các kết luận, kiến nghị của cơ quan giám sát.

Yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng TTGS là tổ chức kiểm toán nội bộ của các TCTD. GSNH có thể sử dụng kết quả và kiến nghị mà tổ chức kiểm toán nội bộ của TCTD cung cấp, từ đó thanh tra, GSNH sẽ có những căn cứ để thực hiện hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD

và ban hành kết luận, đề xuất những giải pháp nhằm khắc phục, xử lý những vi phạm, hạn chế trong hoạt động của các TCTD nhằm đảm bảo sự ổn định, an toàn, lành mạnh của hệ thống các TCTD nói riêng và hệ thống tài chính, tiền tệ, ngân hàng nói chung.

2.5. KINH NGHIỆM GIÁM SÁT CỦA MỘT SỐ NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG TRÊN THẾ GIỚI ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG VÀ BÀI HỌC CHO NGÂN HÀNG CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

2.5.1. Kinh nghiệm hoạt động giám sát của Ngân hàng trung ương Thái Lan đối với các tổ chức tín dụng

Hệ thống Ngân hàng trung ương Thái Lan có chức năng chính là đảm bảo ổn định, an toàn, lành mạnh hệ thống tài chính quốc gia nhằm tạo dòng vốn ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia. Để thực hiện mục tiêu này, Ngân hàng Trung ương Thái Lan đã thành lập bộ phận giám sát chuyên trách, chịu trách nhiệm theo dõi hoạt động của các TCTD. Hoạt động giám sát của Ngân hàng trung ương đối với các TCTD được thực hiện trên cơ sở áp dụng phương pháp giám sát trên cơ sở rủi ro, đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ quốc tế. Nhờ đó, Ngân hàng Trung ương có thể sớm phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh tại các tổ chức tín dụng, đảm bảo không chỉ sự ổn định riêng lẻ của từng tổ chức mà còn cả sự an toàn chung của toàn hệ thống tài chính.

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát đối với các TCTD, Ngân hàng Trung ương đã thực hiện chặt chẽ việc phối hợp với các các cơ quan hữu quan trong nước và quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của ngân hàng nhà nước đối với các TCTD. Cụ thể là:

Trong nước, ngân hàng Trung ương Thái Lan phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan như: Bộ Tài chính, Bộ Thương Mại, Cơ quan phòng chống rửa tiền, Ủy ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán Thái

Lan...nhằm thu thập, trao đổi hiệu quả thông tin liên quan đến hoạt động giám sát của Ngân hàng Trung ương đối với các TCTD. Để nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát Ngân hàng Trung ương Thái Lan đã thành lập Hội đồng chính sách tài chính tín dụng nhằm định hướng thực hiện hoạt động giám sát của Ngân hàng Trung ương với các TCTD mang tính chuyên nghiệp, hiệu quả về việc thực hiện các chính sách. Hội đồng được thành lập với Thống đốc Ngân hàng Trung ương là Chủ tịch và đại diện của các cơ quan hữu quan liên quan đến hoạt động giám sát của Ngân hàng Trung ương đối với các TCTD.

Nhằm nâng cao chất lượng hoạt động giám sát của ngân hàng Trung ương đối với các TCTD, Ngân hàng Trung ương Thái Lan thường xuyên tổ chức các khoá tập huấn, hội thảo định kỳ nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ giám sát và tăng cường trao đổi thông tin giữa các bên liên quan.

Với các cơ quan giám sát quốc tế: Nhằm giám sát hiệu quả các tổ chức tài chính của Thái Lan hoạt động ở nước ngoài cũng như các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Thái Lan, Ngân hàng Trung ương Thái Lan thường xuyên hợp tác, chia sẻ thông tin, kiến thức và kinh nghiệm với các tổ chức giám sát quốc tế. Mỗi quan hệ hợp tác này được đánh giá là quan trọng, không chỉ để đảm bảo sự giám sát toàn diện và hài hòa theo chuẩn quốc tế mà còn để tăng cường khả năng tiếp cận và áp dụng mô hình đánh giá rủi ro trong khuôn khổ Basel II.

Hoạt động giám sát các tổ chức tín dụng luôn được Ngân hàng Trung ương Thái Lan xác định là một quá trình liên tục. Việc này được hỗ trợ bởi hệ thống quản lý dữ liệu của bộ phận giám sát, giúp phát hiện sớm những ngân hàng có dấu hiệu rủi ro cao. Thông qua việc phân tích, tổng hợp dữ liệu cùng với việc xem xét các điều kiện thực tế, Ngân hàng Trung ương sẽ đưa ra các báo cáo cảnh báo sớm, hỗ trợ thanh tra viên trong việc đánh giá

tình hình và đưa ra những khuyến nghị hoặc hành động cụ thể đối với từng ngân hàng thương mại hoặc toàn hệ thống ngân hàng.

2.5.2. Kinh nghiệm hoạt động giám sát của ngân hàng nhà nước Việt Nam đối với các tổ chức tín dụng

Thời gian qua, nền kinh tế Việt Nam nói riêng và nền kinh tế trong khu vực và thế giới đứng trước nhiều yêu cầu mới với thời cơ và thách thức đan xen. Những khó khăn kéo dài từ năm 2019 bởi những tác động của đại dịch Covid - 19, cho đến những khủng hoảng kinh tế thế giới trước những tác động của tình hình chính trị trên thế giới... đã ảnh hưởng không nhỏ tới tình hình kinh tế - xã hội thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Ở Việt Nam, trong bối cảnh đó, căn cứ diễn biến tình hình tiền tệ - ngân hàng và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của NHNN, công tác giám sát của NHNN đối với các TCTD đã luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền. Công tác giám sát của NHNN đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, bám sát thực tiễn, từng bước được củng cố, tăng cường, đổi mới... kịp thời phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và của NHNN, góp phần bảo đảm an toàn hoạt động của các TCTD, tăng trưởng kinh tế. Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2017 - 2024 của Việt Nam đã có xu hướng tăng trưởng theo quỹ đạo ổn định mặc dù trong giai đoạn này với tác động của đại dịch Covid - 19 đà tăng trưởng kinh tế đã có sự giảm sút nghiêm trọng: Giai đoạn 2017 - 2021 tăng trưởng kinh tế giảm 4.96% và trên thế giới nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới có mức độ tăng trưởng âm. Tuy nhiên, cho đến năm 2024, tình hình kinh tế Việt Nam đã đi vào quỹ đạo tăng trưởng ổn định với mức tăng trưởng khoảng 6,82% (9 tháng đầu năm 2014), tăng 0,33% so với năm 2017, tăng 5,29% so với năm 2021 và tăng 2,42% so với năm 2023

“Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III/2024 ước tính tăng 7,40% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,58%, đóng góp 4,08% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,11%, đóng góp 48,88%; khu vực dịch vụ tăng 7,51%, đóng góp 47,04%. Về sử dụng GDP quý III/2024, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,02% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 59,78% vào tốc độ tăng chung của nền kinh tế; tích lũy tài sản tăng 7,08%, đóng góp 39,03%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 15,68%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 15,84%; chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ đóng góp 1,19%. GDP chín tháng năm 2024 ước tăng 6,82% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,20%, đóng góp 5,37% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,19%, đóng góp 46,22%; khu vực dịch vụ tăng 6,95%, đóng góp 48,41%” [68].

Như vậy, cùng với sự vươn dậy mạnh mẽ của nền kinh tế của Việt Nam giai đoạn 2017- 2024 là sự đóng góp quan trọng của hệ thống của TCTD với vai trò đảm bảo an toàn vốn, an ninh tài chính, là kênh dẫn vốn hiệu quả cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Và kết quả đó, phản ánh hiệu quả của công tác giám sát của NHNN đối với các TCTD ở Việt Nam hiện nay.

Để đạt được những kết quả quan trọng góp phần giúp Việt Nam vượt qua những khó khăn trước những tác động của đại dịch Covid -19 và khủng hoảng kinh tế toàn cầu trong giai đoạn 2017-2024 vừa qua, công tác TTGS của NHNN đối với các TCTD có ý nghĩa quan trọng góp phần đảm bảo động an toàn, lành mạnh của hệ thống các TCTD, bảo đảm các TCTD chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật, Ban Lãnh đạo NHNN luôn quan tâm, chỉ đạo sát sao và đặt ra yêu cầu cao đối với công tác TTGS; đồng thời

quan tâm, thấu hiểu những khó khăn, áp lực của công tác TTGSNH; ghi nhận và đánh giá cao những nỗ lực, tinh thần trách nhiệm của Lãnh đạo và cán bộ, công chức Cơ quan TTGSNH, các NHNN chi nhánh trong việc triển khai các nhiệm vụ được giao”.

Trong công tác TTGS của NHNN đối với các TCTD không ngừng “đổi mới theo hướng đẩy mạnh thanh tra chuyên đề, hướng tới tập trung hiệu quả nguồn lực thanh tra vào các đối tượng, lĩnh vực có tiềm ẩn rủi ro cao, dễ phát sinh tiêu cực, sai phạm, góp phần duy trì và giữ vững kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động tiền tệ, ngân hàng. Công tác GSNH tiếp tục có sự gắn kết chặt chẽ với công tác thanh tra; bám sát, tham mưu xử lý những vấn đề dư luận xã hội quan tâm. Đồng thời, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giám sát cũng được tăng cường nhằm bảo đảm giám sát kịp thời hơn tình hình hoạt động của TCTD, nâng cao hiệu quả phát hiện, cảnh báo sớm rủi ro” [67].

Trong giai đoạn 2017 - 2024 vừa qua, công tác TTGS của NHNN đối với các TCTD “đã có những kết quả tích cực trên tất cả các lĩnh vực công tác và ngày càng phối hợp chặt chẽ và gắn kết giữa các đơn vị trong ngành. Vai trò của Cơ quan giám sát của NHNN ngày càng thể hiện rõ nét trong việc định hướng, xây dựng kế hoạch giám sát, xác định rõ đối tượng, phạm vi để giám sát các TCTD chi nhánh tỉnh, thành phố có kế hoạch giám sát phù hợp với năng lực và nguồn lực; hướng dẫn giám sát của NHNN chi nhánh trong việc triển khai công tác giám sát các TCTD và thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật.

Đặc biệt, để khắc phục những tồn tại, yếu kém của ngành Ngân hàng nói chung và hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD đã được NHNN nhận diện cũng như các khuyết điểm được đánh giá khách quan, thẳng thắn về những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

và rút ra bài học kinh nghiệm trong hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD, từ đó đưa ra các giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD được đề cập đến trong “Quyết định số 1058/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án (Đề án 1058), ngày 19/7/2017”, Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể: “Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, pháp quy về thanh tra, GSNH, an toàn hoạt động ngân hàng để đảm bảo đầy đủ và đồng bộ. Theo đó, NHNN ban hành quy định về trình tự, thủ tục thanh tra chuyên ngành Ngân hàng; quy định về trình tự, thủ tục GSNH”; đồng thời đang tiếp tục rà soát, hoàn thiện để ban hành các quy định về quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng; xếp hạng các TCTD; các quy định về tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng phù hợp, tiệm cận với thông lệ và chuẩn mực quốc tế... Đặc biệt trong thời gian tới, NHNN tiếp tục tham mưu Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD để hoàn thiện các quy định pháp luật nhằm ngăn ngừa sở hữu chéo, lạm dụng quyền quản trị, điều hành, quyền cổ đông lớn để thao túng hoạt động của TCTD.

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của Cơ quan Thanh tra, GSNH; Tăng cường sự phối hợp công tác, chia sẻ thông tin giữa NHNN và các cơ quan bảo vệ pháp luật, cơ quan chức năng trong hoạt động thanh tra, GSNH;

- Tăng cường năng lực của Ngân hàng Nhà nước trong cảnh báo sớm đối với các rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến toàn hệ thống, đồng thời phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

- Cải thiện cả về chất lượng, số lượng cũng như năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ thanh tra, giám sát trong ngành Ngân hàng, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh chóng của hệ thống tài chính – ngân hàng trong bối cảnh mới;

- Cải tiến công tác giám sát theo hướng nâng cao hiệu quả trong việc giám sát an toàn vi mô và vĩ mô, dựa trên việc triển khai các công cụ, phương pháp giám sát rủi ro hiện đại, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin. Công tác giám sát cần được gắn kết chặt chẽ với hoạt động thanh tra, cấp phép và xây dựng các chế độ, chính sách phù hợp.- Đổi mới công tác thanh tra theo hướng tăng cường thanh tra toàn diện, pháp nhân TCTD, phù hợp với thực tiễn hoạt động của TCTD; kết hợp TTGS việc chấp hành chính sách, pháp luật với TTGS rủi ro trong hoạt động của đối tượng thanh tra ngân hàng, đối tượng GSNH, tiến tới áp dụng phương pháp dựa trên cơ sở rủi ro theo các thông lệ, chuẩn mực quốc tế;

- Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động thanh tra, GSNH phù hợp với tình hình mới;

- Tăng cường công tác giám sát thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng, kiểm soát chặt chẽ chất lượng hoạt động của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; phát hiện và xử lý nghiêm, kịp thời những sai phạm và rủi ro gây mất ổn định; tăng cường thực hiện phương pháp giám sát rủi ro nhằm đưa ra những cảnh báo sớm về nguy cơ gây mất an toàn hệ thống vốn của hệ thống các TCTD.

2.5.3. Bài học cho Ngân hàng Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào về giám sát của ngân hàng nhà nước đối với các tổ chức tín dụng

Để khắc phục những nhược điểm của mô hình giám sát thể chế, học tập kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới về hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD, tác giả gợi mở hai vấn đề lớn cần quan tâm để góp phần nâng cao năng lực giám sát của NHNN Lào đối với các TCTD hiện nay như sau:

Thứ nhất, rà soát, xây dựng khuôn khổ pháp lý theo hướng phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan trong hệ thống giám sát tài chính quốc gia để tránh chồng chéo và bù lấp khoảng trống giám sát; Đồng thời,

quy định chặt chẽ hơn cơ chế phối hợp giám sát giữa các cơ quan này - theo đó, cần xây dựng cơ chế phối hợp (được cụ thể hóa bằng các thỏa thuận/biên bản ghi nhớ) hoặc cơ cấu chéo nhân sự tại các cơ quan giám sát tài chính nhằm đảm bảo cho quá trình giám sát được chặt chẽ và đầy đủ thông tin.

Thứ hai, do hệ thống TCTD giữ vai trò chủ chốt trong hệ thống tài chính nên cần nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát hệ thống tài chính của NHNN trong. Để đạt được mục tiêu này, cần phải:

Khẳng định trách nhiệm ổn định tài chính của NHNN về mặt pháp lý. Theo đó, cần luật hóa chức năng ổn định tài chính của NHNN.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát của NHNN đối với hệ thống TCTD nói riêng và góp phần giám sát hệ thống tài chính nói chung, với một số giải pháp trọng tâm sau:

Một là, rà soát, sắp xếp và kiện toàn cơ cấu tổ chức của các đơn vị trong ngành tham gia vào quá trình giám sát hệ thống các TCTD (như Cơ quan thanh tra, GSNH, Vụ Ổn định tiền tệ - tài chính, các NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố,...), đặc biệt là Cơ quan Thanh tra, GSNH.

Hai là, nâng cao chất lượng hoạt động của công tác GSNH thông qua việc: (i) Tiếp tục nâng cao chuẩn mực an toàn trong lĩnh vực tài chính; (ii) Tăng cường đổi mới phương pháp, công cụ, nội dung, quy trình thanh tra, GSNH, trong đó trọng tâm là chuyển từ phương pháp TTGS tuân thủ sang kết hợp giữa phương pháp TTGS tuân thủ và phương pháp TTGS trên cơ sở rủi ro; Phối kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các khâu của chu trình TTGS khép kín: từ cấp phép, ban hành cơ chế chính sách đến TTGS, xử lý vi phạm; (iii) Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để đảm đương được nhiệm vụ TTGS trong bối cảnh kinh tế quốc tế và kinh tế trong nước đang biến đổi với yêu cầu ngày càng cao hơn đối với hệ thống tài chính; (iv) Tăng cường đổi mới, đầu tư công nghệ hỗ trợ công tác thanh tra, GSNH.

Ba là, mở rộng phạm vi giám sát của NHNN. Không chỉ giám sát đối với từng TCTD đơn lẻ mà giám sát toàn bộ pháp nhân của TCTD, bao gồm các công ty con, công ty liên kết...; nói cách khác, giám sát tập đoàn tài chính mà TCTD là công ty mẹ và giám sát vĩ mô đối với toàn bộ hệ thống TCTD nhằm đưa ra các cảnh báo sớm và phòng chống khủng hoảng, góp phần ngăn ngừa rủi ro hệ thống.

Thứ ba, hoàn thiện hệ thống pháp luật về giám sát của NHNN đối với các TCTD, nhằm tạo hành lang pháp lý cho hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD ở nước CHDCND Lào hiện nay. Rà soát, hoàn thiện các quy định về an toàn hoạt của các TCTD, quản trị, điều hành, QLRR của TCTD...theo hướng chặt chẽ, an toàn hơn, phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn hoạt động của TCTD. Rà soát, đề xuất hoàn thiện các văn bản quy định về trình tự, thủ tục giám sát chuyên ngành ngân hàng, bảo đảm phù hợp quy định pháp luật và đặc thù triển khai công tác giám sát của giám sát ngành Ngân hàng

Tăng cường hoạt động giám sát chặt chẽ và chỉ đạo các TCTD triển khai quyết liệt, hiệu quả phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu; đẩy mạnh xử lý nợ xấu, hạn chế nợ xấu mới phát sinh. Hoàn thiện phương pháp, công cụ giám sát của Cơ quan giám sát của NHNN theo định hướng đảm bảo đầy đủ 29 nguyên tắc theo thông lệ quốc tế về TTGS hiệu quả của Ủy ban Basel; Hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát của Cơ quan giám sát của NHNN đối với các TCTD.

Thứ tư, tăng cường thực hiện hoạt động giám sát dựa trên cơ sở rủi ro, trong đó tập trung thực hiện các hoạt động giám sát cụ thể như sau:

Một là, đánh giá tình hình tài chính, kinh doanh và công tác quản trị rủi ro của các TCTD: Việc xác định mức độ và chất lượng quản trị rủi ro của các TCTD được tiến hành trên cơ sở xem xét 5 loại rủi ro chính gồm: rủi ro

chiến lược, RRTD, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và rủi ro hoạt động. Kết quả đánh giá các loại rủi ro này sẽ là căn cứ để NHNN xem xét, đánh giá toàn diện tình hình tài chính và diễn biến hoạt động kinh doanh của từng TCTD. Bên cạnh đó, cán bộ thanh tra còn tiến hành đánh giá mức độ an toàn vốn và công tác trích lập dự phòng rủi ro của ngân hàng, đảm bảo quá trình đánh giá và xếp loại từng loại rủi ro được gắn liền với việc phân loại hiệu quả hoạt động tổng thể của TCTD. Đồng thời, việc kiểm tra mức độ tuân thủ pháp luật của các TCTD cũng được thực hiện.

Hai là, kiểm tra và đánh giá hệ thống quản trị rủi ro nội bộ tại các TCTD: Nội dung này nhằm mục đích theo dõi và kiểm soát việc phát triển các công cụ, mô hình phục vụ quản trị rủi ro và quản lý các hoạt động giao dịch thường ngày, cũng như quá trình chuẩn bị triển khai các yêu cầu bảo đảm an toàn vốn theo quy định của Basel II.

Ba là, kiểm tra hệ thống quản trị dữ liệu và công nghệ thông tin của các TCTD: Mục tiêu của hoạt động này là đánh giá khả năng tiếp cận và kiểm soát các loại rủi ro phát sinh từ hoạt động giao dịch của TCTD. Những rủi ro này có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính, mức độ an toàn cũng như tính chính xác của báo cáo tài chính. Việc QLRR công nghệ thông tin đảm bảo rằng TCTD cùng đội ngũ kỹ thuật công nghệ thông tin đang vận hành hệ thống một cách an toàn, lành mạnh và tuân thủ đúng các quy định pháp lý cũng như yêu cầu của NHNN. Qua đó, quyền lợi của người gửi tiền được bảo đảm và hoạt động của TCTD được duy trì ổn định.

Tiểu kết chương 2

Hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD có vai trò quan trọng nhằm đảm bảo sự ổn định, an toàn của hệ thống tài chính tiền tệ, ngân hàng nói chung, để các TCTD là một trong những kênh dẫn vốn hiệu quả góp phần phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia. Vì thế, việc nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD đang ngày càng trở thành một nhu cầu tất yếu đối với sự an toàn và lành mạnh cho hệ thống tài chính nói chung và hệ thống các TCTD nói riêng.

Trong nội dung chương 2 *Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về giám sát của NHNN đối với các TCTD*, đã nghiên cứu, phân tích và hệ thống hoá những vấn đề lý luận về hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD; nghiên cứu và làm rõ kinh nghiệm giám sát của một số ngân hàng trung ương trên thế giới đối với các TCTD và bài học kinh nghiệm cho NHNN CHDCND Lào.

Chương 3

THỰC TRẠNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

3.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HỆ THỐNG CÁC NGÂN HÀNG NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của hệ thống các ngân hàng nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

NHNN CHDCND Lào (BOL) xuất thân từ Ngân hàng Pa-thét Lào (07/10/1968). Năm 1981, Ngân hàng quốc gia Lào được đổi tên thành NHNN Lào.

Hệ thống các ngân hàng Lào đã có giai đoạn phát triển như sau:

Giai đoạn 1: Từ năm 1986-1993

Chủ trương đổi mới về cải cách kinh tế và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nước CHDCND Lào đã được thông qua tại Đại hội Đảng lần thứ IV của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (1986). Luật NHNN Lào và Nghị định về quản lý ngân hàng đã được Quốc hội nước CHDCND Lào thông qua, trong đó quy định Ngân hàng CHDCND Lào (Bank of the Lao PDR - BOL) có chức năng vai trò là Ngân hàng Trung ương tham mưu cho Chính phủ thực hiện chức năng quản lý vĩ mô Nhà nước về tiền tệ là ngân hàng mẹ của hệ thống các ngân hàng; hệ thống các ngân hàng Lào được hình thành dưới nhiều hình thức sở hữu hoạt động kinh doanh ngân hàng tiền tệ bình đẳng trước pháp luật.

Tuy nhiên, đến năm 1992 việc chuyển hệ thống ngân hàng từ một cấp sang hai cấp mới được hoàn thành, đồng thời việc cải thiện và sắp xếp lại bộ máy tổ chức, cơ chế hoạt động và đội ngũ cán bộ được thực hiện nhằm mang

lại hoạt động hiệu quả cho hệ thống ngân hàng trở thành “huyết mạch” của nền kinh tế đất nước.

Giai đoạn 2: Từ năm 1994-2000

Nhằm nâng cao vai trò của hệ thống các ngân hàng nhằm tạo ra những động lực quan trọng cho phát triển kinh tế đất nước, Chính phủ Lào lần thứ hai đã thực hiện kế hoạch cải cách cơ cấu tổ chức hệ thống các ngân hàng Lào (1994-2000), theo phương hướng sáp nhập các chi nhánh ngân hàng quốc doanh có hoạt động chưa hiệu quả.

Nhằm thúc đẩy mối quan hệ hợp tác Lào - Việt trong thực hiện các chủ trương về phát triển tài chính và kinh tế - xã hội của hai nước Lào và Việt Nam, ngân hàng Liên doanh Lào-Việt đã được thành lập (2000). Tính đến năm 2000, hệ thống các ngân hàng Lào bao gồm 4 NHTM quốc doanh, 1 ngân hàng hợp doanh, 1 ngân hàng liên doanh và 6 chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Trong bối cảnh đổi mới đất nước, cùng với xu thế toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế, hệ thống các NHNN Lào đã có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo đường lối, chủ trương của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào. Trong đó, quan trọng nhất hệ thống NHNN Lào đã thực hiện tốt vai trò dẫn vốn cho nền kinh tế, tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách về tài chính tiền tệ quốc gia, ổn định tình hình tài chính quốc gia, góp phần đẩy lùi tình trạng lạm phát, kiềm chế lạm phát ở mức một con số, đồng thời tích cực đổi mới hoạt động, không ngừng áp dụng công nghệ tiên tiến thích ứng hiệu quả với thị trường ngân hàng và tiền tệ thế giới và góp phần quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và Nhà nước CHDCND đã đề ra.

Giai đoạn 3: Từ năm 2001 đến nay

Chính phủ Lào đã có cuộc cải cách hệ thống các ngân hàng lần thứ ba sáp nhập lại hai ngân hàng là Ngân hàng Lào Mày và Ngân hàng Lạn Xăng

thành Ngân hàng Phát triển Lào (Lao Development Bank - LDB) (2002), dưới sự hỗ trợ của ADB, IMF và WB.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng theo cơ chế thị trường, Chính phủ đã chỉ thị cho NHNN tiếp tục chỉ đạo tái cơ cấu lại hệ thống các ngân hàng Lào, nhằm thực hiện hiệu quả hơn nữa vai trò dẫn vốn, đảm bảo ổn định thị trường tài chính, tiền tệ ngân hàng góp phần tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế, thực hiện các mục tiêu đổi mới đất nước trong thời kỳ mới, đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Quá trình cải cách, đổi mới trong hệ thống NHNN Lào đã tăng lên về số lượng hệ thống các ngân hàng Lào và hệ thống NHNN Lào đang có sự chuyển mình tích cực thích với những biến đổi của nền kinh tế thế giới và thực hiện hiệu quả, vai trò góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hệ thống các ngân hàng Lào ngày càng có sự lớn mạnh về số lượng và chất lượng với mức vốn chủ sở hữu, tổng tài sản, đa dạng hoá các hình thức dịch vụ và đóng góp vốn và GDP hàng năm.

3.1.2. Tổng quan về hệ thống các ngân hàng ở nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào hiện nay

Theo số liệu thống kê của Ngân hàng Lào, ngoại trừ NHNN Lào (BOL), ở Lào có tổng cộng 38 NHTM, được chia thành các nhóm khác nhau như: NHTM nhà nước, Ngân hàng chính sách, Ngân hàng tư nhân, Ngân hàng liên doanh và Ngân hàng nước ngoài [66].

**NHTM nhà nước:* NHTM nhà nước là NHTM do nhà nước sở hữu hoặc kiểm soát, có bản chất và chức năng tương tự như các NHTM khác nhưng quyền sở hữu và mục đích kinh doanh sẽ chịu sự quản lý và ảnh hưởng trực tiếp từ Chính phủ.

Ở Lào có hai NHTM nhà nước là: Ngân hàng Ngoại thương Lào (BCEL) (60% thuộc sở hữu của Bộ Tài chính Lào); Ngân hàng Khuyến nông

(APB) (30% thuộc sở hữu của Bộ Tài chính)

**Ngân hàng chính sách:* Ngân hàng chính sách là các ngân hàng có tính chất đặc biệt được thành lập và vận hành bởi Chính phủ hoặc các tổ chức do Chính phủ kiểm soát. Mục đích chính là thực hiện các chính sách kinh tế của chính phủ và thúc đẩy các chiến lược phát triển quốc gia. Ví dụ, nó cung cấp nguồn vốn chi phí thấp và các điều khoản cho vay ưu đãi để xây dựng cơ sở hạ tầng. Lào chỉ có một ngân hàng chính sách là Ngân hàng Chính sách Lào (NBB)

**Ngân hàng tư nhân:* Ngân hàng tư nhân là ngân hàng được sở hữu và điều hành bởi các cá nhân hoặc cổ đông tư nhân. Không giống như các ngân hàng quốc doanh do chính phủ kiểm soát hoặc tham gia, quyền sở hữu và hoạt động của ngân hàng tư nhân được kiểm soát bởi các nhà đầu tư hoặc công ty tư nhân. Hiện nay, ở Lào có 7 ngân hàng tư nhân bao gồm: Ngân hàng liên kết phát triển (JDB); Ngân hàng Phongsavanh (PSVB); Ngân hàng Indochina (IDB); Ngân hàng BIC Lào (BIC); Ngân hàng ST (STB); Ngân hàng Booyoung Bank (BYB); Ngân hàng Maruhan Nhật Bản.

**Ngân hàng liên doanh*

Ngân hàng liên doanh là ngân hàng do hai cổ đông trở lên thành lập và điều hành. Ở Lào, hai bên tham gia liên doanh thường là cá nhân và chính phủ.

Có 4 ngân hàng liên doanh ở Lào: Ngân hàng Phát triển Lào (LDB) (Bộ Tài chính của chính phủ nắm giữ 30% cổ phần; Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (LVB) (Ngân hàng Ngoại thương Lào nắm giữ 20% cổ phần); Ngân hàng Liên doanh Lào - Pháp (BFL) (Ngân hàng Ngoại thương Lào nắm giữ 46%); Ngân hàng Liên doanh Lào - Trung Quốc (LCNB) (Ngân hàng Ngoại thương Lào nắm giữ 20% cổ phần).

**NHTM nước ngoài:* Campuchia: Ngân hàng ACLEDA Bank và Ngân hàng Canadia Bank; Malaysia: Ngân hàng RHB; Thái Lan: Ngân hàng

Kasikornbank; Việt Nam: Ngân hàng Sacombank Lao, Ngân hàng Vietin Bank Lao, Ngân hàng Vietcombank Lao, Ngân hàng SHB Lào, Ngân hàng MB Bank Lào.

Chi nhánh ngân hàng nước ngoài: Thái Lan: Bangkok Bank chi nhánh Viêng Chăn, Krungthai Bank chi nhánh Viêng Chăn, Ngân hàng Krungsri (Bank of Ayudhya) chi nhánh Viêng Chăn, Ngân hàng Siam Commercial Bank chi nhánh Viêng Chăn

Malaysia: Public Bank chi nhánh Lào, Public Bank chi nhánh Viêng Chăn, Public Bank chi nhánh Wattay, Public Bank chi nhánh Savannakhet, Public Bank chi nhánh Pakse.

Đài Loan: Cathay Bank chi nhánh Viêng Chăn, First Bank chi nhánh Viêng Chăn, Taiwan Cooperative Bank chi nhánh Viêng Chăn.

Trung Quốc: Ngân hàng ICBC chi nhánh Viêng Chăn, Bank Of China chi nhánh Viêng Chăn.

Úc: ANZ Bank chi nhánh Viêng Chăn.

3.1.3. Tình hình nguồn nhân lực và cơ cấu bộ máy tổ chức thanh tra, GSNH nhà nước Lào giai đoạn 2017-2022

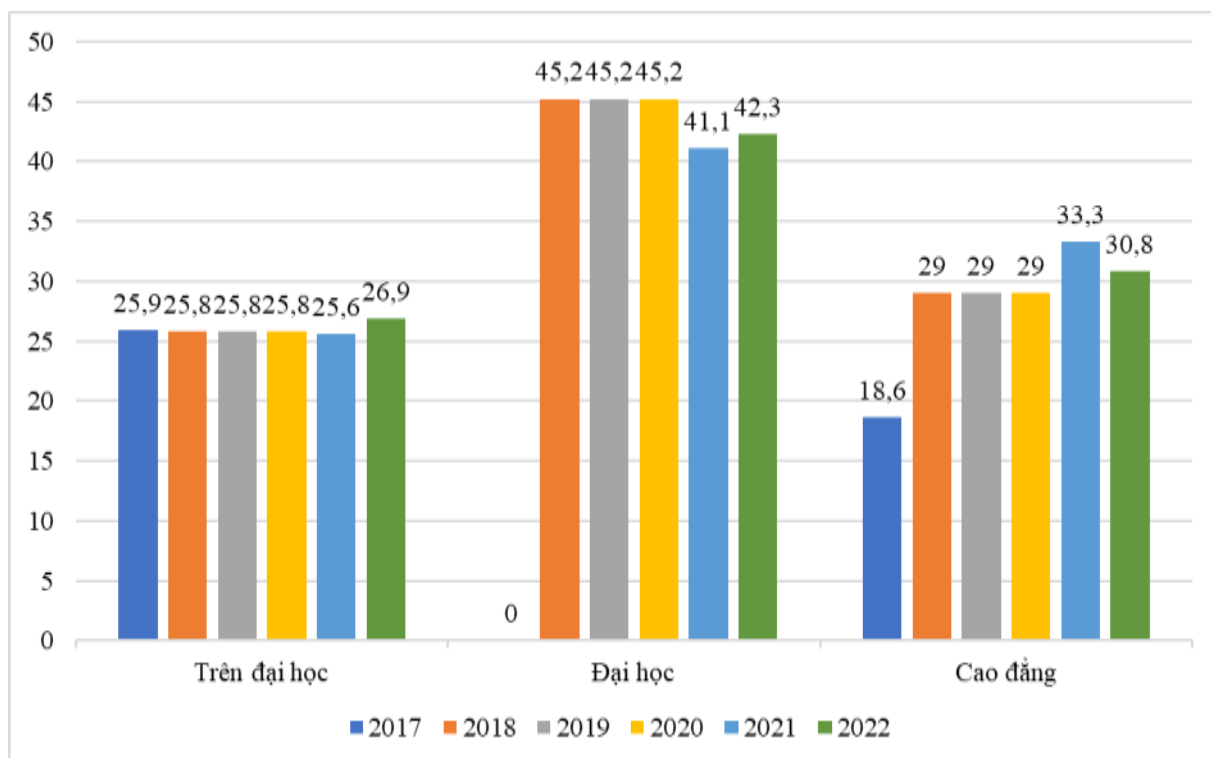
Bảng 3.1. Nguồn nhân lực TTGS của NHNN Lào giai đoạn 2017-2022

Đơn vị người

Số lượng	Số lượng	Trên đại học	%	Đại học	%	Cao đẳng	%	Trung cấp	%	Khác	%
2017	27	7	25,9	15	55,6	5	18,6	0	0,0	0	0,0
2018	30	8	25,8	14	45,2	8	29,0	0	0,0	0	0,0
2019	31	8	25,8	14	45,2	9	29,0	0	0,0	0	0,0
2020	31	8	25,8	14	45,2	9	29,0	0	0,0	0	0,0
2021	39	10	25,6	16	41,1	13	33,3	0	0,0	0	0,0
2022	52	14	26,9	22	42,3	16	30,8	0	0,0	0	0,0

Nguồn: Báo cáo NHNN Lào giai đoạn 2017-2022

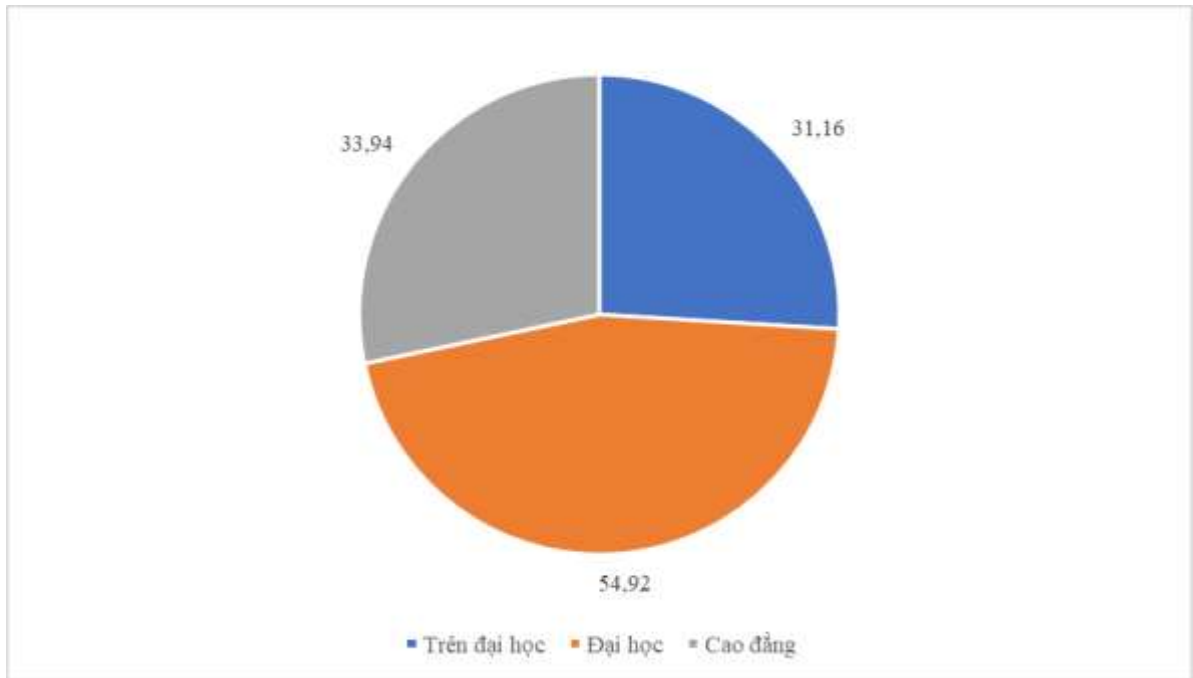
Đơn vị: %



Nguồn: Báo cáo NHNN Lào giai đoạn 2017-2022

**Biểu đồ 3.1. Biểu đồ nguồn nhân lực TTGS
của NHNN Lào giai đoạn 2017-2022**

Nguồn nhân lực có xu hướng tăng về số lượng và chất lượng, trong giai đoạn từ 2017 -2022 tăng 25 người (tương ứng tăng 92% so với năm 2017). Trong đó, chất lượng nguồn nhân lực thanh gia giám sát của NHNN Lào có xu hướng tăng. Trong giai đoạn 2017 -2022, nguồn nhân lực thanh tra có trình độ trên đại học tăng 7 người (tương ứng tăng 100% so với năm 2017), nguồn nhân lực trên đại học trung bình chiếm 31,16%. Nguồn nhân lực TTGS có trình độ đại học tăng 7 người (tương ứng tăng 46% so với năm 2017), trung bình chiếm 54,92%, nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng tăng 11 người (tương ứng tăng 220% so với năm 2017) trung bình chiếm 33,92% [Biểu đồ 3.2.].

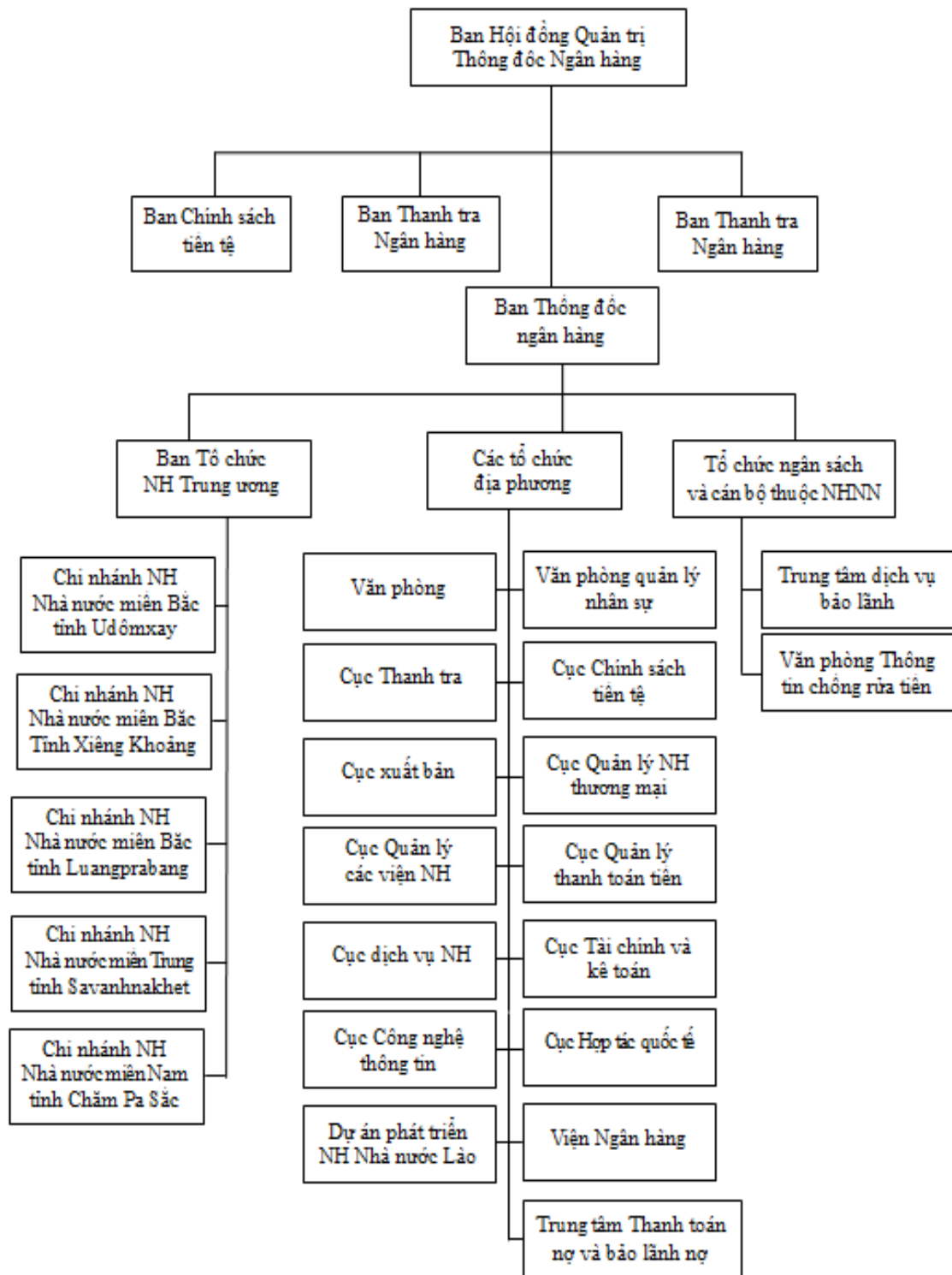


Nguồn: Báo cáo NHNN Lào giai đoạn 2017-2022

**Biểu đồ 3.2. Cơ cấu nguồn nhân lực TTGS NHNN Lào
giai đoạn 2017-2022**

Trong cơ cấu trình độ của nguồn nhân lực của TTGS của NHNN Lào có trình độ đại học và trên đại học chiếm 86,08%. Trong 5 năm gần đây đội ngũ cán bộ đang được trẻ hoá, có trình độ cơ bản về chuyên môn nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ. Trình độ và bằng cấp chuyên môn của cán bộ tại hệ thống TTGS nhà nước là tương đối cao, có thời gian công tác tương đối lâu và kinh nghiệm dày dặn. Đây được coi là lợi thế quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD. Tuy nhiên, hiện nay một lượng không nhỏ các cán bộ này đang có xu hướng rời khỏi hệ thống Thanh tra Ngân hàng để chuyển sang làm các công tác khác hoặc chuyển đến các NHTM.

Cơ cấu và vị trí việc làm của cơ quan Giám sát của NHNN Lào (Cục Thanh Tra) được thể hiện dưới sơ đồ sau:



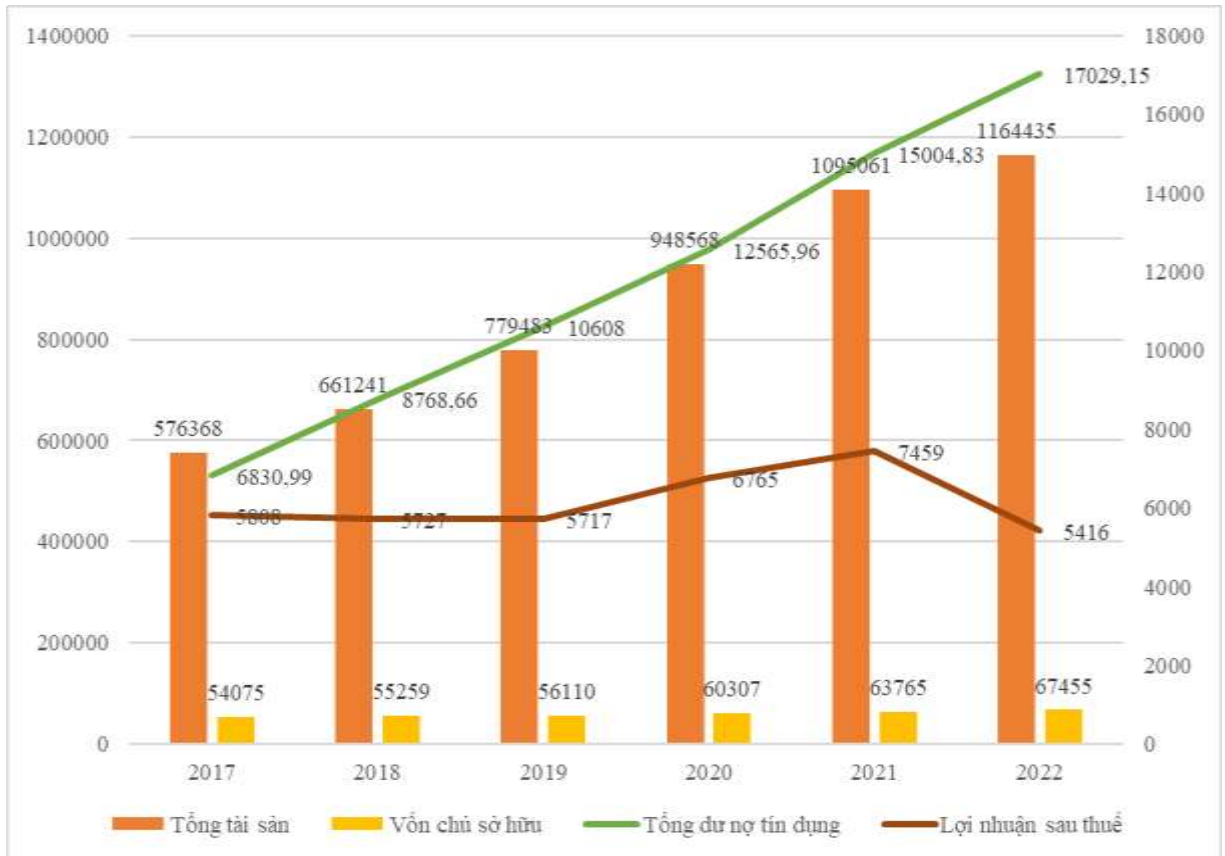
Nguồn: Báo cáo NHNN Lào Năm 2022

Sơ đồ 3.1: Vị trí việc làm của cơ quan Giám sát của NHNN Lào (Cục Thanh Tra)

3.1.4. Tình hình hoạt động của hệ thống các ngân hàng Lào

** Về kết quả hoạt động kinh doanh của hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn 2017 đến năm 2022*

Đơn vị: Tỷ kíp



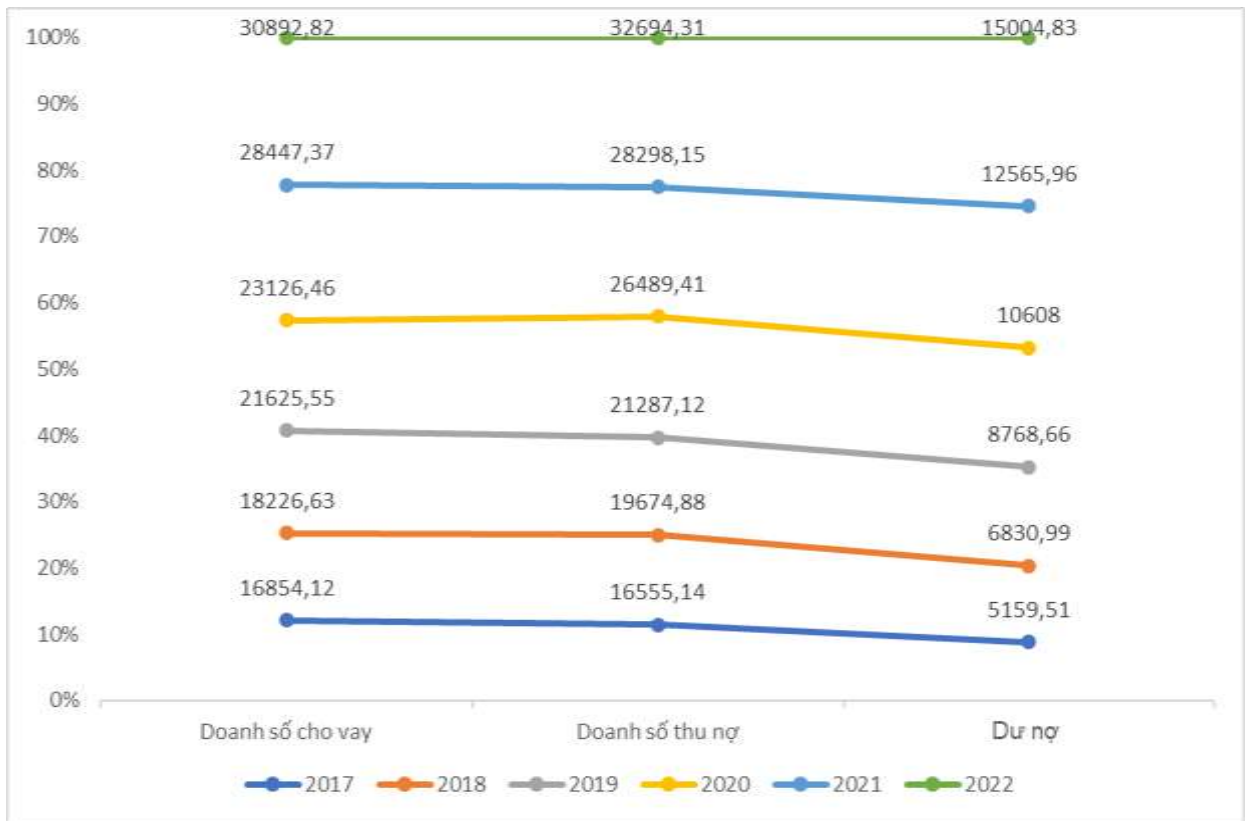
Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo thường niên của các ngân hàng Lào năm 2017 -2022

Biểu đồ 3.2. Một số kết quả hoạt động kinh doanh của hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn 2017-2022

Theo kết quả thống kê cho thấy trong giai đoạn 2017 - 2022, hệ thống các ngân hàng Lào có tổng tài sản tăng 588.076 tỷ kíp, tương ứng tăng giai đoạn 102,03%; vốn chủ sở hữu tăng 13.380 tỷ kíp, tương ứng tăng 24,74%; tổng nguồn vốn hoạt động từ TCKT và dân cư tăng 314.146 tỷ kíp, tương ứng tăng 61,4%; tổng nợ tín dụng tăng 10.198,2 tỷ kíp, tương

ứng tăng 149,3%; lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 1.651 tỷ kíp, tương ứng tăng 28,4% [Biểu đồ: 3.2].

Đơn vị tính: Tỷ Kíp

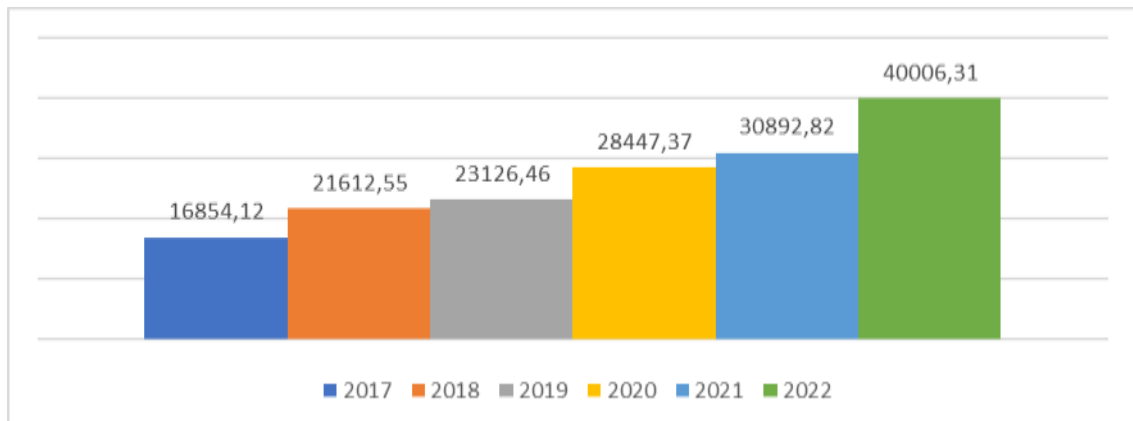


Nguồn: NHNN Lào giai đoạn 2017-2022

Biểu đồ 3.3. Tổng hợp hoạt động tín dụng của hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn 2017 - 2022

Theo số liệu thống kê [Biểu đồ 3.3.] cho thấy trong giai đoạn 2017 - 2022, doanh số cho vay của hệ thống các ngân hàng tăng 14038,7 tỷ kíp, tương ứng tăng 83,3%; doanh số thu nợ tăng 16139,2 tỷ kíp, tương ứng tăng 97,5%; dư nợ tăng 9845,33 tỷ kíp tương ứng tăng 190,8%.

Đơn vị tính: tỷ Kíp

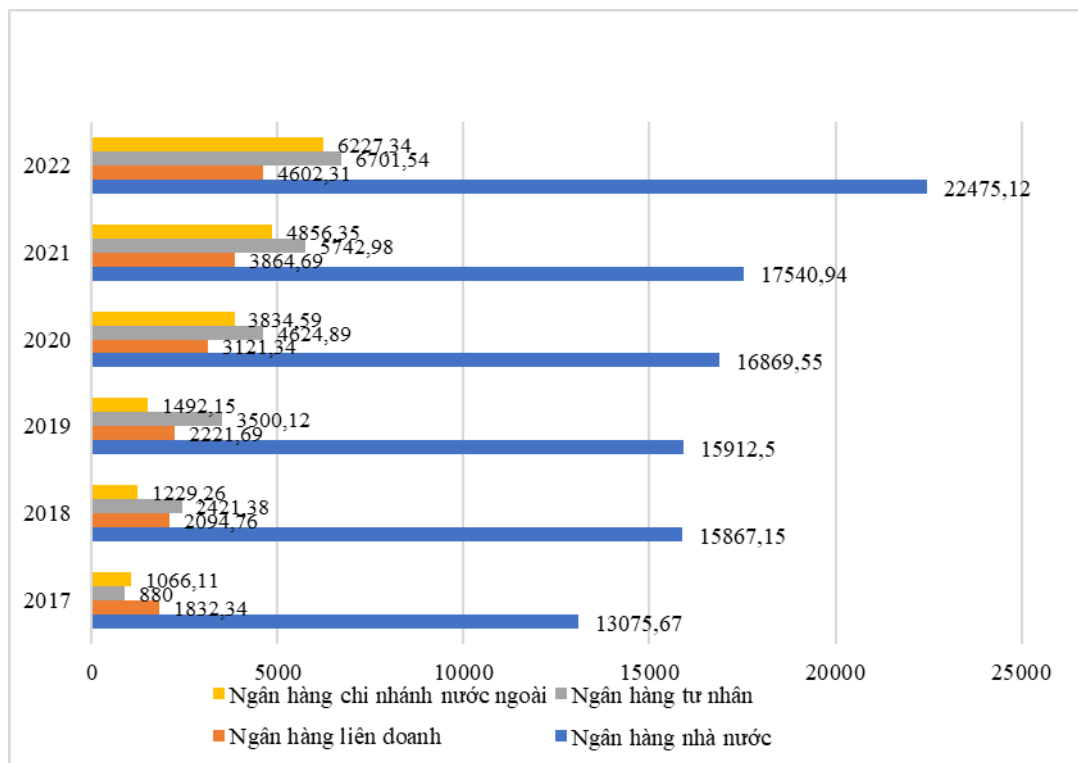


Nguồn: NHNN Lào giai đoạn 2017 - 2022

Biểu đồ 3.4. Tổng doanh số cho vay theo loại hình các ngân hàng Lào giai đoạn 2017 - 2022

Trong giai đoạn 2017 - 2022, tổng doanh số cho vay của các loại hình ngân hàng Lào tăng 23152,19 tỷ kíp, tương ứng tăng giai đoạn này là 237,4%.

Đơn vị tính: tỷ Kíp



Nguồn: NHNN Lào giai đoạn 2017 - 2022

Biểu đồ 3.5. Doanh số cho vay theo loại hình các ngân hàng Lào giai đoạn 2017 - 2022

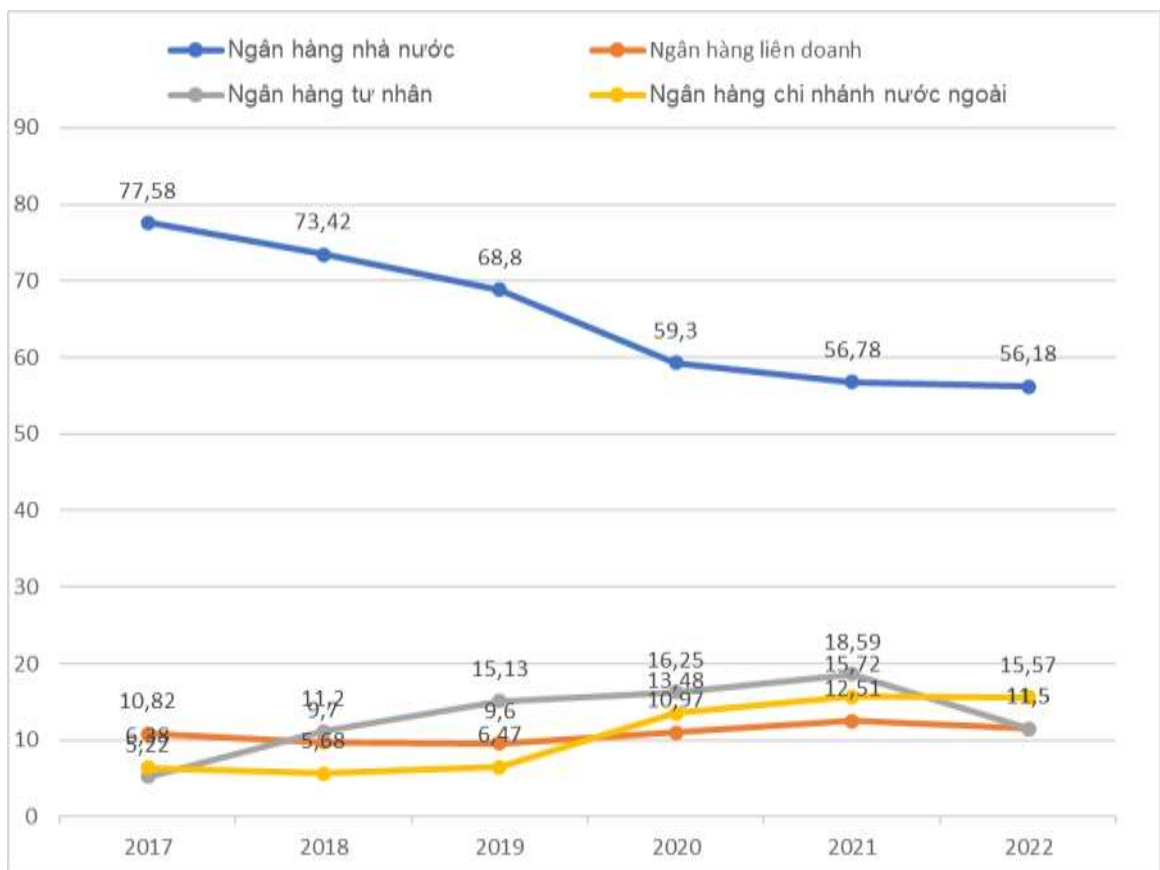
Trong giai đoạn 2017- 2022 [Biểu đồ 3.5.], NHNN có tổng doanh số cho vay tăng 9399,45 tỷ kíp, tương ứng tăng cả giai đoạn 171,9%.

Ngân hàng tư nhân có tổng doanh số cho vay tăng 5821,54 tỷ kíp, tương ứng tăng cả giai đoạn 761,5%.

Ngân hàng chi nhánh nước ngoài có tổng doanh số cho vay tăng 5161,23 tỷ kíp, tương ứng tăng cả giai đoạn 584,1%.

Ngân hàng liên doanh có tổng doanh số cho vay tăng 2032,35 tỷ kíp, tương ứng tăng cả giai đoạn 211,0%.

Đơn vị: %



Nguồn: NHNN Lào giai đoạn 2017 - 2022

Biểu đồ 3.6. Tỷ trọng doanh số cho vay theo loại hình các ngân hàng Lào giai đoạn 2017 - 2022

Theo số liệu thống kê [Biểu đồ 3.5. và Biểu đồ 3.6.] cho thấy, trong giai đoạn 2017 - 2022 doanh số cho vay theo các loại hình ngân hàng thuộc hệ thống ngân hàng Lào doanh số cho vay đều tăng, xong có sự thay đổi về tỷ trọng, cụ thể là:

NHNN có doanh số cho vay tăng mạnh nhất là 9399,45 tỷ kíp, tỷ trọng doanh số cho vay trong hệ thống các NHTM lớn nhất, xong có xu hướng giảm 21,4%; các ngân hàng khác đều tăng doanh số cho vay và tỷ trọng doanh số cho vay: các ngân hàng tư nhân có doanh số cho vay tăng 5821,54 tỷ kíp, tỷ trọng doanh số cho vay tăng 13,37%; Ngân hàng chi nhánh nước ngoài có doanh số cho vay tăng 3790,24 tỷ kíp, tăng 9,34% tỷ trọng doanh số cho vay; ngân hàng liên doanh có doanh số cho vay tăng 2769,97 tỷ kíp, tỷ trọng cho vay tăng 0,68%.

Bảng 3.3. Doanh số thu nợ theo loại hình sở hữu ngân hàng của hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn 2017-2022

Đơn vị tính: tỷ Kíp

Năm		2017	2018	2019	2020	2021	2022
Loại NH							
NH Nhà nước	Doanh số	12.353,28	15.356,82	16.620,28	15.805,33	16.067,69	17.284,78
NH liên doanh	Doanh số	1.218,43	1.585,62	1.642,86	3.422,37	3.964,57	4.831,82
NH tư nhân	Doanh số	1.041,66	1.413,89	1.582,37	3.904,86	4.606,4	5.586,47
NHCN nước ngoài	Doanh số	1.941,77	1.318,55	1.441,61	3.356,85	4.023,99	4.991,24
Doanh số thu nợ	Danh số	16.555,14	19.674,88	21.287,12	26.489,41	28.298,15	32.694,31

Nguồn: báo cáo NHNN Lào các năm 2017-2022

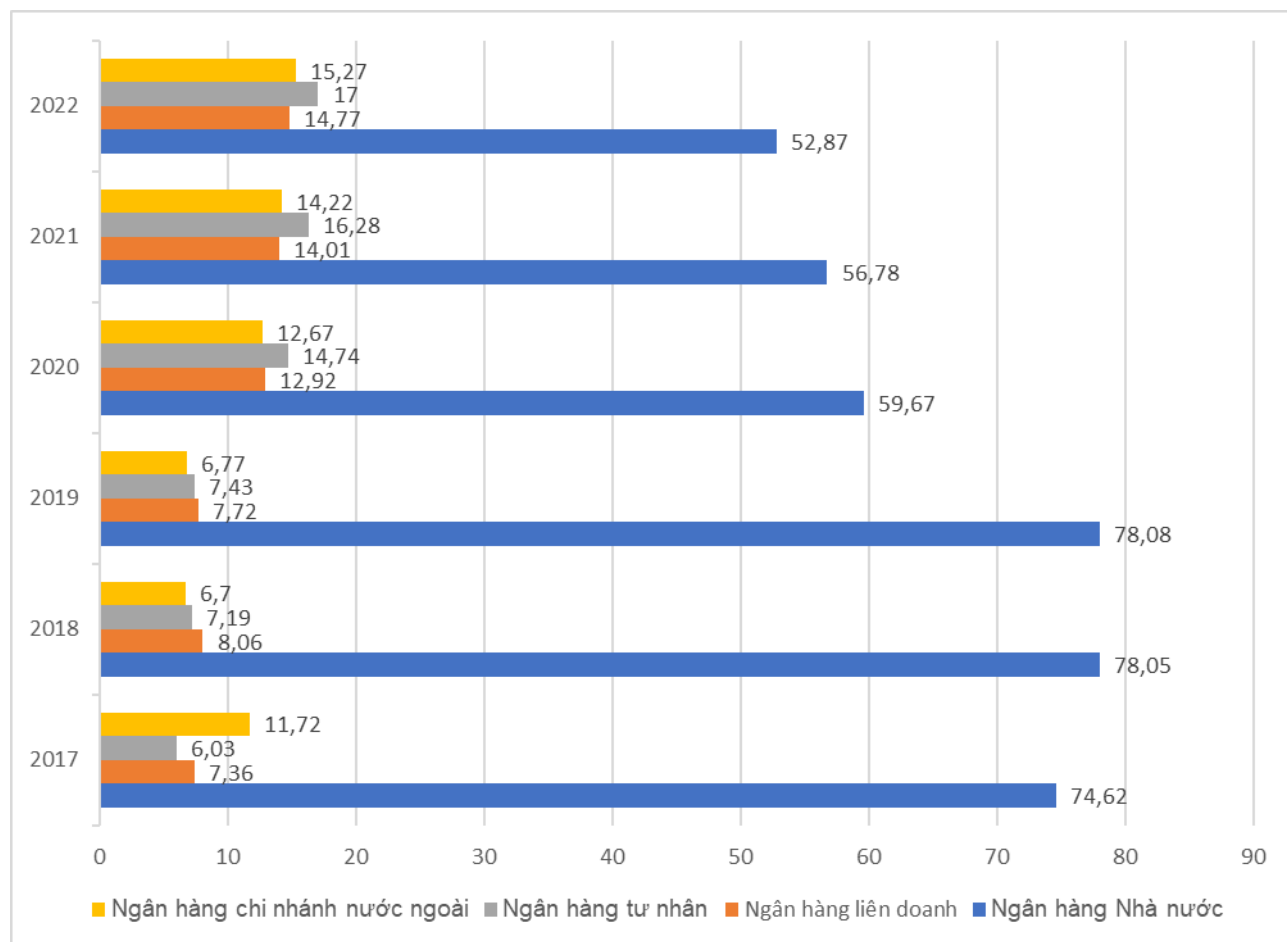
Theo số liệu thống kê [Bảng 3.3.] cho thấy, trong giai đoạn 2017 - 2022 doanh số thu nợ theo các loại hình ngân hàng thuộc hệ thống ngân hàng Lào doanh số thu nợ đều tăng, cụ thể là:

NHNN có doanh số thu nợ tăng mạnh nhất là 4931,5 tỷ kíp, tăng tương ứng giai đoạn 2017- 2022 là 140%.

Ngân hàng tư nhân có doanh số thu nợ tăng 4544,81 tỷ kíp, tăng tương ứng giai đoạn 2017- 2022 là 536,3%.

Ngân hàng liên doanh có doanh số thu nợ tăng 3613,39 tỷ kíp, tăng tương ứng giai đoạn 2017- 2022 là 1396,6%.

Ngân hàng chi nhánh nước ngoài có số thu nợ tăng 3049,47 tỷ kíp, tăng tương ứng giai đoạn 2017- 2022 là 257,1%.



Nguồn: báo cáo NHNN Lào các năm 2017-2022

Biểu đồ 3.7. Tỷ trọng doanh số thu nợ theo loại hình sở hữu ngân hàng của hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn 2017-2022

Theo số liệu thống kê [Bảng 3.3.] cho thấy, trong giai đoạn 2017 - 2022 doanh số thu nợ theo các loại hình ngân hàng thuộc hệ thống ngân hàng Lào doanh số thu nợ đều tăng, xong có sự thay đổi về tỷ trọng, cụ thể là:

NHNN có doanh số thu nợ tăng mạnh nhất tỷ trọng doanh số thu nợ trong hệ thống các NHTM lớn nhất, xong có xu hướng giảm 21,75%; các ngân hàng khác đều tăng doanh số thu nợ và tỷ trọng doanh số thu nợ: Ngân hàng tư nhân có doanh số thu nợ tăng, tỷ trọng doanh số thu nợ tăng 10,7%; Ngân hàng liên doanh có doanh số thu nợ tăng, tỷ trọng doanh số thu nợ tăng 7,41%; Ngân hàng chi nhánh nước ngoài có số thu nợ tăng, tỷ trọng doanh số thu nợ tăng 3,55%.

Về chất lượng tín dụng của hệ thống các ngân hàng Lào

Hoạt động đánh giá này tập trung vào chất lượng hoạt động cấp tín dụng thông qua tiến hành tính toán các tỷ lệ nợ xấu, nợ quá hạn, so sánh với cùng kỳ năm trước, với đầu năm. Hệ thống các ngân hàng Lào duy trì tỷ lệ nợ xấu trong giai đoạn 2017 - 2022 giao động từ 1% đến 1,58% được đánh giá đảm bảo an toàn, tuy nhiên diễn biến nợ xấu có thời điểm tăng và một số khoản vay tiềm ẩn nguy cơ phát sinh nợ xấu nên đặt ra yêu cầu tăng cường quản lý chất lượng tín dụng đối với từng ngân hàng và việc tăng cường hoạt động giám sát, thanh tra của NHNN Chi nhánh tỉnh; từ đó xây dựng hệ thống cơ sở cảnh báo rủi ro, chấn chỉnh kịp thời các vi phạm có thể ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng.

3.2. THỰC TRẠNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC LÀO ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

3.2.1. Kết quả thực hiện hoạt động giám sát thông qua thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin

Định kỳ hàng tháng, hàng quý cơ quan TTGS của NHNN Lào đã tiếp nhận, xử lý thông tin số liệu về tình hình hoạt động của hệ thống các ngân

hàng Lào, trên cơ sở đó NHNN Lào lập báo cáo về việc thực hiện chế độ báo cáo, thống kê của hệ thống các ngân hàng Lào, phân tích, tổng hợp số liệu phục vụ cho công tác TTTC và giám sát đối với hệ thống các ngân hàng Lào.

Với sự gia tăng về quy mô và số lượng hệ thống các ngân hàng Lào, cơ quan thanh tra, GSNH nhà nước Lào hàng tháng thông qua hệ thống mạng internet đã tiếp nhận, tổng hợp và xử lý số liệu báo cáo định kỳ của hệ thống các ngân hàng Lào, tiến hành giám sát phân tích tình hình hoạt động của hệ thống các ngân hàng Lào nhằm phối hợp với các hoạt động thanh tra và xử lý những sai phạm của hệ thống các ngân hàng Lào.

Điều này cho thấy, bước đầu NHNN Lào đã thực hiện và theo dõi, thu thập thông tin của hệ thống các ngân hàng Lào theo các nội dung toàn diện hơn, hiệu quả hơn.

Công tác giám sát của NHNN Lào được thực hiện thường xuyên hàng tháng bằng việc theo dõi, thu thập thông tin của hệ thống các ngân hàng Lào và hàng tháng đã có báo cáo đánh giá chung về hoạt động của các ngân hàng: Hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với hệ thống các ngân hàng được thực hiện thông qua việc phân tích diễn biến, cơ cấu về hoạt động huy động vốn, doanh số cho vay, doanh số thu nợ, dư nợ cho vay, kết quả hoạt động kinh doanh của từng ngân hàng. GSNH thông qua đánh giá thị phần của từng ngân hàng trong từng hoạt động nghiệp vụ, diễn biến tăng, giảm trong kỳ báo cáo giám sát và hàng năm. TTGSNNHNN Lào luôn thực hiện giám sát tất cả hệ thống các ngân hàng Lào thể hiện cụ thể qua hệ thống số liệu, dữ liệu, thông tin về hoạt động của hệ thống các ngân hàng Lào.

Bảng 3.4. Số cuộc TTGS các NHNN đối với hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn năm 2017-2022

Đơn vị: Cuộc

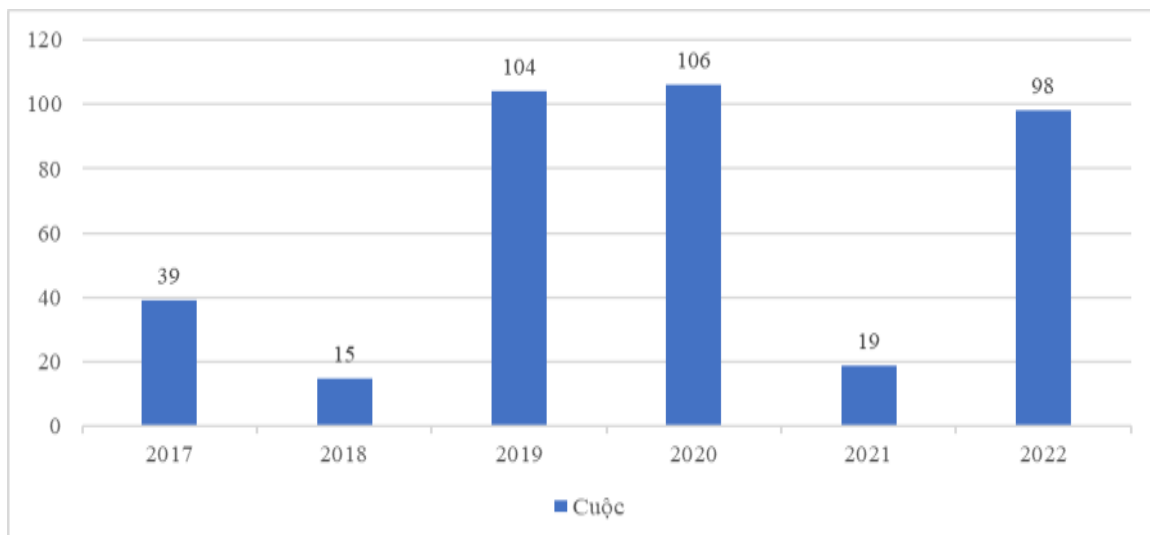
Năm	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Kế hoạch	39	15	104	106	60	98
Thực hiện	39	15	104	106	19	98
Tổng	39	15	104	106	19	98

Nguồn: Báo cáo Thanh tra ngân hàng và Thanh tra NN Lào Năm 2017-2022

Số cuộc TTGS các NHNN đối với hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn năm 2017-2022 có xu hướng tăng, giai đoạn 2017 - 2020, số lượng cuộc TTGS các NHNN đối với hệ thống các ngân hàng Lào được thực hiện 100% so với kế hoạch. Trong giai đoạn này số lượng cuộc TTGS các NHNN đối với hệ thống các ngân hàng Lào tăng 67 cuộc, tăng tương ứng 171,8%.

Trong năm 2021 với những tác động quan trọng của đại dịch Covid - 19 trên phạm vi toàn cầu và toàn diện ở tất cả lĩnh vực nên hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với các TCTD cũng chịu những ảnh hưởng tới việc thực hiện đúng kế hoạch các cuộc giám sát của NHNN đối với các TCTD. Cụ thể là, tính đến năm 2021, cuộc TTGS các NHNN đối với hệ thống các ngân hàng Lào được thực hiện giảm 46 cuộc, giảm tương ứng 43,4% so với năm 2020. Tuy nhiên, cùng với đà phục hồi và tăng trưởng trở lại của nền kinh tế trên thế giới và tình hình kinh tế trên phạm vi toàn cầu, khu vực và của đất nước sau đại dịch Covid - 19, hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với các TCTD đã được thực hiện theo đúng kế hoạch, lộ trình. Năm 2022, số cuộc TTGS của NHNN đối với các TCTD tăng 79 cuộc so với năm 2021, tương ứng tăng 163,3% so với năm 2021. Do những tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới và tình hình chiến tranh, xung đột trên thế giới nên kinh tế thế giới, cũng như hệ thống tài chính, tiền tệ, ngân hàng đều chịu những tác động xấu.

Để đảm bảo an toàn hệ thống tài chính, ngân hàng tiền tệ các cuộc TTGS của NHNN có xu hướng tăng nhằm thực hiện tốt chức năng cảnh báo rủi ro, đảm bảo an toàn hệ thống tài chính, tiền tệ, ngân hàng [Biểu đồ 3.8].



Nguồn: Báo cáo Thanh tra ngân hàng và Thanh tra NN Lào Năm 2017-2022

Biểu đồ 3.8. Số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra tại chỗ so với kế hoạch của NHNN đối với hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn năm 2017-2022

Việc đánh giá thực trạng hoạt động của hệ thống các ngân hàng Lào: TTGS đã đánh giá chính xác thực trạng hoạt động của hệ thống các ngân hàng Lào tại thời điểm thanh tra; Kết luận thanh tra đã phản ánh đúng thực trạng, đánh giá sự tuân thủ luật pháp, đánh giá việc quản trị rủi ro, mức độ an toàn của đối tượng thanh tra; các kiến nghị giải pháp phù hợp, khả thi.

NHNN đã tổ chức giám sát được thực hiện trên cả 2 nội dung là GSTX và TTTC

Việc thành lập bộ phận giám sát và phân tích đã giúp nâng cao hiệu quả và tính toàn diện trong công tác giám sát hệ thống ngân hàng tại Lào do Ngân hàng Nhà nước Lào thực hiện. Công tác thanh tra, giám sát không còn chỉ giới hạn ở hoạt động thanh tra tài chính mà đã được mở rộng với các hoạt động giám sát thường xuyên do bộ phận giám sát và phân tích đảm nhiệm.

Nhằm mục tiêu theo dõi sát sao tình hình của từng hệ thống ngân hàng tại Lào, bộ phận này đã tiến hành phân tích xu hướng hoạt động của các ngân hàng qua các năm, đồng thời so sánh giữa các nhóm ngân hàng có đặc điểm tương đồng, từ đó sớm phát hiện những rủi ro và vấn đề tài chính để đưa ra các giải pháp ứng phó kịp thời. Hoạt động GSTX của cơ quan thanh tra, GSNH đã đóng góp một vai trò quan trọng đối với củng cố chất lượng hoạt động TTTC và hiệu quả hoạt động của các ngân hàng Lào.

3.2.2. Kết quả xem xét, theo dõi tình hình chấp hành các quy định và thực hiện kết luận của cơ quan giám sát của ngân hàng nhà nước

Việc xem xét, theo dõi tình hình chấp hành các quy định về an toàn hoạt động ngân hàng và các quy định khác của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra và khuyến nghị, cảnh báo về GSNH được thể hiện cụ thể như sau:

Bảng 3.5. Thống kê sai phạm phát hiện qua công tác giám sát của NHNN đối với hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn năm 2019-2022

Chỉ tiêu	2019		2020		2021		2022	
	Số ngân hàng sai phạm	Số tiền phạt (Triệu kíp)	Số ngân hàng sai phạm	Số tiền phạt (Triệu kíp)	Số ngân hàng sai phạm	Số tiền phạt (Triệu kíp)	Số ngân hàng sai phạm	Số tiền phạt (Triệu kíp)
Đền bù từ nợ	72	682,29	11	18,59	10	32,61	8	30,36
Dự án thu lại	94	742,46	12	45,50	60	65,42	58	62,76
Thu tài sản	62	2.253,01	3	761,36	10	505,81	9	498,2

Nguồn: Báo cáo Thanh tra ngân hàng và Thanh tra NN Lào Năm 2019-2022

Số lượng tổ chức sai phạm có xu hướng giảm, năm 2020 các tổ chức sai phạm giảm 61 tổ chức so với năm 2019. Năm 2021 giảm 1 tổ chức vi phạm so với năm 2020. Số tiền phạt của các tổ chức có xu hướng giảm. Năm 2020,

số tiền phạt từ các tổ chức vi phạm giảm 663,7 triệu kíp, năm 2021 số tiền phạt của các tổ chức vi phạm tăng 14,02 triệu kíp.

Về các Dự án thu lại, năm 2020 số ngân hàng sai phạm có xu hướng giảm 82 tổ chức, và giảm 696,96 triệu kíp. Năm 2021 số ngân hàng sai phạm tăng 48 tổ chức so với năm 2020, số tiền phạt tăng 19,92 triệu kíp so với năm 2020.

Về thu tài sản trong giai đoạn 2019 - 2021 số ngân hàng sai phạm có xu hướng giảm. Năm 2020, số lượng TCTD sai phạm giảm 59 tổ chức, số tiền phạt giảm 1491,65 triệu kíp. Năm 2021, số TCTD sai phạm tăng 7 tổ chức so với năm 2020, số tiền phạt giảm 255,55 triệu kíp.

Năm 2022, kết quả hoạt động giám sát của NHNN đối với các ngân hàng cho thấy: số ngân hàng đền bù từ nợ, số dự án thu lại, số ngân hàng bị thu tài sản và số tiền phạt của các ngân hàng có xu hướng giảm. Kết quả này cho thấy hệ thống các ngân hàng của Lào đang có xu hướng hoạt động ổn định và khẳng định hiệu quả của hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với các ngân hàng hiện nay.

Cụ thể, về đền bù từ nợ, số ngân hàng sai phạm và số tiền phạt đang có xu hướng giảm so với năm 2021: tương ứng giảm 2 ngân hàng và 2,25 triệu kíp) và giảm mạnh so với năm 2017: tương ứng giảm 64 ngân hàng sai phạm và giảm số tiền phạt 651,93 triệu kíp.

Về dự án thu lại: số ngân hàng sai phạm năm 2022 giảm 02 số tiền phạt giảm 2,66 triệu kíp so với năm 2021 và giảm mạnh so với năm 2017 (tương ứng giảm 679,7 triệu kíp).

Về thu tài sản: số ngân hàng sai phạm giảm 01 tổ chức so với năm 2021 và giảm 53 tổ chức so với năm 2017. Về số tiền phạt năm 2022 giảm 7,61 triệu kíp so với năm 2021 và giảm 1754,81 triệu kíp so với năm 2017.

Những kết quả của hoạt động giám sát của NHNN đối với hệ thống các ngân hàng Lào đã góp phần đảm bảo an toàn hệ thống tín dụng của nước CHDCND Lào. Nhờ việc thực hiện các hoạt động GS của NHNN, hệ thống các ngân hàng Lào đã điều chỉnh hoạt động tín dụng nhằm hướng tới mức độ an toàn và đảm bảo là kênh dẫn vốn hiệu quả đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, trong giai đoạn 2020 - 2021 ảnh hưởng của Covid - 19 và những biến động của địa chính trị trên thế giới làm cho 8 ngân hàng Lào đã bị phá sản.

Kết quả giám sát của Ngân hàng Nhà nước Lào đã hỗ trợ các ngân hàng nhận diện nguyên nhân và đưa ra các biện pháp nhằm điều chỉnh hoạt động tín dụng, qua đó phòng ngừa những rủi ro có thể phát sinh cho từng ngân hàng cũng như toàn bộ hệ thống. Do đó, khi số lượng ngân hàng bị cảnh báo gia tăng, điều này cũng có thể được xem là dấu hiệu cho thấy sự an toàn của hệ thống ngân hàng đang bị ảnh hưởng.

3.2.3. Kết quả phân tích, đánh giá, nhận định mức độ lành mạnh của tình hình tài chính của hệ thống các ngân hàng

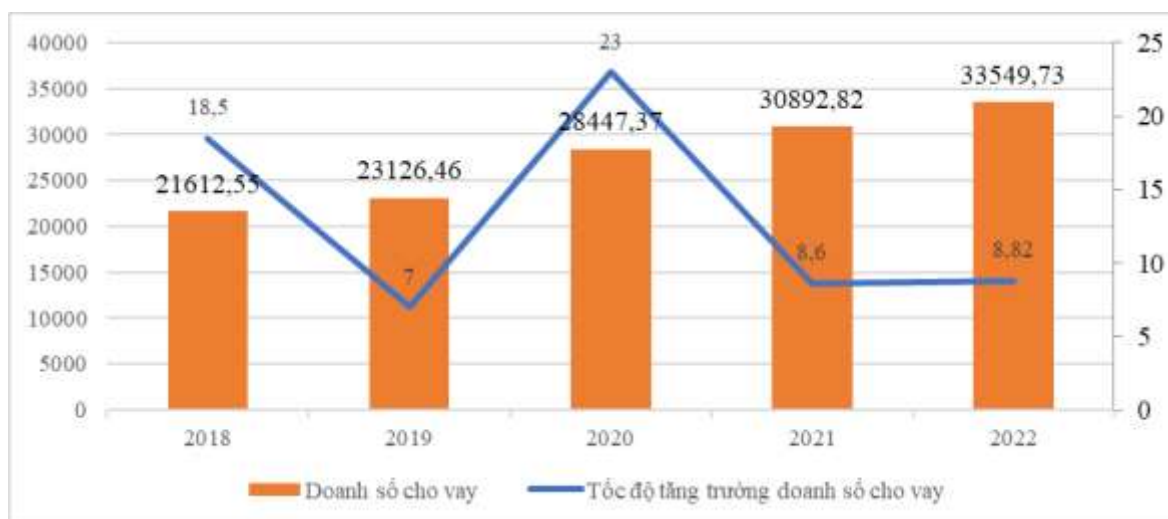
Việc phân tích, đánh giá, nhận định mức độ lành mạnh của tình hình tài chính của hệ thống các ngân hàng nhằm phát hiện rủi ro ảnh hưởng tới an toàn hệ thống dựa trên tình hình vốn sở hữu, mức độ an toàn vốn, tình hình huy động vốn, sử dụng vốn, tình hình thanh khoản, nợ xấu, chất lượng tín dụng... từ đó phân tích, đánh giá, nhận định vai trò đảm bảo hệ thống ngân hàng là kênh dẫn vốn hiệu quả của nền kinh tế quốc gia.

Việc phân tích, đánh giá mức độ lành mạnh, an toàn của hệ thống các ngân hàng, nhằm đảm bảo hệ thống ngân hàng là kênh dẫn vốn hiệu quả cho nền kinh tế được thể hiện bằng các chỉ tiêu đánh giá bao gồm:

Một là, trong giai đoạn 2017 -2022, tốc độ tăng trưởng huy động vốn và tín dụng của hệ thống ngân hàng Lào có xu hướng biến động tích cực,

tăng trưởng cùng chiều với tăng trưởng kinh tế của quốc gia. Điều này cho thấy, hiệu quả trong hoạt động huy động vốn của các TCTD, có ý nghĩa quan trọng giúp các TCTD trở thành kênh dẫn vốn hiệu quả cho hoạt động phát triển kinh tế của đất nước.

Đơn vị: %

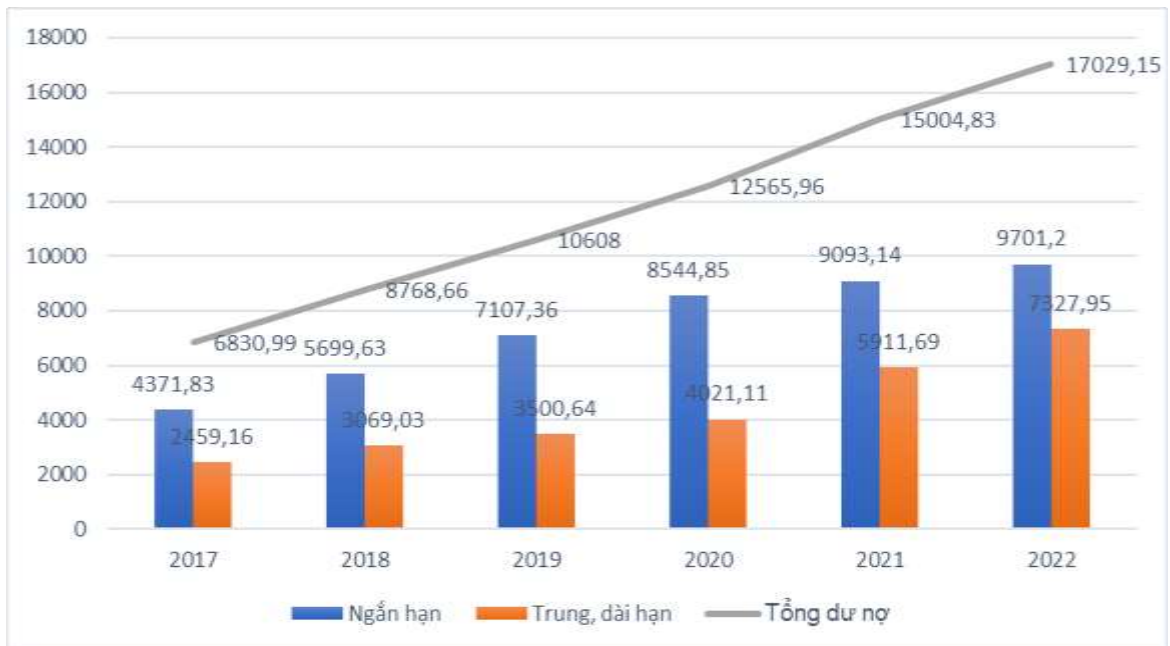


Nguồn: NHNN Lào giai đoạn 2017 - 2022

Biểu đồ 3.9. Tốc độ tăng trưởng doanh số cho vay của các ngân hàng Lào giai đoạn 2017-2022

Trong giai đoạn 2017–2022, doanh số cho vay của hệ thống ngân hàng nhìn chung có xu hướng tăng. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng doanh số cho vay trong cùng giai đoạn lại có dấu hiệu giảm dần. Nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 cùng với những diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế - chính trị toàn cầu, dẫn đến sự biến động không ổn định trong tốc độ tăng trưởng. Dù vậy, hiện nay khi dịch bệnh đã được kiểm soát và nền kinh tế thế giới cũng như Lào đang dần phục hồi, doanh số cho vay của hệ thống ngân hàng đang có xu hướng tăng trưởng trở lại một cách ổn định.

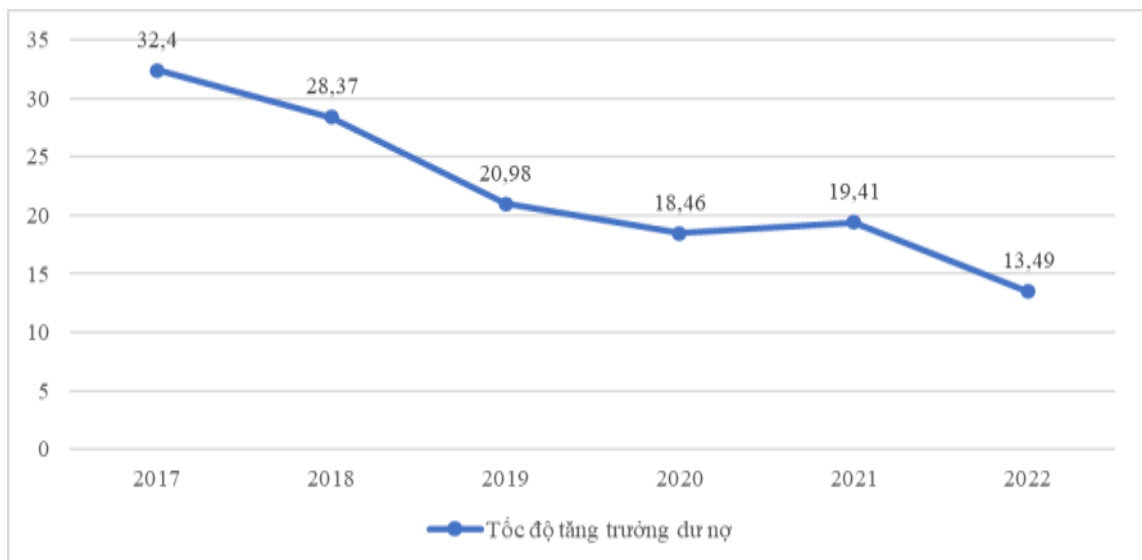
Đơn vị tính: Tỷ Kíp



Nguồn: Báo cáo NHNN Lào các năm 2017- 2022

Biểu đồ 3.10. Tổng dư nợ cho vay theo thời hạn của hệ thống ngân hàng Lào giai đoạn 2017-2022

Đơn vị: %



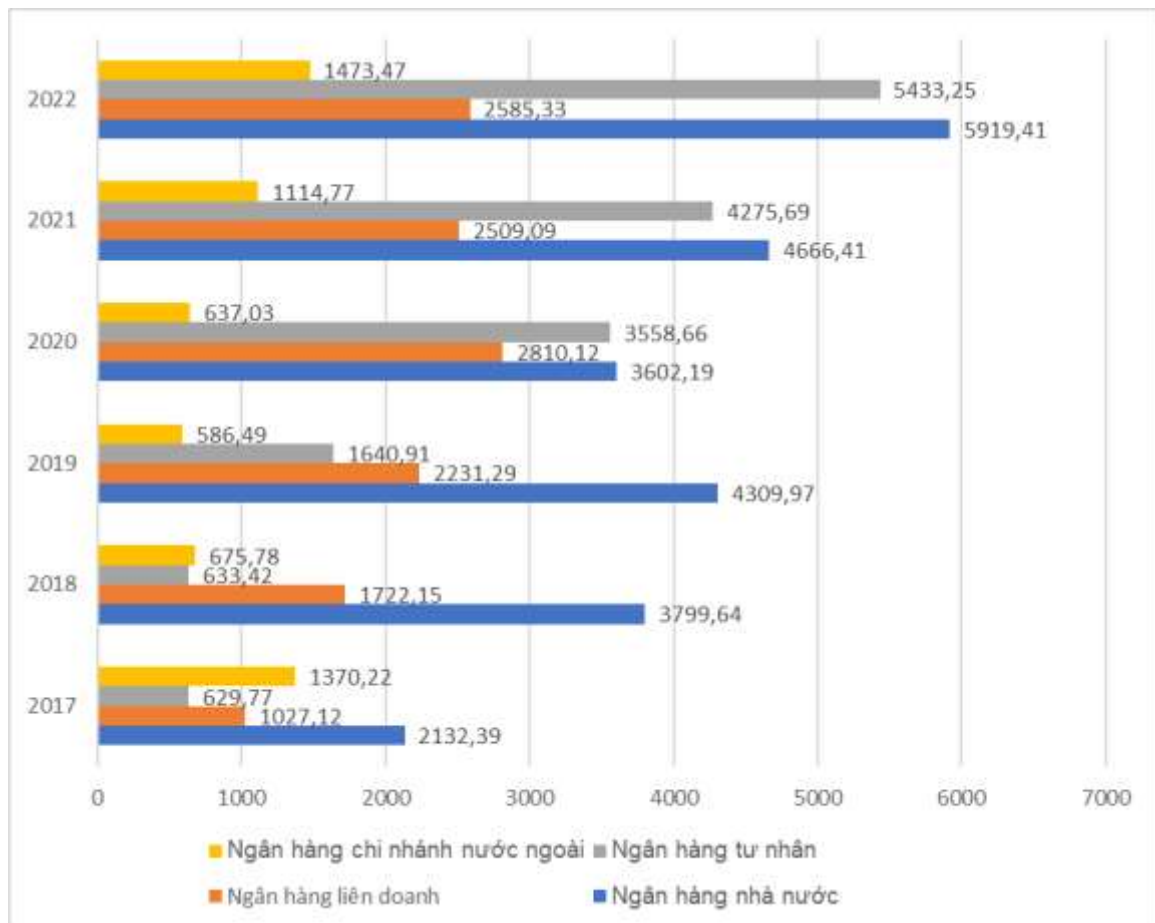
Nguồn: Báo cáo NHNN Lào 2017-2022

Biểu đồ 3.11. Tốc độ tăng trưởng dư nợ của hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn 2017- 2022

Theo số liệu thống kê [Biểu đồ 3.10. và Biểu đồ 3.11.], giai đoạn 2017-2022 tổng dư nợ cho vay theo thời hạn của các ngân hàng Lào tăng 10198,2 tỷ kíp tương ứng năm 2022 tăng 149,3% so với năm 2017; dư nợ ngắn hạn tăng 5329,37 tỷ kíp, năm 2022 tăng 121,9% so với năm 2017; dư nợ trung, dài hạn tăng 1868,79 tỷ kíp, năm 2022 tăng 198% so với năm 2017.

Tuy vậy, trong giai đoạn 2017 – 2022, tốc độ tăng trưởng dư nợ các ngân hàng Lào có xu hướng giảm 18,91%. Kết quả này cho thấy hoạt động của hệ thống các ngân hàng ở Lào đang có xu hướng đi vào ổn định hơn, đảm bảo an toàn hệ thống.

Đơn vị tính: Tỷ Kíp

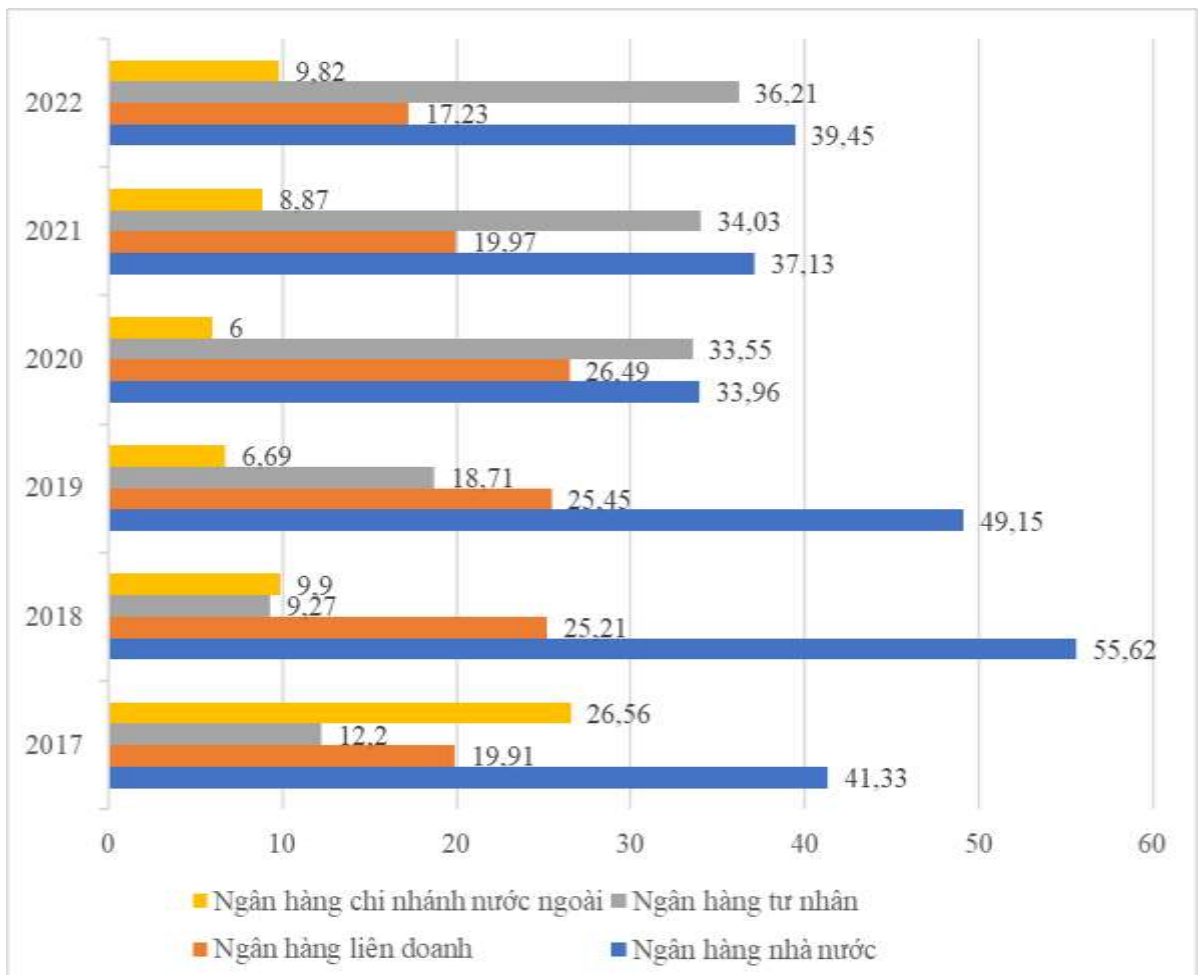


Nguồn: NHNN Lào giai đoạn 2017 - 2022

**Biểu đồ 3.12. Tổng dư nợ tín dụng của hệ thống các ngân hàng Lào
giai đoạn 2017 - 2022**

Về tổng dư nợ tín dụng của các ngân hàng Lào giai đoạn 2017 -2022 cho thấy các ngân hàng đều có tổng dư nợ tín dụng tăng, trong đó NHNN có tổng dư nợ tín dụng nhiều nhất và có xu hướng tăng mạnh nhất trong giai đoạn này. Năm 2022, tổng dư nợ tín dụng của NHNN tăng 3878,02 tỷ kíp, tăng tương ứng 277,6% so với năm 2017. Ngân hàng liên doanh có tổng dư nợ tín dụng tăng 1558,21 tỷ kíp tăng tương ứng 251,7% so với năm 2017. Ngân hàng tư nhân có tổng dư nợ tín dụng tăng mạnh nhất, tăng 4804,25 tỷ kíp, tương ứng tăng 863,8% so với năm 2017. Ngân hàng chi nhánh nước ngoài tăng 103,25 tỷ kíp, tương ứng tăng 107,5% so với năm 2017.

Đơn vị: %

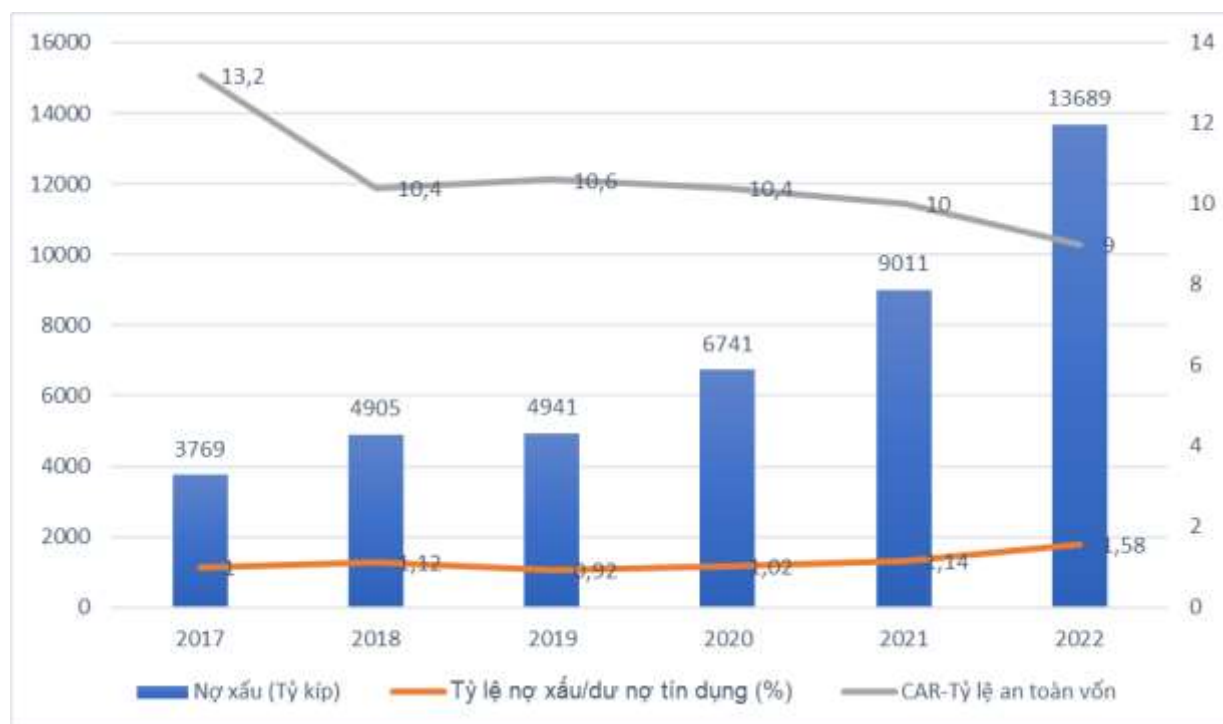


Nguồn: NHNN Lào giai đoạn 2017 - 2022

Biểu đồ 3.13. Tỷ trọng tổng dư nợ tín dụng của hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn 2017 - 2022

Số liệu trên cho thấy trong giai đoạn 2017 - 2022 NHNN có tỷ trọng dư nợ lớn nhất, tuy nhiên có xu hướng giảm là 4,2%. Ngân hàng liên doanh có tỷ trọng nợ tín dụng lớn thứ hai, song cũng có xu hướng giảm 0,06%. Ngân hàng tư nhân có tỷ trọng nợ tín dụng có xu hướng tăng 21,83%. Ngân hàng chi nhánh nước ngoài có tỷ trọng nợ tín dụng tăng 17,69%.

Hai là, Về tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ. NHTW giám sát chất lượng hoạt động cho vay, đầu tư của ngân hàng với việc quy định ngưỡng giá trị tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ thấp khoảng 3%.



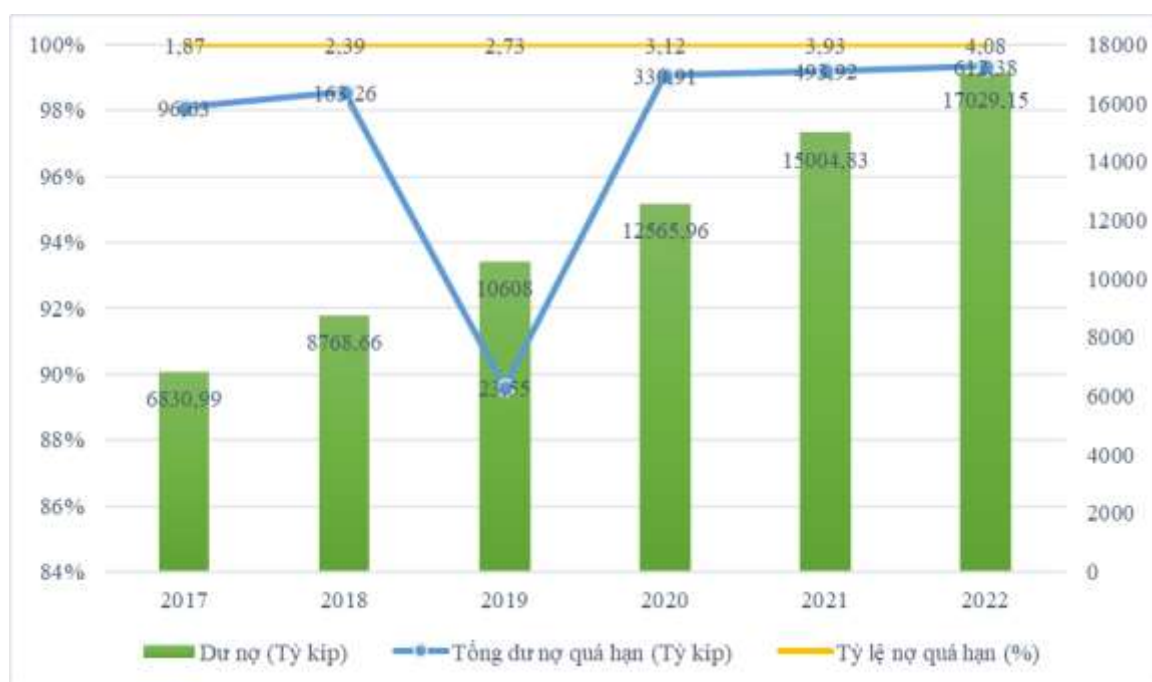
Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo thường niên của các NHTM Lào năm 2017 - 2022

Biểu đồ 3.14. Chỉ tiêu phản ánh chất lượng tài sản của hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn 2017 - 2022

Như vậy, trong giai đoạn 2017 - 2022, nợ xấu của các ngân hàng Lào tăng 9920 tỷ kíp, tương ứng 263,2%; Tỷ lệ nợ xấu/ tổng dư nợ tăng 0,58%. Hiệu quả hoạt động cho vay của ngân hàng được đánh giá qua tình hình nợ xấu. Trong giai đoạn 2017-2022 tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ có xu hướng tăng (mặc dù tỷ lệ này không cao) cho thấy những khó khăn của ngành ngân hàng

trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới hiện nay có nhiều biến động và nợ xấu gia tăng là “bài toán” còn chưa được giải quyết trong ngành ngân hàng cũng như trong nền kinh tế của nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay nói chung và ở Lào nói riêng. Mặc dù, tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tín dụng của hệ thống các ngân hàng Lào đạt 1,58% trong giới hạn đảm bảo an toàn hệ thống, tuy nhiên nợ xấu, tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tín dụng có xu hướng tăng ở hệ thống các ngân hàng ở Lào phản ánh chất lượng tín dụng của hệ thống các ngân hàng Lào đang có nguy cơ suy giảm, chất lượng tín dụng thấp, điều này dẫn đến những rủi ro trong hoạt động của hệ thống các ngân hàng, dẫn tới nguy cơ gây mất an toàn hệ thống và an ninh tài chính, tiền tệ của quốc gia.

Về tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của hệ thống các ngân hàng của Lào giai đoạn 2017-2022 có xu hướng giảm 3,2%: năm 2017, CAR là 13,2%, năm 2022 tỷ lệ CAR là 9%, như vậy tỷ lệ CAR cho thấy chất lượng tín dụng của hệ thống các ngân hàng ở Lào hiện nay có tính ổn định và hoạt động tương đối hiệu quả.



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo thường niên của các NHTM Lào năm 2017 - 2022

Biểu đồ 3.15. Tình hình dư nợ quá hạn của hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn 2017 - 2022

Tình hình dư nợ quá hạn của hệ thống các ngân hàng ở Lào có xu hướng tăng năm 2017 là 96,63 tỷ kíp, năm 2022 tăng lên 612,38 tỷ kíp (tăng 515,75 tỷ kíp). Tỷ lệ nợ quá hạn có xu hướng tăng, năm 2017 là 1,87% năm 2022 là 4,08% (tăng 2,21%).

Tình hình nợ quá hạn có xu hướng tăng, kết quả này cho thấy việc hiệu quả huy động vốn chưa được khai thác hiệu quả, năng lực quản lý nợ xấu, nợ quá hạn của hệ thống các ngân hàng còn hạn chế. Đồng thời, kết quả này cũng phản ánh tình hình khách hàng vay vốn chưa sử dụng hiệu quả trong hoạt động kinh tế, dẫn đến không trả nợ được khoản vay, cũng như cán bộ tín dụng của ngân hàng chưa có năng lực theo dõi, giám sát khoản cho vay, tình hình kinh doanh của khách hàng, khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích hay gian lận, không thiện chí trả các khoản vay đối với ngân hàng... Cũng như, kết quả này cho thấy, mô hình, chính sách quản trị rủi ro, tình hình quản lý nợ xấu của các ngân hàng ở Lào chưa hiệu quả, do tình hình kinh tế giai đoạn này bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi tác động của đại dịch COVID - 19, tình hình lạm phát tăng cao, khủng hoảng kinh tế do những biến động về tình hình địa - chính trị trên thế giới hiện nay, cũng như năng lực của đội ngũ nguồn nhân lực của hệ thống các ngân hàng còn hạn chế.

Thực tế này đặt ra cần phải tăng cường hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN đối với hệ thống các ngân hàng, nhằm phát hiện, cảnh báo và xử lý vi phạm kịp thời nhằm đảm bảo ổn định thị trường tài chính, ổn định hệ thống ngân hàng, đảm bảo ngân hàng là kênh dẫn vốn hiệu quả đảm bảo ổn định vốn cho sự phát triển kinh tế của đất nước.

Mặc dù, tình hình nợ xấu, nợ quá hạn có xu hướng tăng, song nhìn chung, chất lượng tín dụng của các ngân hàng ở Lào khá ổn định, đảm bảo là kênh dẫn vốn hiệu quả cho phát triển kinh tế Lào.

Ba là, các chỉ tiêu phản ánh thanh khoản (Dư nợ/Huy động). Chỉ tiêu thanh khoản có ý nghĩa cho thấy sự ổn định, an toàn tài chính của ngân hàng đảm bảo khả năng huy động vốn, khả năng chi trả cho khách hàng và củng cố niềm tin của người gửi tiền và khách hàng của tổ chức.



Nguồn: Báo cáo NHNN Lào 2017-2022

Biểu đồ 3.16. Tổng vốn huy động, dư nợ và tỷ lệ dư nợ/vốn huy động của hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn 2017- 2022

Như vậy, tỷ lệ dư nợ/vốn huy động của hệ thống các ngân hàng Lào có xu hướng tăng 0,41 %. Mặc dù trong giai đoạn này nền kinh tế của Lào cũng như bối cảnh chung của nền kinh tế thế giới bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 và tình hình địa chính trị phức tạp của thế giới xong tỷ lệ dư nợ/Vốn huy động của hệ thống các ngân hàng Lào có xu hướng tăng ổn định và đạt mức an toàn với tỷ lệ dư nợ/Vốn huy động là 50,37% vào năm 2022.

3.2.4. Kết quả phát hiện, cảnh báo rủi ro đối với các tổ chức tín dụng

Việc phát hiện, cảnh báo rủi ro gây mất an toàn hoạt động ngân hàng và nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng trong hoạt

động giám sát của NHNN đối với các TCTD có ý nghĩa quan trọng giúp các TCTD có biện pháp thích ứng hiệu quả nhằm đảm bảo an toàn vốn, an toàn hệ thống.

Trong giai đoạn 2017 - 2021 NHNN Lào đã giám sát hệ thống các ngân hàng Lào và thực hiện hiệu quả chức năng phát hiện các vi phạm cũng như cảnh báo rủi ro cho hệ thống các ngân hàng Lào [Biểu đồ 3.17].

Đơn vị: Ngân hàng



Nguồn: Báo cáo Thanh tra ngân hàng và Thanh tra nhà nước Lào Năm 2017 2022

Biểu đồ 3.17. Một số kết quả hoạt động giám sát của ngân hàng nhà nước Lào đối với hệ thống các ngân hàng giai đoạn 2017-2022

Số lượng số lượng các vi phạm quy chế an toàn được phát hiện đúng có xu hướng tăng 10% trong giai đoạn 2017- 2022, điều này cho thấy hiệu quả của hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với hệ thống các ngân hàng có hiệu quả đối với việc nâng cao hiệu quả việc thực hiện quy định của pháp luật về ngân hàng.

Về số lượng ngân hàng được cảnh báo rủi ro: kết quả hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với hệ thống các ngân hàng giai đoạn 2017-2021 có số ngân hàng được cảnh báo rủi ro tăng 3 ngân hàng, tương ứng tăng 25%. Năm 2022 số ngân hàng được cảnh báo rủi ro là 12/38 ngân hàng chiếm 34,2% tổng số ngân hàng được cảnh báo rủi ro.

Số ngân hàng bị đổ vỡ giai đoạn 2017 - 2022 có xu hướng tăng, giai đoạn 2017-2021 có 4 ngân hàng bị đổ vỡ. Đây là xu hướng chung của hệ thống ngân hàng nhiều quốc gia trên thế giới trong giai đoạn này bởi những tác động của đại dịch Covid - 19.

Giai đoạn từ 2020 -2022 số ngân hàng bị phá sản, đổ vỡ có xu hướng giảm, năm 2022 số ngân hàng bị phá sản, đổ vỡ là 02, giảm 50% so với năm 2020 và 2021. Sau khi nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế của nước CHDCND Lào khắc phục những hậu quả của đại dịch Covid - 19, thì cũng phải đối mặt với những tác động của bối cảnh khủng hoảng chính trị trên thế giới, vì thế nền kinh tế cũng như hệ thống tài chính, ngân hàng cũng chịu ảnh hưởng quan trọng. Do vậy, một số ngân hàng vẫn rơi vào tình trạng phá sản, đổ vỡ. Tuy nhiên, với số lượng ngân hàng đổ vỡ, phá sản có xu hướng giảm cũng là một tín hiệu tích cực cho thấy hệ thống tài chính, hệ thống ngân hàng ở Lào đang đi vào ổn định hơn so với giai đoạn trước đó.

Như vậy, giám sát của NHNN đóng vai trò quan trọng đối với việc đảm bảo tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng Lào. Từ kết quả giám sát của NHNN, phát hiện các sai phạm, cảnh báo nguy cơ rủi ro, xử lý khiếu nại, tố cáo cơ quan giám sát của NHNN Lào đã phát hiện biểu hiện không lành mạnh trong hoạt động tín dụng của ngân hàng Lào.

3.2.5. Kiến nghị, đề xuất trong hoạt động giám sát của ngân hàng nhà nước đối với các tổ chức tín dụng

Thực hiện hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD đã được các cơ quan giám sát thực hiện thường xuyên, hiệu quả việc chấp hành các quy định, chuẩn mực của pháp luật liên quan, việc thực hiện các kết luận thanh tra, giám sát và các khuyến nghị, đề xuất của cơ quan giám sát của NHNN...

Bảng 3.7. Số liệu thực hiện các kiến nghị sau TTGS của NHNN đối với hệ thống các ngân hàng Lào giai đoạn năm 2020-2022

Năm	Số cuộc giám sát (Cuộc)	Số kiến nghị của Kỳ báo cáo (Kiến nghị)	Số kiến nghị đã được khắc phục sau thanh tra (Kiến nghị)	Số kiến nghị đang được thực hiện (Kiến nghị)	Số tiền liên quan đến sai phạm (Triệu kíp)	Số tiền liên quan đến sai phạm đã khắc phục (Triệu kíp)	Số tiền liên quan đến sai phạm chưa khắc phục (Triệu kíp)
2020	946	345	300	43	742.46	622.10	120.36
2021	61	12	3	10	32.61	22.61	10.00
2022	60	8	6	15	818,5	150	668.5

Nguồn: Báo cáo Thanh tra ngân hàng và Thanh tra NN Lào Năm 2017-2022

Số cuộc giám sát của NHNN Lào đối với hệ thống các ngân hàng Lào có xu hướng giảm mạnh, trong giai đoạn 2020-2022 giảm 886 cuộc và số kiến nghị cũng có xu hướng giảm 337 số kiến nghị của kỳ báo cáo.

Số lượng các cuộc giám sát giảm và số kiến nghị giảm cho thấy hiệu quả của công tác giám sát của NHNN đối với hệ thống các ngân hàng Lào.

Tuy nhiên, số kiến nghị sau các kỳ báo cáo được thực hiện chưa được triệt để. Năm 2020 tỷ lệ số kiến nghị đã được khắc phục sau TTGS là chiếm 87,0%, tuy nhiên năm 2021 số kiến nghị đã được khắc phục sau thanh tra đạt 25% và năm 2021 đạt 75%. Tuy nhiên, số kiến nghị thanh tra đang được thực hiện có xu hướng tăng.

Đồng thời số tiền liên quan đến sai phạm có xu hướng tăng, trong giai đoạn 2020-2022 tăng 76,04 triệu kíp, tăng 10,2%. Số tiền liên quan đến sai phạm đã được khắc phục có xu hướng giảm, cụ thể giảm 472,1 triệu kíp. Năm 2020 số tiền liên quan đến sai phạm đã được khắc phục chiếm 83,8%, tuy nhiên trong 02 năm 2021 và 2022 giảm, cụ thể năm 2021 số tiền liên quan đến sai phạm đã được khắc phục chiếm 69,3%, năm 2022 số tiền liên quan đến sai phạm đã được khắc phục chiếm 18,3%. Đồng thời, số tiền liên quan đến sai phạm chưa được khắc phục có xu hướng tăng, năm 2020 chiếm 16,2%, năm 2021 chiếm 30,7% và năm 2022 chiếm 81,7%.

Kết quả này cho thấy hiệu quả việc thực hiện các kiến nghị sai phạm của hệ thống các ngân hàng Lào là chưa hiệu quả...

3.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

3.3.1. Những thành tựu đạt được

Một là, NHNN Lào và Ban giám đốc đã quan tâm, chỉ đạo sát sao hoạt động giám sát của các cơ quan thanh tra, GSNH đối với các TCTD, thực hiện hiệu quả các kế hoạch của hoạt động GSNH, thực hiện có trọng tâm, trọng điểm trong hoạt động GSNH, nâng cao hiệu quả hoạt động GSNH đối với các TCTD, đảm bảo hệ thống an toàn, lành mạnh, ổn định tình hình tài chính, vốn phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác TTGS được tiến hành nghiêm túc, phát hiện diễn biến bất thường trên thị trường tài chính tiền tệ, ngân hàng. Từ các kết luận của hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD, cơ quan GSNH đã kịp thời tham mưu, đề xuất, kiến nghị với các cơ quan hữu quan, các cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề liên quan, nhằm khắc phục hiệu quả những sai phạm. Đồng thời, đưa ra những cảnh báo rủi ro cho các TCTD, hệ thống TCTD nhằm đảm bảo an toàn hệ thống, an toàn vốn cho các TCTD.

Hàng năm, cơ quan TTGS của NHNN Lào đều thực hiện việc giám sát thường xuyên TTGS trực tiếp về tổ chức và hoạt động của TCTD, về hoạt động ngân hàng của các tổ chức khác, về hoạt động ngoại hối và kinh doanh vàng thuộc chức năng quản lý Nhà nước của NHNN.

Hoạt động TTGS đã bước đầu định hướng cho quá trình hoàn thiện chính sách của NHNN, bao gồm các quy chế, chính sách điều chỉnh hoạt động của các NHTM và các chính sách nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Cơ qua Thanh tra, GSNH.

Hai là, thực hiện tốt công tác GSTX, hoàn thiện sau thanh tra; báo cáo đầy đủ, đúng thời gian quy định. cảnh báo kịp thời các TCTD để lành mạnh tín dụng. Kết hợp giữa công tác GSTX và thanh tra trực tiếp, từng bước chuyển đổi phương pháp thanh tra truyền thống sang TTGS trên cơ sở rủi ro. Qua hoạt động TTGS của NHNN Lào đã kịp thời phát hiện các sai phạm, ngăn chặn các vi phạm; xử lý vi phạm theo pháp luật. Cơ quan giám sát của NHNN Lào đã yêu cầu các đơn vị vi phạm hợp kiểm điểm, xử lý kỷ luật kịp thời, đúng người, đúng trách nhiệm trong sai phạm.

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động GSNH đối với các TCTD, cơ quan TTGS đã thành lập các tổ công tác, tổ chức các hội nghị tiếp xúc trực tiếp đối với TCTD. Thông qua đó, cơ quan GSNH có thể nắm bắt kịp thời các thông tin liên quan đến tổ chức và hoạt động của các TCTD, cũng như

kip thời phát hiện, cảnh báo rủi ro và đề xuất các giải pháp thích ứng cho các TCTD giải quyết các vấn đề rủi ro về an toàn vốn, tuân thủ pháp lý của các TCTD.

Những kết luận của hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD đã kịp thời chỉ ra những hạn chế, thiếu sót, vi phạm, nguy cơ rủi ro mất an toàn vốn...của các TCTD có ý nghĩa quan trọng trở thành “đơn thuốc” quan trọng giúp các TCTD khắc phục những hạn chế, vi phạm và có những giải pháp thích ứng hiệu quả với những cảnh báo mà cơ quan giám sát của NHNN kết luận, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của TCTD trong thị trường tiền tệ, tài chính, ngân hàng, đảm bảo an toàn vốn và an toàn hệ thống các TCTD và trở thành kênh dẫn vốn hiệu quả cho các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của nước CHDCND Lào.

Ngoài ra, đối với hoạt động giám sát, đã tập trung triển khai dự án “Xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động GSTX”, đồng thời sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh các mẫu biểu báo cáo, các chỉ tiêu phân tích, các tiêu chí đánh giá và hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng công tác GSTX, từng bước hướng tới mục tiêu cảnh báo sớm rủi ro cho TCTD phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, xây dựng chính sách của NHNN.

Trong tiếp dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo đã chú trọng thực hiện đúng trình tự thủ tục và kịp thời. Tình hình khiếu nại qua các năm trong ngành ngân hàng có xu hướng giảm mạnh về số lượng đơn thư so với trước đây. Các khiếu nại phát sinh chủ yếu liên quan giữa khách hàng và các TCTD: về lãi suất, về phát mãi tài sản, gia hạn nợ, lỗi kỹ thuật thẻ ATM...; về hợp đồng lao động, chế độ trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động...; tố cáo về hành vi của các cá nhân có quan hệ với ngân hàng, hành vi một số cán bộ, nhân viên ngân hàng trong hoạt động nghiệp vụ... Trong quá trình tiếp nhận và xử lý đơn thư phát sinh rất ít trường hợp thuộc đối tượng giải

quyết theo Luật Khiếu nại, tố cáo. Không phát sinh những tranh chấp phức tạp như một số lĩnh vực khác như tranh chấp đất đai, hỗ trợ đền bù, thực hiện các chế độ, chính sách xã hội...

Ba là, công tác giám sát còn được chú trọng về chất lượng, với việc cơ quan thanh tra NHNN tập trung nâng cao hiệu quả thanh tra các vấn đề “nóng” của ngân hàng, như nợ xấu, chất lượng tài sản, công tác thực hiện phương án cơ cấu lại, đánh giá thực trạng vốn, hiệu quả tài chính, mức độ an toàn vốn và việc tuân thủ các quy định pháp luật của hệ thống ngân hàng Lào.

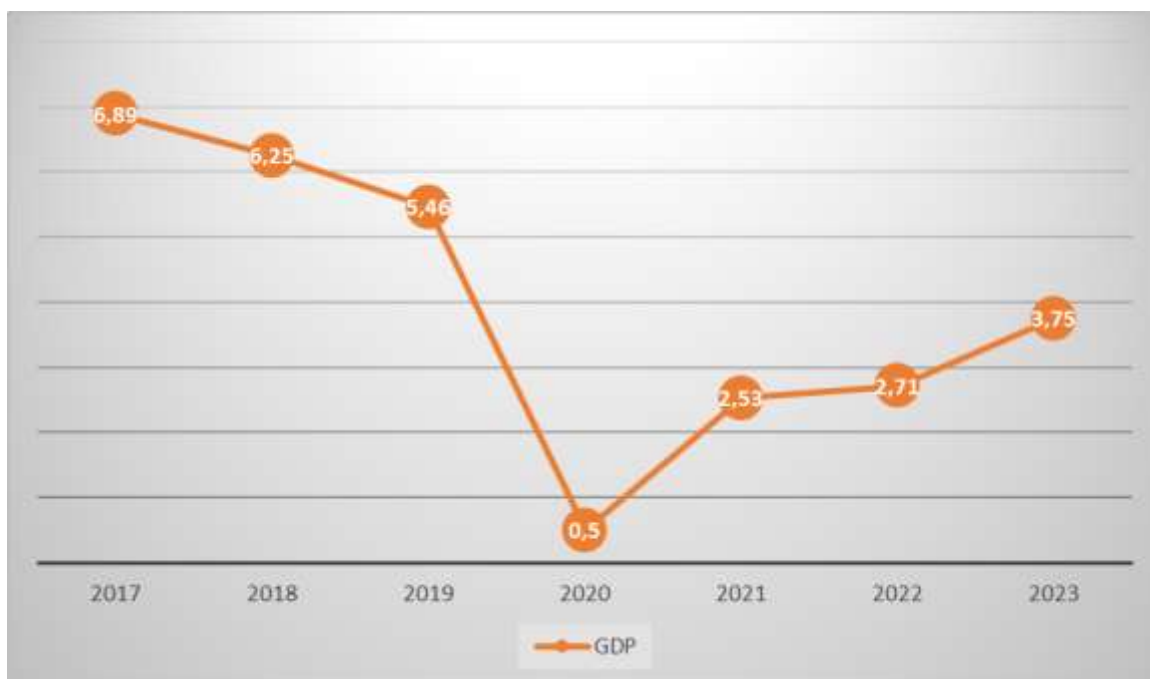
Bốn là, nội dung TTGS ngày càng mở rộng, hoàn thiện và phù hợp. Cụ thể, TTGS không chỉ dừng ở việc giám sát tuân thủ pháp luật, chấp hành các tỷ lệ, giới hạn an toàn hoạt động mà còn chú trọng đánh giá, cảnh báo rủi ro trong hoạt động hệ thống các ngân hàng Lào. Phạm vi giám sát được mở rộng, bao gồm cả các công ty con, chi nhánh hệ thống các ngân hàng Lào ở nước ngoài, sở hữu vốn, đầu tư tài chính của hệ thống các ngân hàng Lào.

Năm là, cảnh báo sớm những rủi ro đối với hệ thống các ngân hàng Lào ngày càng hiệu quả từ việc áp dụng các công cụ, mô hình giám sát, dự báo tài chính (FPM), kiểm tra sức chịu đựng (Stress-testing), đo lường- đánh giá hiệu quả hoạt động (DEA)...giúp phát hiện kịp thời những RRTD và những hành vi vi phạm pháp luật của các TCTD trong lĩnh vực ngân hàng, tiền tệ. Từ đó, cơ quan giám sát của NHNN đã có những kết luận giám sát giúp các TCTD được cảnh báo rủi ro và khắc phục hiệu quả các vi phạm, nhằm đảm bảo an toàn hệ thống.

Sáu là, cơ quan giám sát của NHNN đã bước đầu hiện đại hoá kết cấu hạn tầng, cơ sở dữ liệu, công cụ giám sát,...tiệm cận với thông lệ và chuẩn mực quốc tế từng bước được triển khai áp dụng hiệu quả trong hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD.

Bảy là, hoạt động TTGS đã góp phần hiệu quả cảnh báo rủi ro và nguy cơ vi phạm pháp luật của các ngân hàng từ đó giúp các ngân hàng được cảnh báo sớm có biện pháp thích ứng, khắc phục hiệu rủi ro trong hoạt động tín dụng và đảm bảo an toàn vốn, nâng cao niềm tin đối với khách hàng,...Việc xử lý các ngân hàng vi phạm không tạo ra “cú sốc”, phản ứng dây chuyền trong hệ thống tín dụng ngân hàng cũng như trong công chúng, đảm bảo thị trường tài chính, ngân hàng ổn định, lành mạnh, củng cố niềm tin của khách hàng đối với hệ thống tài chính, ngân hàng. Nhờ hiệu quả của hoạt động giám sát của NHNN đối với hệ thống các ngân hàng ở Lào đã tạo được sự ổn định của tình hình tài chính, an toàn vốn cho sự tăng trưởng kinh tế và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đất nước theo chủ trương chính sách của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và nhà nước CHDCND Lào đề ra. Mặc dù, trong giai đoạn 2017-2022, tình hình kinh tế thế giới nói chung và tình hình tài chính, tiền tệ ngân hàng phải đối mặt với nhiều “cú sốc” quan trọng từ những diễn biến của đại dịch Covid-19, khủng hoảng kinh tế thế giới, chiến tranh và xung đột của một số quốc gia trên thế giới. Tốc độ tăng trưởng GDP của nước CHDCND Lào giai đoạn 2017-2022 có xu hướng giảm, tuy nhiên, cùng với nền kinh tế của nhiều nước trên thế giới vượt qua những khó khăn từ đại dịch Covid - 19, chiến tranh, xung đột, khủng hoảng kinh tế thế đang có những tín hiệu phục hồi tích cực. Năm 2020, dưới tác động mạnh mẽ của đại dịch Covid - 19 nhiều nền kinh tế trên thế giới tăng trưởng âm, xong nền kinh tế của Lào tăng trưởng 0,5%. Giai đoạn từ 2020 - 2023, nền kinh tế Lào đang trên đà phục hồi ổn định, tăng 3,05% so với năm 2020.

Đơn vị: %



Nguồn: [69]

Biểu đồ 3.18. Tốc độ tăng trưởng GDP của Lào giai đoạn 2017-2022

“Giai đoạn 2015-2019, GDP của Lào tiếp tục tăng trưởng hằng năm 4,7-7,3%. Tuy nhiên, nền kinh tế đã bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19, tốc độ tăng trưởng GDP giảm xuống còn 0,5% (2020), 2,5% (2021), 2,2% (2022) [38]. “Quý I/2024 nền kinh tế Lào tăng trưởng ở mức 4,7%, ước đạt giá trị 70.584 tỷ kip trong năm 2024 (về giá trị so với kế hoạch của Nghị quyết được Quốc hội thông qua có thể đạt 24%). Từ mức tăng trưởng này, kết hợp với kế hoạch triển khai của ngành, dự báo kinh tế Lào năm 2024 có xu hướng tăng trưởng tốt hơn và có thể tăng trưởng lên mức 4,3%” [63];

Đồng thời, hiệu quả của hoạt động GSTX của NHNN với hệ thống các biện pháp xử lý sau thanh tra, đã góp phần nâng cao ý thức tự giác tuân thủ chính sách, pháp luật của hệ thống các ngân hàng ở Lào, từ đó giảm thiểu những sai phạm nghiêm trọng trong hoạt động quản trị điều hành và hoạt động

tác nghiệp tại hệ thống các ngân hàng Lào, góp phần làm lành mạnh hóa hệ thống tài chính thông qua việc mua bán sáp nhập diễn ra an toàn.

3.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

3.3.2.1. Hạn chế

Thứ nhất, thể chế giám sát của NHNN CHDCND Lào đối với các tổ chức tín dụng chưa đầy đủ, thiếu tính đồng bộ.

Thể chế về giám sát của NHNN Lào với các TCTD còn nhiều bất cập, chưa tương đồng với thông lệ quốc tế, chủ yếu tập trung vào tính tuân thủ pháp luật, kiểm tra việc tuân thủ các quy định về tỷ lệ an toàn, nên hạn chế khả năng nhận biết, cảnh báo sớm về an toàn hệ thống. Trong bộ khung tiêu chuẩn giám sát của NHNN chưa được áp dụng đầy đủ như các nước phát triển mà thường sử dụng phiên bản rút gọn hoặc điều chỉnh cho phù hợp hoàn cảnh đất nước Lào. Cụ thể: (i) Bộ nguyên tắc Basel: Ngân hàng CHDCND Lào (Bank of the Lao PDR) chủ yếu áp dụng Basel I mở rộng và đang từng bước chuyển sang Basel II (tập trung vào yêu cầu vốn tối thiểu và quản trị rủi ro tín dụng). Hệ thống giám sát còn phụ thuộc nhiều vào giám sát tuân thủ (compliance-based supervision) hơn là giám sát theo rủi ro (risk-based supervision). (ii) Bộ tiêu chuẩn Chuẩn mực kế toán & báo cáo tài chính: Ngân hàng CHDCND Lào áp dụng chuẩn kế toán quốc gia (LAS) dựa trên IFRS nhưng đơn giản hóa, chưa áp dụng đầy đủ IFRS 9. (iii) Bộ tiêu chuẩn Phòng chống rửa tiền & tài trợ khủng bố (AML/CFT): Lào tham gia APG on Money Laundering (Asia/Pacific Group – thành viên khu vực của FATF). Khung pháp lý AML/CFT dựa trên Khuyến nghị của FATF, nhưng mức độ triển khai và năng lực giám sát còn hạn chế, phụ thuộc vào báo cáo từ các TCTD.

Hệ thống thể chế của CHDCND Lào chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong việc thực hiện mục tiêu bảo đảm an toàn, ổn định tài chính của hệ thống ngân hàng nhà nước hiện đại. Các cơ chế, chính sách, văn bản pháp quy liên

quan đến công tác thanh tra cần phải tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện, bảo đảm tuân thủ nghiêm ngặt theo quy trình giám sát rủi ro tài chính đối với các ngân hàng, quy trình đánh giá các ngân hàng theo tiêu chuẩn quốc tế... nhằm hỗ trợ và nâng cao chất lượng hoạt động thanh tra, giám sát.

Thứ hai, hạn chế trong theo dõi tình hình chấp hành các quy định và thực hiện kết luận của cơ quan giám sát của ngân hàng nhà nước

Theo quy định của pháp luật, các TCTD có nghĩa vụ phải gửi các văn bản quy định nội bộ về NHNN (qua cơ quan thanh tra, GSNH). Tuy nhiên, rà soát nội dung các văn bản quy định nội bộ do các TCTD gửi tới NHNN theo quy định của NHNN có thể thấy mức độ bao quát và chi tiết của tài liệu gửi tới qua cơ quan thanh tra, GSNH là rất khác nhau giữa các TCTD và chưa đáp ứng được yêu cầu đầu vào thực hiện TTGS rủi ro.

Hệ thống văn bản quy định nội bộ là một trong những đầu vào quan trọng hàng đầu để thực hiện đánh giá việc quản lý, quản trị rủi ro của TCTD trong phương pháp của TTGS rủi ro. Hệ thống các văn bản đầu vào này cần bao quát hầu hết các khía cạnh về tổ chức và hoạt động của TCTD; cần bao gồm các cấp độ từ quy định chung đến các hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể.

Các quyết định quản lý, các báo cáo nội bộ của ngân hàng là tài liệu quan trọng để đánh giá thực tế quản lý, quản trị rủi ro của TCTD. Tuy nhiên, trên thực tế, việc yêu cầu và tiếp nhận các văn bản điều hành, báo cáo nội bộ của TCTD hiện nay được thực hiện theo vụ việc và do vậy chưa toàn diện và có hệ thống. Chất lượng các báo cáo giám sát cũng như các văn bản cá biệt chưa đề xuất xử phạt vi phạm hành chính, các hành vi vi phạm hành chính của một số đối tượng GSNH theo quy định của pháp luật để điều chỉnh việc chấp hành chế độ thông tin, báo cáo của hệ thống các ngân hàng Lào.

Thứ ba, chất lượng nhân lực thực và hạ tầng công nghệ thông tin hiện nhiệm vụ giám sát các TCTD

Trình độ, nghiệp vụ, kỹ năng thanh tra, kiểm tra của một số cán bộ còn nhiều hạn chế so với yêu cầu nhiệm vụ đề ra. Cán bộ giám sát, thanh tra của NHNN CHDCND Lào vừa thiếu về số lượng đặc biệt là nhân lực chất lượng cao khi thực hiện các nghiệp vụ, sự vụ có tính chất phức tạp, lại yếu về trình độ nghiệp vụ thanh tra, giám sát, thiếu kỹ năng sử dụng các phần mềm của công nghệ thông tin trong việc áp dụng mô hình kiểm định và kiểm tra tính hiệu quả của mô hình quản trị rủi ro vào trong thực tiễn thanh tra, giám sát cá TCTD. Có một số cán bộ giám sát hoạt động của các TCTD nhưng am hiểu đồng thời về tài chính - ngân hàng, quản trị rủi ro, kế toán quốc tế (IFRS), phân tích dữ liệu lớn, và pháp luật ngân hàng quốc tế (Basel II/III). Có một bộ phận các bộ khi làm việc chưa thành thạo tin học nên còn phụ thuộc vào quy trình thủ công, hiệu suất làm việc chưa đạt như dự kiến ban đầu. Khả năng ngoại ngữ còn nhiều hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn khi có một số cán bộ kiểm tra giám sát chưa đọc, phân tích trực tiếp được báo cáo tiếng Anh của các tổ chức quốc tế (IMF, WB, BIS)

Hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động giám sát của Ngân hàng Nhà nước đối với hệ thống ngân hàng còn hạn chế. Vì vậy, hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thu thập và xử lý thông tin cho hoạt động giám sát còn chưa hiệu quả.

Thứ tư, hạn chế trong nhận diện, đánh giá mức độ lành mạnh của tình hình tài chính của hệ thống các ngân hàng

Chất lượng các báo cáo giám sát chủ yếu phân tích các thông tin định lượng, nặng về đánh giá tuân thủ, chưa đánh giá được rủi ro tổng thể của TCTD, chưa phát huy tối đa vai trò cảnh báo sớm rủi ro, góp phần định hướng, chỉ điểm cho hoạt động thanh tra, giúp NHNN kịp thời can thiệp và xử lý các hành vi gây mất an toàn hệ thống, đe dọa an ninh tiền tệ quốc gia, góp phần củng cố hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ

và ngân hàng. Kết quả hoạt động giám sát trên cơ sở rủi ro chưa tương thích với nội dung, phương pháp của thanh tra trên cơ sở rủi ro đang triển khai thực hiện; kết quả giám sát chưa thực sự là thông tin đầu vào cho hoạt động thanh tra trên cơ sở rủi ro. Cụ thể: Đánh giá rủi ro theo hoạt động trọng yếu là nguyên tắc và nội dung chủ yếu của TTGS rủi ro. Tuy nhiên, hệ thống thông tin thống kê hiện nay thu thập không theo sản phẩm, quy trình nghiệp vụ và đơn vị kinh doanh, không theo hoạt động trọng yếu. Chất lượng giám sát chưa cao, nội dung TTTC còn dàn trải, chưa trọng tâm, trọng điểm và tính phát hiện chưa cao, vẫn còn tình trạng chậm hoặc chưa phát hiện những vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng để kịp thời chấn chỉnh các sai phạm tại các TCTD.

Một số cuộc kiểm tra giám sát hệ thống các ngân hàng Lào chưa kịp thời phát hiện để xử lý, ngăn chặn. Đặc biệt chất lượng công tác GSTX chưa cao trong việc phát hiện các tiềm ẩn rủi ro, chưa đánh giá nguy cơ tiềm ẩn đối với hệ thống các ngân hàng Lào; chưa phát huy được hiệu quả của vai trò cảnh báo hệ thống chưa phát huy được hiệu quả trong hoạt động giám sát của hệ thống các ngân hàng Lào.

Một số TCTD còn chưa nghiêm túc trong thực hiện các kết luận sau TTGS, thời gian thực hiện kết luận kéo dài, chưa đảm bảo tiến độ, yêu cầu. Hiện nay, đối với các TCTD chưa thực hiện nghiêm các kết luận sau TTGS chưa được kịp thời xử lý và có những kiến nghị đề xuất các cơ quan có thẩm quyền can thiệp, nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện kết luận sau TTGS của NHNN đối với các TCTD.

Thứ năm, hạn chế trong nhận diện, đánh giá mức độ lành mạnh của tình hình tài chính của hệ thống các ngân hàng

Hiệu quả của hoạt động GSTX trong phát hiện và cảnh báo rủi ro còn hạn chế, chưa đưa ra được những nội dung trọng tâm cần thanh tra trực tiếp.

Hoạt động giám sát của NHNN đối với hệ thống các ngân hàng nói riêng và các TCTD nói chung tập trung vào TTGS tính tuân thủ chính sách, pháp luật, nghiệp vụ ngân hàng nên các kiến nghị, đề xuất xử lý chỉ giới hạn trong phạm vi những sai phạm do đoàn thanh tra phát hiện được, vai trò phát hiện rủi ro, đo lường mức độ rủi ro, cảnh báo sớm đối với các ngân hàng còn chưa hiệu quả, vì thế trong hệ thống các ngân hàng còn thụ động trong ứng phó với những nguy cơ rủi ro an toàn vốn và nguy cơ dẫn tới vi phạm chính sách, pháp luật, chức năng phát hiện rủi ro, cảnh báo sớm của hoạt động giám sát của NHNN hạn chế, vì thế việc ngăn ngừa kịp thời rủi ro và đề xuất các giải pháp thích ứng đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng, an toàn vốn, tài chính cho nền kinh tế vĩ mô bị ảnh hưởng.

Hiệu quả của hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với hệ thống các ngân hàng còn hạn chế, yếu kém trong nhận diện, cảnh báo rủi ro cho từng ngân hàng nói riêng và các TCTD nói chung, cũng như toàn hệ thống, đồng thời chưa đưa ra được những đánh giá dựa trên các tiêu chí quốc tế trong hoạt động GSNH để xếp hạng các ngân hàng và TCTD theo mức độ rủi ro, trở thành thước đo quan trọng đo lường “sức khỏe” của hệ thống các ngân hàng, hệ thống TCTD cũng như tình hình tài chính, tiền tệ, ngân hàng quốc gia. Hạn chế này tiềm ẩn nguy cơ quan trọng dẫn đến bất ổn của hệ thống tài chính tác động quan trọng đến tăng trưởng kinh tế, tình hình phát triển kinh tế - xã hội vĩ mô của quốc gia.

Sáu là, công cụ định lượng trong hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD ở CHDCND Lào chưa tốt

Mô hình dự báo tài chính (FPM); Mô hình đánh giá hiệu quả hoạt động ngân hàng (DEA); Bộ chỉ số GSNH (FSIs/BSIs)... tuy đã được nghiên cứu nhưng việc áp dụng hiệu quả các mô hình này trong dự báo tính hình hoạt động của các TCTD còn nhiều bất cập, cho nên hiệu quả áp dụng trong

hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD chưa cao, cũng là một nguyên nhân làm hạn chế khả năng dự báo tính hình hoạt động của các TCTD.

3.3.2.2. Nguyên nhân

Một là, hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động thanh tra, GSNH chưa đầy đủ, thiếu sự tính hệ thống và đồng bộ vì thế chưa tạo ra môi trường pháp lý và “sân chơi” có sự cạnh tranh lành mạnh cho hoạt động của các ngân hàng trong hệ thống. Tính đến năm 2024, “Nhà nước Lào đã triển khai hiện pháp thành 167 văn bản luật, trong đó có 75 văn bản luật về lĩnh vực kinh tế, 42 văn bản luật về kinh tế - xã hội, 32 văn bản luật về hành chính, tư pháp, 13 văn bản luật về quốc phòng, an ninh, 5 văn bản luật về công tác đối ngoại” [64]. Tại Kỳ họp thường kỳ lần thứ 7 của Quốc hội khóa IX Quốc hội Lào “đã xem xét, thông qua 13 văn bản Luật, sau khi các đại biểu Quốc hội tập trung thảo luận, xem xét đóng góp ý kiến chi tiết vào nội dung của các dự thảo luật, Ban Chuyên trách từng dự thảo luật đã tiến hành hoàn thiện nội dung theo ý kiến của các đại biểu và biểu quyết thông qua các luật với đa số số phiếu tán thành. Trong đó, có 2 luật mới và 11 luật sửa đổi” [65]. Tuy nhiên, liên quan đến hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với hệ thống các ngân hàng nói riêng, các TCTD nói chung còn chưa mang tính đồng bộ, còn nhiều kẽ hở vì thế ảnh hưởng tới việc thực hiện nghiệp vụ TTGS của đội ngũ cán bộ TTGS. Chưa có luật GSNH, cũng như các văn bản dưới luật liên quan đến hoạt động giám sát của NHNN đối với hệ thống các ngân hàng và các TCTD trong quá trình áp dụng, thực thi còn thiếu sự thống nhất, vì thế gây khó khăn cho hoạt động giám sát và hiệu quả của hoạt động giám sát của NHNN chưa đạt hiệu quả cao. Nhìn chung, hành lang pháp lý đã cho phép cơ quan giám sát của NHNN thực hiện các biện pháp để đảm bảo sự an toàn và lành mạnh của hoạt động ngân hàng.

Tuy nhiên, khuôn khổ pháp lý trong hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với hệ thống các ngân hàng, TCTD còn chưa tương xứng với chức năng nhiệm vụ, thiếu tính đồng bộ và chưa tương đồng với thông lệ quốc tế; việc sử dụng các đánh giá định tính trong công tác TTGS các TCTD còn hạn chế, nhiều đánh giá còn thiên về định lượng mà chưa đi sâu vào bản chất kinh tế. Do đó, sẽ dẫn đến khả năng các TCTD lạm dụng các kỹ thuật nghiệp vụ để lách các quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng đến an toàn và lành mạnh trong hoạt động ngân hàng.

Hai là, về cơ sở vật chất hỗ trợ cho công tác TTGS.

Kết cấu hạ tầng hỗ trợ cho công tác GSNH còn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Đặc biệt, là hệ thống kết cấu hạ tầng Internet, mạng 5G, cáp quang, băng thông rộng... Đây là một trong những thách thức quan trọng cần được sự quan tâm của Nhà nước, các cơ quan hữu quan nhằm nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng internet, mạng 5G, băng thông rộng... nhằm tạo ra mạch “thần kinh” nhanh, nhạy phục vụ hiệu quả hoạt động GSTX của cơ quan GSNH thu thập đầy đủ các số liệu phục vụ hoạt động GSTX.

Hạ tầng hỗ trợ cho hoạt động TTGS của NHNN Lào đối với các ngân hàng còn chưa theo kịp với tốc độ phát triển công nghệ thông tin trên thế giới, mặc dù trong những năm gần đây đã được Chính phủ và Bộ, ngành liên quan quan tâm đầu tư, nâng cấp, cải tiến xong vẫn còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn trong hoạt động giám sát của NHNN đối với hệ thống các ngân hàng.

Trong thực tế, một số ngân hàng ở Lào còn chậm ứng dụng công nghệ thông tin, thiếu tính đồng bộ đối với toàn hệ thống trong hoạt động ngân hàng, vì thế hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với hệ thống các ngân hàng bị ảnh hưởng hiệu quả trong hoạt động GSTX. Trong hoạt động TTTC, cán bộ TTGS chưa tiến hành truy cập hệ thống nội bộ của đối tượng thanh

tra nên ảnh hưởng đến hiệu quả của việc thu thập thông tin hoạt động của ngân hàng khách quan trên hệ thống, phải sử dụng dữ liệu báo cáo hoạt động của ngân hàng thông qua các báo cáo của đơn vị đưa ra. Các kênh thông tin hỗ trợ cho hoạt động giám sát mới chủ yếu từ báo cáo của các TCTD, nhiều kênh thông tin như trao đổi thông tin với các cơ quan giám sát nước ngoài, với các cơ quan trong hệ thống giám sát tài chính quốc gia, với các đơn vị kiểm toán độc lập sử dụng chưa thường xuyên; quyền giám sát thu thập thông tin của cơ quan TTGS của NHNN, đặc biệt đối với các công ty thuộc tập đoàn tài chính chưa rõ ràng, do đó, cũng làm hạn chế đến tính chính xác, đầy đủ của việc phân tích, đánh giá trong hoạt động giám sát. Vì thế, ảnh hưởng đến tính khách quan trong thu thập thông tin và hiệu quả đánh giá, phát hiện rủi ro và cảnh báo sớm đối với hoạt động của các ngân hàng bị hạn chế, chưa hiệu quả.

Ba là, lực lượng cán bộ, công chức thuộc cơ quan giám sát của NHNN Lào còn chưa đủ về số lượng, hạn chế về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giám sát, chưa tương xứng về quy mô số lượng trong hệ thống các ngân hàng ở Lào hiện nay, dẫn đến những khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ giám sát, cũng như chất lượng, hiệu quả của hoạt động giám sát của NHNN đối với hệ thống các ngân hàng. Đặc biệt, là năng lực tiếp cận và thực thi hoạt động GSNH theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế trong thanh tra, GSNH, năng lực ngoại ngữ và tin học của đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra, GSNH còn hạn chế, kiến thức về pháp luật, nhận biết và đánh giá rủi ro đối với các sản phẩm ngân hàng hiện đại còn yếu... Vì thế, hiệu quả của hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với hệ thống các ngân hàng hiệu quả chưa cao, việc nhận biết, cảnh báo rủi ro đối với các ngân hàng chưa kịp thời... Vì thế, để đảm bảo chất lượng hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với hệ thống các ngân hàng hiệu quả, thực hiện hiệu quả vai trò của hoạt động

giám sát trong phát hiện, cảnh báo rủi ro sớm cho hệ thống các ngân hàng cần chú trọng vào đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ TTGS nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN đối với hệ thống các ngân hàng.

Bốn là, mô hình tổ chức bộ máy thanh tra, giám sát ngân hàng hiện nay vẫn còn bất cập. Hiện tại, mỗi cơ quan thanh tra giám sát của Lào đảm nhiệm vai trò giám sát các loại hình tổ chức khác nhau. Cụ thể, NHNN giám sát các ngân hàng, Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước giám sát các công ty chứng khoán, v.v. Tuy nhiên, các tập đoàn tài chính có thể hoạt động trên nhiều lĩnh vực như ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán,... Việc phân tách giám sát như vậy đã làm giảm hiệu quả công tác này. Ngoài ra, mô hình tổ chức bộ máy thanh tra, giám sát ngân hàng hiện nay còn có sự chồng chéo và thiếu sự thống nhất giữa các vụ cục, chi nhánh tại các tỉnh, thành phố.

Tiểu kết chương 3

Trong những năm qua, hoạt động GSNH của NHNN Lào ngày càng hoàn thiện về hệ thống pháp lý, các cuộc TTGS được tăng cường về số lượng và chất lượng, đóng góp vào công cuộc tái cơ cấu, xử lý nợ xấu và tăng cường kiểm soát tình trạng sở hữu chéo tại các ngân hàng Lào, góp phần quan trọng vào công cuộc đổi mới, phát triển của ngành Ngân hàng, đảm bảo sự phát triển an toàn, lành mạnh của hệ thống các ngân hàng Lào và hệ thống tài chính. Tuy nhiên, vẫn còn khá nhiều bất cập, hạn chế trong công tác TTGS ngân hàng liên quan đến: Chất lượng công tác GSTX của NHNN chưa cao, chưa phát hiện các nguy cơ tiềm ẩn rủi ro đối với các ngân hàng Lào, chưa phát huy được vai trò cảnh báo hệ thống, các vấn đề về sự phối hợp đồng bộ giữa GSTX và TTTC, tổ chức bộ máy thanh tra, trình độ cán bộ thanh tra.

Hiện nay, hoạt động TTGS của cơ quan TTGS NHNN Lào đã có những cải cách mạnh mẽ. Các cuộc TTGS đã được chỉ đạo tiến hành tập trung, thống nhất về mục tiêu, định hướng, đối tượng, nội dung thanh tra theo kế hoạch được phê duyệt.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN GIÁM SÁT
CỦA NGÂN HÀNG CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO
ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

4.1. DỰ BÁO BỐI CẢNH VÀ QUAN ĐIỂM HOÀN THIỆN GIÁM SÁT
CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO
ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG TRONG BỐI CẢNH MỚI

4.1.1. Dự báo bối cảnh tác động đến hoạt động giám sát của ngân
hàng nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đối với các tổ chức tín
dụng

Tình hình kinh tế, tài chính thế giới hiện nay đã và đang chịu những tác động quan trọng từ cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine, khủng hoảng năng lượng, lạm phát, tăng lãi suất của các ngân hàng trung ương, suy giảm kinh tế Trung Quốc, sự đứt gãy chuỗi cung ứng, thời tiết khắc nghiệt nhiều nơi do hậu quả của biến đổi khí hậu là những điểm nhấn chính tác động tới kinh tế toàn cầu trong năm 2024. Các tổ chức quốc tế như WB, IMF, OECD, ADB... Các tổ chức này đều nhận định những tác động quan trọng từ tình hình chung trên thế giới sẽ tạo ra những “làn sóng” làm cho tăng trưởng GDP toàn cầu giảm mạnh, ước tính đạt mức thấp nhất trong gần 3 thập kỷ (nếu không tính các năm suy thoái kinh tế 2009 và 2020), do sự suy giảm của các nền kinh tế phát triển cũng như đang phát triển.

Theo tổ chức Liên hợp quốc nền kinh tế toàn cầu đang ổn định, sau nhiều năm với những cú sốc tiêu cực. Tăng trưởng toàn cầu được dự báo sẽ giữ ổn định, bất chấp căng thẳng địa chính trị bùng phát và lãi suất cao,

trước khi tăng lên 2,7% trong năm 2025 và 2,9% vào năm 2026. Trong đó, nền kinh tế Mỹ có xu hướng giảm so với năm 2024 đạt 1,9% và tăng trưởng trở lại vào năm 2026 với 2,1% trong bối cảnh thị trường lao động có nhiều biến động, thu nhập tăng thấp, chi tiêu công giảm.

Theo các tổ chức quốc tế (OECD, IMF, EU, FR, UN) cho rằng tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2025 có xu hướng tăng hoặc ổn định so với năm 2024 và xu hướng khó khăn về tình hình tài chính tiền tệ, khủng hoảng năng lượng, chiến tranh, xung đột, lạm phát... tiếp tục duy trì trong năm 2025. Nhìn chung, các báo cáo của các tổ chức này đều có cùng nhận định thế giới vẫn đang trong thời kỳ đầy biến động, những thay đổi về kinh tế, địa chính trị và sinh thái đều tác động đến triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Trong bối cảnh xung đột và bạo lực gia tăng, triển vọng vẫn đặc biệt mờ nhạt ở nhiều nền kinh tế dễ bị tổn thương — hơn một nửa số nền kinh tế mong manh và bị ảnh hưởng bởi xung đột vẫn sẽ nghèo hơn vào năm 2025 so với đêm trước đại dịch. Rủi ro đã trở nên cân bằng hơn nhưng vẫn nghiêng về phía giảm. Căng thẳng địa chính trị leo thang có thể dẫn đến giá hàng hóa biến động. Trong bối cảnh chính sách thương mại không chắc chắn gia tăng, sự phân mảnh thương mại hơn nữa có nguy cơ gián đoạn thêm cho mạng lưới thương mại. Lạm phát dai dẳng hơn có thể dẫn đến lãi suất cao hơn trong thời gian dài hơn. Các rủi ro khác bao gồm hoạt động yếu hơn dự kiến ở các nền kinh tế trọng điểm và thảm họa liên quan đến biến đổi khí hậu. Trong bối cảnh này, các nhà hoạch định chính sách phải đối mặt với những thách thức khó khăn, cần có những nỗ lực toàn cầu để bảo vệ thương mại, hỗ trợ chuyển đổi xanh và kỹ thuật số, xóa nợ và cải thiện an ninh lương thực. Rủi ro lạm phát vẫn rõ rệt nhấn mạnh sự cần thiết của các chính sách tiền tệ EMDE để tiếp tục tập trung vào ổn định giá cả.

Điều kiện tài chính toàn cầu có xu hướng thắt chặt. Các điều kiện tài chính toàn cầu đã được thắt chặt mạnh mẽ, lạm phát liên tục tăng cao và thắt chặt tiền tệ nhanh hơn dự kiến, và sự lo lắng về rủi ro ngày càng tăng. Tại các nền kinh tế phát triển, lợi suất trái phiếu chính phủ có nhiều biến động. Theo IMF, các điều kiện tài chính thắt chặt hơn gây ra tình trạng khó khăn về nợ ở các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển. Tại các nền kinh tế phát triển, các ngân hàng trung ương tăng lãi suất để chống lạm phát, các điều kiện tài chính trên toàn thế giới sẽ tiếp tục thắt chặt.

Theo OECD, lạm phát tiến tới trên mức mục tiêu khiến các ngân hàng trung ương phản ứng mạnh mẽ hơn, dẫn đến thắt chặt các điều kiện tài chính. Thị trường chứng khoán ở nhiều nơi trên thế giới đã giảm mạnh, lợi suất trái phiếu danh nghĩa tăng, đồng đô la Mỹ tăng giá đáng kể. Chênh lệch trái phiếu doanh nghiệp tăng, đặc biệt ở châu Âu. Dòng vốn chảy ra từ các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi tăng. Lãi suất cao hơn cũng đang làm giảm động lực trên thị trường nhà đất. Doanh số bán, cho vay thế chấp và mua nhà đã giảm mạnh ở nhiều quốc gia

Bối cảnh phát triển kinh tế toàn cầu hiện nay, tất yếu tạo ra những khó khăn, thách thức quan trọng đối với các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi. Để kiềm chế lạm phát cao và giải quyết những lo ngại về uy tín chống lạm phát bị giảm sút, các ngân hàng trung ương lớn đã chuyển hướng sang chính sách chặt chẽ hơn, đã góp phần thắt chặt đáng kể các điều kiện tài chính toàn cầu. Đồng thời, các chính sách hỗ trợ tài khóa được đưa ra trước đó trong đại dịch đã được thu hẹp lại trong bối cảnh chi phí đi vay gia tăng và lo ngại lạm phát có thể gây ra. Mặc dù có sự khác biệt lớn giữa các quốc gia, nhưng chính sách tài khóa được dự đoán sẽ là lực cản nhẹ đối với tăng trưởng toàn cầu. Những tác động bất lợi của cuộc xung đột Nga-Ukraina vẫn tồn tại, đặc biệt là những tác động liên quan đến sự gián đoạn nguồn cung

hàng hóa. Triển vọng tăng trưởng suy yếu kèm với tâm lý lo ngại của người tiêu dùng ở mức chưa từng thấy kể từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu.

Tình hình kinh tế thế giới trong năm 2025 trở nên đặc biệt đáng lo ngại đối với nhiều nền kinh tế chậm phát triển, trong đó có CHDCND Lào sẽ phải đối mặt với khủng hoảng chồng chéo, nhiều thách thức. Các nền kinh tế nhỏ hiện đang phải đối mặt với tác động lan tỏa từ cuộc xung đột Nga - Ukraina và chu kỳ thắt chặt tiền tệ toàn cầu, các quốc gia nhỏ dự kiến sẽ có sự phục hồi yếu với những tổn thất lớn và có thể là lâu dài đối với mức sản lượng. Sự kết hợp giữa tăng trưởng chậm lại, lạm phát cao liên tục và thắt chặt các điều kiện tài chính trong bối cảnh mức nợ cao làm tăng nguy cơ căng thẳng tài chính, áp lực tài khóa tiếp tục và đầu tư yếu ở nhiều quốc gia. Các quốc gia nhỏ rất đa dạng về đặc điểm kinh tế, nhưng chúng có chung các thuộc tính khiến chúng đặc biệt dễ bị tổn thương trước các cú sốc, bao gồm sự phụ thuộc vào nhập khẩu hàng hóa thiết yếu, nền kinh tế tập trung cao độ, mức nợ cao, phụ thuộc vào nguồn tài chính bên ngoài và dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai và khí hậu thay đổi.

Vì thế, các nhà hoạch định chính sách ở Lào hiện nay có thể cải thiện triển vọng tăng trưởng dài hạn bằng cách xây dựng không gian tài khóa, thúc đẩy đa dạng hóa kinh tế hiệu quả và cải thiện khả năng phục hồi trước biến đổi khí hậu. Cần phải tăng cường hợp tác quốc tế để hỗ trợ cho việc giải quyết các thách thức trong phát triển kinh tế và ổn định tình hình tài chính của quốc gia nhằm kiểm soát tình trạng lạm phát, có các chính sách tài khóa, đặc biệt tăng cường vai trò giám sát của NHNN Lào đối với các TCTD nhằm tạo ra sự ổn định tài chính, tạo môi trường cho sự phát triển kinh tế của đất nước.

Toàn cầu hoá tạo ra những cơ hội quan trọng cho hoạt động của các ngân hàng trong phát triển nghiệp vụ, thị trường, số lượng, cũng như nâng cao hiệu quả chất lượng các dịch vụ cung cấp tới khách hàng hiện đại hơn,

hiệu quả hơn, nâng cao sự hài lòng của khách hàng đối với các ngân hàng...Song cũng mang lại những thách thức quan trọng đối với các ngân hàng như khủng hoảng kinh tế, tài chính, xung đột, chiến tranh,...có tác động dây truyền tới hoạt động của các ngân hàng, là nguyên nhân quan trọng dẫn đến những bất ổn của hệ thống và những rủi ro khó lường trước đối với an toàn vốn và an toàn hệ thống. Thực tế này cũng ảnh hưởng quan trọng đến hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với hệ thống các ngân hàng, nếu không có chất lượng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn sâu, có khả năng thích ứng với những biến đổi của thị trường tài chính, tiền tệ ngân hàng thế giới, có khả năng thích ứng cao với thay đổi trong tiêu chuẩn, chuẩn mực, thông lệ quốc tế trong hoạt động giám sát của NHNN đối với các ngân hàng thì đây thực sự trở thành một rào cản quan trọng đối với chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN đối với hệ thống các ngân hàng.

4.1.2. Quan điểm hoàn thiện giám sát của ngân hàng nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đối với các tổ chức tín dụng

Một là, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về GSNH nhằm tạo ra cơ sở pháp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD. Hệ thống luật, văn bản dưới luật hướng dẫn, các bộ luật liên quan thực hiện hoạt động giám sát của NHNN cần đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất, trong đó ưu tiên xây dựng hệ thống văn bản hướng dẫn triển khai Luật Ngân hàng Trung ương Lào (BOL), Luật TCTD, Luật giám sát, Luật NHTM, Luật Thanh tra Nhà nước.

Hai là, định hướng hoạt động toàn ngành ngân hàng đến năm 2030, Chiến lược phát triển ngành NHNN Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040 là phát triển hệ thống các TCTD theo hướng hoạt động minh bạch, cạnh tranh, an toàn, hiệu quả, bền vững...

Hệ thống ngân hàng ổn định, mạnh mẽ và an toàn là hệ thống có khả năng đối phó với những cú sốc kinh tế và tài chính bất ngờ, cả từ bên trong và bên ngoài, mà không gây tác động lớn đến các chức năng trung gian và nền kinh tế. Để đạt được sự ổn định này, cần có các tổ chức tài chính hoạt động hiệu quả, mạnh mẽ và có năng lực, cùng với các quy định quản lý thận trọng, hệ thống thanh toán và giám sát mạnh mẽ, và cơ sở hạ tầng tài chính đáng tin cậy. Từ nay đến năm 2030, Ngân hàng Nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào sẽ tiếp tục thực hiện các bước đột phá mới, xây dựng một hệ thống ngân hàng phát triển ổn định và bền vững, có quy mô trung bình so với thế giới và khu vực, đồng thời bảo đảm sự ổn định của thị trường tài chính. Viễn cảnh của khu vực ngân hàng trong tương lai có thể đạt được với những đặc điểm sau: Tăng tính đa dạng của khu vực ngân hàng đáp ứng được những yêu cầu ngày càng đa dạng trong cấu trúc kinh tế; Hệ thống ngân hàng được hoàn thiện theo hướng hợp nhất, mở rộng hợp tác và liên kết với các cơ quan TTGS các bộ phận của thị trường tài chính trong nền kinh tế, trong khu vực và quốc tế.

Ba là, hoàn thiện mô hình tổ chức cơ quan giám sát của NHHH phù hợp với lộ trình đổi mới mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động của NHNN. Hoàn thiện, đổi mới mô hình tổ chức TTGS ngân hàng theo hướng: Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất về hoạt động giám sát của cơ quan giám sát NHHH tới các đơn vị TTGS ngân hàng tại địa phương, tránh tình trạng chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ; Xây dựng cơ chế, phân cấp, phân quyền, phân định trách nhiệm rõ ràng, minh bạch, cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin, quy trình báo cáo, chỉ đạo điều hành trong nội bộ cơ quan giám sát của NHHH cũng như giữa cơ quan giám sát của NHHH với các đơn vị thuộc NHNN; Hình thành đơn vị thuộc cơ quan giám sát của NHHH chịu trách nhiệm quản lý, giám sát hoạt động của các TCTD có tầm quan trọng hệ

thống và đơn vị chuyên trách tham mưu cho Thống đốc NHNN trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động của hệ thống TCTD là hợp tác xã;

Bốn là, tăng cường thực hiện các hoạt động đào tạo, đào tạo lại, tổ chức các chương trình tập huấn ngắn hạn, hội thảo, tổng kết rút kinh nghiệm ...nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho hoạt động TTGS của NHNN đối với các TCTD. Cần đầu tư nguồn kinh phí nhằm phát triển nguồn nhân lực TTGS là các chuyên gia chuyên sâu, tiệm cận với trình độ của TTGS trong khu vực và thế giới, nhằm hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD.

Năm là, đổi mới phương pháp giám sát: tiếp tục đổi mới công tác thanh tra theo hướng: chuyển nhanh và mạnh từ thanh tra tuân thủ sang thanh tra trên cơ sở rủi ro gắn kết chặt chẽ với giám sát trên cơ sở rủi ro; từng bước áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài; tăng cường thanh tra toàn diện pháp nhân TCTD. Tiếp tục đổi mới công tác giám sát theo hướng: nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát an toàn vi mô và giám sát an toàn vĩ mô trên cơ sở triển khai các công cụ, phương pháp giám sát rủi ro mới gắn liền với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; Nâng cao khả năng cảnh báo sớm của NHNN đối với những rủi ro tiềm ẩn mang tính hệ thống và ngăn ngừa nguy cơ vi phạm pháp luật ngành Ngân hàng của các TCTD; Phối hợp chặt chẽ giữa công tác giám sát với công tác thanh tra, cấp phép và ban hành chế độ, chính sách; tăng cường chất lượng giám sát các tập đoàn tài chính mà công ty mẹ là TCTD, kiểm soát tính liên thông giữa các TCTD với các định chế tài chính trong phạm vi giám sát của NHNN;

Sáu là, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực toàn hệ thống ngân hàng; xây dựng cơ chế kiểm soát cán bộ đồng thời với cơ chế bảo vệ cán bộ,

hạn chế rủi ro pháp lý cho cán bộ, công chức làm công tác giám sát trong ngành Ngân hàng.

Bảy là, tăng cường phối hợp giữa cơ quan thanh tra NHNN với các cơ quan chức năng trong quản lý, giám sát và xử lý các sai phạm tại các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

4.2.1. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện thể chế giám sát của Ngân hàng nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đối với các tổ chức tín dụng

Hệ thống luật pháp phục vụ cho công tác TTGS còn nhiều bất cập, chưa đồng bộ, đang được hoàn thiện do đó chưa đáp ứng được yêu cầu TTGS trong giai đoạn hiện nay. Do đó, việc hoàn thiện môi trường pháp luật đủ sức điều chỉnh các quan hệ tiền tệ, tín dụng, ngân hàng là một đòi hỏi khách quan hiện nay. Cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện thể chế giám sát của Ngân hàng Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đối với các TCTD như sau:

Một là, tiến hành rà soát, bổ sung, chỉnh sửa và hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật, văn bản dưới luật dựa trên những cơ chế, chính sách, pháp luật, thông lệ và cam kết quốc tế trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ, ngân hàng. Hoàn thiện hành lang pháp lý quy định về hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD phù hợp với quốc tế và tình hình thực tế của Lào đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ giữa các bộ luật và văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD, tránh sự chồng chéo, mâu thuẫn giữa các “Luật Ngân hàng Trung ương Lào” (BOL), “Luật NHTM”, “Luật Thanh tra Nhà nước”, “Luật khuyến khích đầu tư”, “Luật cạnh tranh kinh doanh”, “Luật doanh nghiệp”, “Luật Tổ tụng dân sự”, “Luật Phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố”..., nhằm tạo khuôn khổ pháp lý

mang tính hệ thống và đồng bộ, tạo “sân chơi” lành mạnh đảm bảo tính cạnh tranh cho hoạt động của thị trường tiền tệ - ngân hàng và công tác quản lý, giám sát, xử lý của NHNN Lào đối với các TCTD.

Hai là, NHNN cần sớm hoàn thiện khung pháp lý về hoạt động giám sát. Trong đó, xây dựng *Luật giám sát hoạt động ngân hàng* theo nguyên tắc phân định rõ ràng nhiệm vụ và chức năng của từng bộ phận giám sát. Mỗi bộ phận phải có thẩm quyền hoạt động độc lập và nguồn lực cần thiết, phải đảm bảo quyền để thực thi việc tuân thủ theo pháp luật cũng như yêu cầu về các hoạt động mang tính an toàn và lành mạnh, bảo vệ pháp lý đối với giám sát viên. Luật này cần quy định hoạt động GSNH không bị điều chỉnh bởi luật thanh tra và quy định chi tiết trình tự, thủ tục, cách thức của hoạt động GSNH.

Ba là, NHNN cần xây dựng các chuẩn mực cụ thể cho hoạt động của các thanh tra viên bằng cách ban hành các sổ tay giám sát, quy trình đánh giá, năng lực quản lý, thực trạng tài chính... làm cẩm nang hướng dẫn tác nghiệp cho đội ngũ hoạt động giám sát NHNN.

Bốn là, NHNN Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào tiếp tục nghiên cứu sửa đổi các văn bản hiện hành, cũng như xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật mới tạo hành lang pháp lý cho hoạt động của TCTD như: chính sách về tín dụng, đầu tư, bảo đảm tiền vay, ngoại hối, huy động vốn, thanh toán và các hoạt động ngân hàng khác; các quy định về quản lý và giám sát cung cấp dịch vụ ngân hàng; cấp giấy phép và quản lý các loại hình TCTD; các quy định về mua, bán, sáp nhập, hợp nhất, giải thể và cơ cấu lại các TCTD. Rà soát và hoàn thiện quy định về an toàn hoạt động ngân hàng phù hợp hơn với thông lệ, chuẩn mực quốc tế và đảm bảo việc tuân thủ nghiêm túc các quy định này, đặc biệt là quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro. Ban hành quy định về tiêu chuẩn và yêu cầu tối thiểu đối với hệ thống quản trị nói chung và QLRR nói riêng áp dụng đối với các TCTD.

Năm là, Chính phủ cần sớm ban hành các văn bản hướng dẫn có liên quan để tạo tính đồng bộ, nhất quán và hoàn chỉnh của hệ thống pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Tiến hành rà soát, bổ sung, chỉnh sửa cơ chế, chính sách và các văn bản phù hợp với lộ trình thực hiện các cam kết quốc tế trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, đặc biệt là các cam kết gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO). Chính phủ cần sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức, hoạt động GSNH, bảo đảm để GSNH có đủ quyền lực cần thiết khi thực hiện nhiệm vụ giám sát các TCTD.

Có thể thấy rằng, hệ thống thể chế về tiền tệ và hoạt động ngân hàng cần được tập trung hoàn thiện, hướng tới chuẩn mực mới, phù hợp hơn với thông lệ quốc tế và điều kiện của Ngân hàng Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào nhằm tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước của NHNN và tạo thuận lợi cho các TCTD hoạt động an toàn, hiệu quả.

4.2.2. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học & công nghệ, nâng cấp hạ tầng giám sát

Một là, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ thông tin phục vụ công tác giám sát.

Hiện nay, chương trình GSTX liên kết với chương trình báo cáo thống kê chưa giúp GSNH khai thác sử dụng được các số liệu ngoài bảng cân đối để phân tích mức cấp tín dụng của đơn vị. NHNN cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động GSNH. Đầu tư cho công nghệ mới, đáp ứng nhu cầu xử lý và trao đổi thông tin giữa các cơ quan giám sát và tổ chức bị giám sát. Tăng cường các qui chế công bố thông tin, nâng cao chất lượng và mức độ tin cậy của thông tin. Đảm bảo việc kết nối thông tin thông suốt giữa các đơn vị chức năng với Cơ quan GSNH và các TCTD, xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung, thống nhất, xây dựng cơ chế trao đổi thông tin hiệu quả nhằm đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa hạ tầng công nghệ và hệ thống thông tin, khai

thác báo cáo của các TCTD phục vụ mục đích giám sát an toàn hoạt động ngân hàng.

Hai là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, trang bị cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác GSNH.

Hoàn thiện và nâng cấp cơ sở vật chất, công nghệ thông tin theo hướng tiếp cận với khu vực và quốc tế nhằm nâng cao chất lượng hoạt động GSNH. Áp dụng những phần mềm giám sát rủi ro đối với TCTD được lập trình trên ngôn ngữ hiện đại; phần mềm đạt tiêu chuẩn bảo mật thông tin tốt, có khả năng tích hợp cao;

Trong giai đoạn 2020-2030, Ngân hàng Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cần trang bị đầy đủ cho đội ngũ GSNH các trang thiết bị sau:

Trang thiết bị tin học: Trang bị đầy đủ máy tính có tốc độ xử lý cao, áp dụng công nghệ tiên tiến cho 100% công chức thanh tra GSNH; trang bị mới hệ thống máy tính xách tay, có thiết bị kết nối in internet di động 3G/4G, máy in mi-ni phục vụ cho các đoàn TTTC.

Trang bị mới hệ thống máy ảnh kỹ thuật số, hệ thống máy ghi âm phục vụ cho công tác TTTC và tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động ngân hàng.

Đăng ký và thiết lập quyền khai thác thông tin qua hệ thống cơ sở dữ liệu chung về giám sát của NHNN Lào và hệ thống thông tin tín dụng (CIC) để TTGS Chi nhánh chủ động khai thác các thông tin có liên quan đến hoạt động của TCTD và khách hàng của TCTD phục vụ cho công tác giám sát được hiệu quả hơn.

Cơ sở vật chất, công nghệ thông tin sau khi được hoàn thiện đầy đủ phải đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ giám sát. GSNH chi nhánh phải cập nhật được đầy đủ thông tin của các TCTD trên địa bàn, tuy nhiên phải được đảm bảo bởi khi hệ thống máy tính được kết nối internet thì có thể xảy ra việc lộ

lọt thông tin, vì vậy cần phải rà soát, xây dựng hoàn thiện hệ thống văn bản chính sách, quy định, hướng dẫn về an toàn bảo mật hệ thống công nghệ thông tin, đặc biệt là các quy định về phòng ngừa các rủi ro khi áp dụng triển khai các kỹ thuật, công nghệ mới.

Ba là, xây dựng hệ thống thu thập, xử lý thông tin được đồng bộ, phù hợp, tiên tiến, có khả năng kết nối trực tuyến với kho dữ liệu của TCTD; đáp ứng được yêu cầu thực hiện giám sát thường xuyên, liên tục của NHNN đối với các TCTD để phục vụ tốt nhất hoạt động giám sát trên cơ sở rủi ro.

Triển khai Dự án công nghệ thông tin hỗ trợ cho giám sát, đặc biệt là thiết lập kho dữ liệu tập trung, hoàn thiện chức năng cảnh báo sớm rủi ro đối với TCTD để hỗ trợ đắc lực cho việc xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra và đưa ra các giải pháp hạn chế rủi ro, tổn thất có thể xảy ra.

Thành lập Trung tâm thông tin tín dụng trực thuộc NHNN nhằm đáp ứng yêu cầu hỗ trợ hoạt động kinh doanh của các TCTD và hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD. Trong giai đoạn toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế toàn cầu như hiện nay, tình hình cạnh tranh giữa các TCTD ngày càng trở nên gay gắt, vì thế, phát huy vai trò của Trung tâm thông tin tín dụng trong cung cấp thông tin tín dụng chính xác, kịp thời, hữu ích, nâng cao hiệu quả cho hoạt động của các TCTD. Đồng thời, NHNN Lào có thể thực hiện các hoạt động giám sát đối với các TCTD, có thể khai thác thông tin và đưa ra được những dự báo chính xác hơn về rủi ro trong hoạt động của các TCTD, nâng cao hiệu chức năng phát hiện và cảnh báo rủi ro sớm cho các TCTD trong hoạt động. Vì vậy, NHNN cần tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực nhằm đẩy mạnh nâng cao hơn nữa vai trò và năng lực hoạt động của Trung tâm Thông tin Tín dụng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin tín dụng, trở thành Trung tâm thông tin dữ liệu tập trung

với đầy đủ thông tin, số liệu cần thiết, được cập nhật và xử lý kịp thời, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của các TCTD và NHNN.

Ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 xây dựng hệ thống chương trình, phần mềm mang tính chuyên biệt phục vụ hoạt động giám sát có độ linh hoạt cao với nhiều tính năng có tính mở, thân thiện với người sử dụng...nhằm hỗ trợ hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD, tiết kiệm thời gian, chi phí và các nguồn lực khác trong hoạt động giám sát của NHNN dodoisp với các TCTD.

Tăng cường năng lực của hệ thống công nghệ thông tin, bổ sung tính pháp lý của các văn bản điện tử, điều hành trực tuyến để các đơn vị GSNH chuyển sang sử dụng và trao đổi văn bản điện tử, điều hành trực tuyến qua mạng nội bộ nhằm tăng tính kịp thời, giảm chi phí trong hoạt động.

4.2.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giám sát

Tổ chức giám sát của NHNN, cũng như các tổ chức giám sát chi nhánh cần được tái cơ cấu, tinh giảm tạo ra đội ngũ cán bộ giám sát có nnewg lực trình độ, chuyên môn, kỹ năng cao, có khả năng sử dụng, ứng dụng phần mềm, công nghệ thông tin vào hoạt động giám sát...Thực hiện đổi mới trong công tác tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ và thu hút nguồn nhân lực có trình độ, năng lực, kỹ năng chuyên môn nhằm phát triển đội ngũ cán bộ TTGS của NHNN. Hàng năm, lên kế hoạch, giao chỉ tiêu về đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn sâu như cử đi học các lớp chuyên sâu, chuyên ngành về TTGX; thường xuyên cử cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng đào tạo ngắn ngày hoặc dài ngày về nghiệp vụ chuyên môn, thậm chí tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ giám sát của NHNN đối với các TCTD, nhằm đảm bảo đội ngũ cán bộ giám sát được thường xuyên học tập, bồi dưỡng, tập huấn cập nhật chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng trong hoạt động giám sát theo

kip chuẩn mực quốc tế, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD. Đặc biệt, cần quan tâm tới việc bồi dưỡng, phát triển năng lực, nghiệp vụ tài chính ngân hàng hiện đại, quản trị rủi ro và phương pháp giám sát tiên tiến trên thế giới, nhằm tạo ra đội ngũ cán bộ giám sát có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cao tiệm cận với yêu cầu của thế giới và đáp ứng yêu cầu của thực tiễn hoạt động giám sát của NHNN Lào hiện nay đối với các TCTD.

Tạo điều kiện để cán bộ thanh tra nâng cao trình độ tin học, khả năng ngoại ngữ, nâng cao kỹ năng nắm bắt và tiếp cận với phương pháp giám sát mới. Đào tạo cán bộ thanh tra về tin học, có khả năng học hỏi, tiếp cận những phần mềm mới về giám sát một cách nhanh nhạy, kịp thời...

Mục tiêu xây dựng đội ngũ GSNH được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện làm việc phục vụ cho công việc tương đối đồng bộ và tiên tiến để phục vụ cho hiện đại hoá công nghệ GSNH, bao gồm hệ thống thông tin báo cáo, đường truyền dữ liệu trực tuyến, phần cứng, phần mềm ứng dụng. Như vậy sẽ phát huy tốt vai trò của GSTX cũng như TTTC.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thanh tra hàng năm và kiến nghị với NHNN Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào tăng cường mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu phù hợp với công tác GSNH trong tình hình mới. Việc xây dựng kế hoạch, sắp xếp, cử công chức tham gia các lớp đào tạo phải dựa trên năng lực của từng cán bộ, yêu cầu của công việc và thời gian phù hợp (phân loại cán bộ GSNH để có kế hoạch đào tạo phù hợp với nhu cầu sử dụng).

- Tập trung đào tạo nâng cao cho các cán bộ có kinh nghiệm, có tâm huyết; đồng thời đào tạo các kiến thức cần thiết cho lớp cán bộ GSNH trẻ kế cận. Trong quá trình thành lập đoàn GSNH, phân công có sự đan xen, kết hợp giữa các cán bộ đã có kinh nghiệm (các GS viên) với các cán bộ mới để

hướng dẫn, học hỏi lẫn nhau trong thực tế và chủ động tìm ra phương pháp làm việc hiệu quả và thích hợp với bản thân mỗi công chức.

Thường xuyên tổ chức các buổi thảo luận, tọa đàm về chuyên môn, nghiệp vụ giữa các công chức GSNH với nhau, trao đổi kinh nghiệm, đưa ra các tình huống để cán bộ thanh tra đề xuất phương án giải quyết...

Tạo điều kiện về kinh phí, thời gian,... cho cán bộ GSNH tham gia các khóa đào tạo dài hạn như: phân tích tài chính, văn bằng hai, thạc sỹ, tiến sỹ...

Mỗi cán bộ GSNH cần tăng cường việc cập nhật, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để làm cẩm nang tra cứu khi tiến hành hoạt động thanh tra, kiểm tra.

Việc hoàn thiện và phát triển đội ngũ cán bộ GSNH đủ về chất lượng, trình độ và số lượng chính là nhân tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng công tác GSNH ngân hàng.

4.2.4. Đổi mới phương thức giám sát của ngân hàng nhà nước bằng thực hiện hiệu quả giám sát trên cơ sở rủi ro

Hiện một số văn bản đã ban hành cùng thực tế đang triển khai thực hiện liên quan trực tiếp đến hoạt động giám sát trên cơ sở rủi ro có nội dung, phương pháp tiếp cận về đánh giá rủi ro, xếp hạng TCTD đang tồn tại sự khác biệt lớn làm ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động giám sát và gây lãng phí nguồn lực.

Giám sát trên cơ sở rủi ro có vai trò quan trọng đối với hoạt động quản lý nhà nước của NHTW và cơ quan TTGS, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát các TCTD, đảm bảo an toàn hệ thống và nguồn vốn cho sự ổn định và phát triển kinh tế quốc gia bền vững.

Trong khuôn khổ hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD, lợi ích lớn nhất mà NHNN và cơ quan giám sát của NHNN nhận được là việc các nguồn lực quản lý và giám sát được sử dụng một cách hiệu quả và

hiệu lực hơn nhằm đảm bảo an toàn vốn của toàn hệ thống, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các TCTD, đồng thời có ý nghĩa quan trọng đối với các TCTD nâng cao hiệu quả hoạt động, chủ động ứng phó với nguy cơ tiềm ẩn rủi ro, mất an toàn hệ thống, cụ thể như sau: Các TCTD chủ động ứng phó với rủi ro: Trên cơ sở thu tập thông tin số liệu hoạt động của các TCTD, xem xét, đánh giá tình hình hoạt động trên cơ sở chính sách pháp luật tài chính tiền tệ quốc gia và quốc tế, hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD đưa ra những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro về tình hình tài chính, nguy cơ vi phạm chính sách, pháp luật tài chính, tiền tệ, ngân hàng, những tác động của tình hình tài chính, tiền tệ đối với hoạt động của các TCTD, tình hình đảm bảo an toàn vốn...từ đó giúp các TCTD nhận diện được những nguy cơ, rủi ro nào mà TCTD sẽ phải đối mặt, vi phạm nào dẫn đến rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của TCTD...Từ những kết luận, dự báo trong hoạt động giám sát của NHNN, các TCTD có các biện pháp chủ động thích ứng với tình hình tài chính, tiền tệ, ngân hàng của mình trong thực tiễn.

Khác với phương pháp TTGS tuân thủ - hoạt động thanh tra được thực hiện như nhau đối với tất cả các TCTD, TTGS trên cơ sở rủi ro tập trung vào hồ sơ rủi ro cụ thể của từng TCTD, đánh giá cách thức mà người chủ sở hữu, người điều hành giám sát rủi ro tại tổ chức của họ. Phương pháp này yêu cầu thanh tra viên phải xem xét việc TCTD đã, đang và sắp đối mặt với những loại rủi ro nào, trong phạm vi nào thì sẽ dẫn đến rủi ro làm ảnh hưởng đến toàn bộ ngành ngân hàng...

(i) Khả năng dự báo: Sau khi đánh giá rủi ro ròn cho từng hoạt động kinh doanh quan trọng, sẽ là dự báo về chiều hướng rủi ro mà hoạt động đó sẽ gặp phải trong tương lai. Chiều hướng rủi ro này giúp TCTD đưa ra giải pháp

về quản trị rủi ro nhằm có những biện pháp giảm thiểu rủi ro cho hoạt động này trong tương lai.

(ii) Quá trình liên tục: Việc đánh giá được diễn ra liên tục theo từng bước của quy trình TTGS trên cơ sở rủi ro, kết quả thu thập được trong quá trình TTGS được cập nhật để bổ sung cho thông tin ở bước tiếp theo.

(iii) Khả năng tập trung: Không giống với thanh tra tuân thủ là quy trình thanh tra diễn ra giống nhau với tất cả các TCTD, trong TTGS trên cơ sở rủi ro, việc đánh giá và xác định rủi ro chỉ tiến hành cho những hoạt động quan trọng trong TCTD, đối với từng hoạt động này cũng chỉ tiến hành đánh giá một số rủi ro chính quan trọng nhất. Dựa vào mức độ rủi ro và tính ảnh hưởng của TCTD trong toàn hệ thống, cơ quan TTGS sẽ lập ra kế hoạch thanh tra và phạm vi thanh tra khác nhau cho từng TCTD. Điều này giúp cơ quan TTGS cân đối được nguồn lực và tiến hành tập trung vào những rủi ro quan trọng cho từng TCTD và toàn hệ thống.

Đối với các TCTD, giám sát trên cơ sở rủi ro có ý nghĩa quan trọng như sau: Khi cơ quan quản lý thực hiện phương pháp giám sát trên cơ sở rủi ro sẽ có những thay đổi căn bản về nhận thức và vận hành tại các TCTD, đặc biệt là về hệ thống quản trị rủi ro. Khi cơ quan quản lý áp dụng TTGS trên cơ sở rủi ro sẽ là một động lực vô cùng lớn hay nói đúng hơn là một áp lực tích cực thúc đẩy các TCTD hướng đến các chuẩn mực về quản trị rủi ro và vai trò giám sát của Hội đồng quản trị/Ban Điều hành, bởi khi áp dụng TTGS trên cơ sở rủi ro, cơ quan quản lý sẽ xếp hạng chất lượng công tác quản trị của TCTD trong quá trình TTGS. Khuyến khích đẩy nhanh quá trình tập trung hóa hoạt động QLRR của TCTD do TTGS trên cơ sở rủi ro đánh giá chất lượng quản lý toàn diện của TCTD đối với bản thân TCTD và các đơn vị trực thuộc TCTD. Điều này dựa trên nguyên tắc cơ bản là TCTD phải đảm bảo đủ vốn bù đắp cho các loại rủi ro khác nhau không chỉ cho bản thân TCTD mà phải

tính đến rủi ro tại các công ty con, đơn vị thành viên. Như vậy, cách thực hiện TTGS trên cơ sở rủi ro sẽ góp phần tích cực nâng cao chất lượng QLRR của TCTD theo hướng tập trung hóa. Đảm bảo sự minh bạch và khuyến khích trao đổi thông tin giữa cơ quan quản lý và TCTD. Sự minh bạch được đảm bảo thông qua việc công khai cách thức thực hiện TTGS (Sổ tay hướng dẫn thanh tra, cách thức xếp hạng, đánh giá các TCTD, chất lượng hội đồng quản trị, hệ thống QLRR, kiểm toán nội bộ, các biện pháp can thiệp tương ứng theo kết quả xếp hạng...). Ngoài ra, dù đứng trên góc độ của cơ quan quản lý hay TCTD, để hoạt động an toàn và hiệu quả, trước hết phải xác định rõ các hoạt động kinh doanh quan trọng và tập trung nguồn lực kiểm soát rủi ro phát sinh từ các hoạt động này. Tuy nhiên, mức độ quan trọng của một hoạt động sẽ có thể được đánh giá theo mức độ khác nhau do cơ quan quản lý thường quan tâm nhiều hơn đến những hoạt động ảnh hưởng lớn đến an toàn của TCTD còn TCTD lại quan tâm đến những hoạt động tạo ra nhiều lợi nhuận. Điều này, dẫn đến nhu cầu phải đối thoại trao đổi thường xuyên giữa hai bên và đem lại lợi ích cho cả 2 bên, cơ quan quản lý sẽ nắm rõ hơn về tình hình hoạt động của TCTD còn TCTD sẽ hiểu rõ hơn kỳ vọng và các yêu cầu cụ thể từ phía cơ quan quản lý.

Giám sát trên cơ sở rủi ro khuyến khích các đối tượng giám sát thường xuyên tự đánh giá tình hình của họ. Bởi quá trình tự đánh giá giúp các TCTD nhìn nhận được chiều hướng rủi ro đối với các hoạt động kinh doanh quan trọng; qua đó đưa ra các giải pháp về quản trị rủi ro nhằm đảm bảo việc giảm thiểu rủi ro một cách hiệu quả nhất trong tương lai; cải thiện hồ sơ rủi ro của chính mình trong mắt cơ quan quản lý; góp phần duy trì tốt việc đảm bảo các tỷ lệ an toàn và năng lực tài chính của chính bản thân TCTD.

Vì vậy, giải pháp hoàn thiện khuôn khổ pháp lý phục vụ cho hoạt động giám sát trên cơ sở rủi ro như sau:

Một là, hoàn thiện và phát triển những điều kiện, nền tảng cho việc thực hiện giám sát trên cơ sở rủi ro:

Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về giám sát các TCTD và các quy định về năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro ngân hàng, về bảo đảm an toàn, về công nghệ ngân hàng,...; mô hình tổ chức của hệ thống giám sát ngành ngân hàng; nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực toàn hệ thống ngân hàng; xây dựng cơ chế kiểm soát cán bộ đồng thời với cơ chế bảo vệ cán bộ, hạn chế rủi ro pháp lý cho cán bộ, công chức làm công tác giám sát trong ngành Ngân hàng

Hai là, cần thiết lập một bộ phận nghiên cứu về thông lệ quốc tế tốt nhất liên quan đến GSNH nhằm rà soát các văn bản pháp quy hiện hành xem nội dung nào cần được chỉnh sửa hoặc ban hành các hướng dẫn mới cho phù hợp và dự kiến những vấn đề trong tương lai có thể gây ảnh hưởng trọng yếu lên hoạt động của hệ thống ngân hàng.

Ba là, đối với các quy định điều chỉnh trực tiếp đến hoạt động giám sát: cần đánh giá tổng kết giữa các quy định pháp lý và thực tiễn thực hiện để có giải pháp kết nối giữa hoạt động thanh tra và hoạt động giám sát là 1 chu trình khép kín liên tục. Trên nguyên tắc đảm bảo ổn định, kế thừa kết quả, nền tảng giám sát hiện nay, Luận án xin đề xuất phương án chỉnh sửa như sau:

Đối với hoạt động giám sát: thực hiện theo Sổ tay giám sát nhưng bổ sung các chỉ tiêu xác định đánh giá các hoạt động trọng yếu, hệ thống các quy định nội bộ, các văn bản điều hành và báo cáo nội bộ; Rà soát điều chỉnh bổ sung các chỉ số đánh giá rủi ro; các yêu cầu phục vụ cho hoạt động thanh tra; Định kỳ có sửa đổi, bổ sung cập nhật phù hợp với thực tiễn và yêu cầu quản lý từng thời kỳ; Xây dựng các công cụ, phương pháp luận phù hợp nhằm sử dụng một cách hiệu quả quyền giám sát thu thập thông tin, đặc biệt thông tin

thu thập từ các công ty thuộc tập đoàn tài chính trong trường hợp cần thiết; Xây dựng các tiêu chí cụ thể cả về định lượng và định tính nhằm hỗ trợ nâng cao hiệu quả của công tác giám sát.

Tiến hành rà soát toàn bộ khuôn khổ pháp lý hiện hành phục vụ cho hoạt động giám sát trên cơ sở rủi ro, để nghiên cứu, xây dựng và ban hành các quy định/các hướng dẫn chi tiết như: Xây dựng khuôn khổ pháp lý về Tập đoàn tài chính và giám sát Tập đoàn tài chính; Hướng dẫn về giám sát hợp nhất; Hướng dẫn kiểm tra sức chịu đựng; Quy định và hướng dẫn nội bộ liên quan đến việc triển khai thực hiện Basel II; Quy định hướng dẫn đối với các sản phẩm, dịch vụ mới, đặc biệt là các sản phẩm, dịch vụ áp dụng trên nền tảng công nghệ số.

Hoàn thiện các tài liệu và thực hiện thống nhất phương pháp đánh giá toàn diện năng lực quản trị rủi ro, mức độ và xử lý rủi ro của các TCTD, áp dụng cho toàn bộ hệ thống các TCTD.

Rà soát, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc thực hiện hoạt động thanh tra trên cơ sở rủi ro phù hợp với hoạt động giám sát đã được quy định. Cụ thể: (i) Xây dựng tài liệu hướng dẫn của Sở tay thanh tra trên cơ sở rủi ro, quy định về xử lý sau thanh tra phù hợp với các quy định pháp luật, đặc thù chuyên ngành ngân hàng và thông lệ quốc tế; (ii) Thông tư quy định về yêu cầu, nguyên tắc quản trị điều hành của TCTD phù hợp với nguyên tắc quản trị doanh nghiệp của Ủy ban Basel.

Tổng kết, rút kinh nghiệm để tiếp tục hoàn thiện phương pháp giám sát trên cơ sở rủi ro tại cơ quan giám sát NHH, tạo cơ sở cho việc xây dựng phương pháp giám sát trên cơ sở rủi ro chung cho toàn bộ hệ thống TCTD tại Lào, đặc biệt đối với các TCTD trong nước. Thực hiện giám sát trên cơ sở rủi ro đối với các TCTD được chọn trong kế hoạch triển khai thực hiện Basel II và nhóm các ngân hàng có tầm quan trọng của hệ thống.

Thiết lập bộ phận nghiên cứu về thông lệ quốc tế tốt nhất liên quan đến GSNH để rà soát các văn bản pháp quy hiện hành, đề xuất bổ sung chỉnh sửa cho phù hợp với thông lệ quốc tế.

4.2.5. Tăng cường sự phối hợp công tác giữa Ngân hàng Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với các chi nhánh cấp tỉnh, thành phố và các cơ quan bảo vệ pháp luật, cơ quan chức năng trong hoạt động giám sát ngân hàng

Với việc thành lập Cơ quan GSNH, NHNN đã có một tổ chức giám sát thực hiện đủ 4 khâu của quá trình quản lý nhà nước đối với TCTD gồm: Ban hành cơ chế, chính sách, quy chế; cấp phép và thu hồi giấy phép; giám sát; xử lý sau thanh tra; đồng thời thực hiện nhiệm vụ thanh tra hành chính, giải quyết khiếu nại tố cáo, phòng chống tham nhũng và phòng chống rửa tiền. Mục tiêu và trách nhiệm chính của Cơ quan GSNH của NHNN là góp phần bảo đảm sự an toàn, ổn định của hệ thống các TCTD và chấp hành nghiêm túc pháp luật về tiền tệ, hoạt động ngân hàng, bảo vệ lợi ích của công chúng. Đây là bước đột phá, một nỗ lực nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hoạt động giám sát và tiến gần hơn tới thông lệ quốc tế GSNH.

-GSNH Nhà nước chi nhánh là đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của NHNN, phối hợp tốt giữa cơ quan GSNH nhà nước với TTGS các Chi nhánh nhằm cung cấp thông tin số liệu, chia sẻ thông tin để chủ động trong việc xây dựng kế hoạch thực hiện và tiến hành thực hiện tốt việc giám sát, phòng ngừa và xử lý vi phạm của các TCTD tránh việc thanh tra chồng chéo, không rõ ràng

- Bộ Tài chính: Cùng với sự phát triển của thị trường tài chính, đặc biệt là sự đan xen giữa các hoạt động ngân hàng và hoạt động tài chính phi ngân hàng, không ít TCTD tham gia cung cấp các dịch vụ bảo hiểm và chứng khoán. Theo quy định, Bộ Tài chính giám sát thị trường chứng khoán, bảo hiểm. Tuy nhiên, sự phối hợp giữa NHNN và Bộ Tài chính còn nhiều hạn chế trong việc giám sát toàn bộ thị trường tài chính. Vì vậy, NHNN muốn

thực hiện việc giám sát toàn bộ hoạt động của TCTD theo Luật NHNN, Cơ quan GSNH phải phối hợp với các cơ quan giám sát liên quan giám sát các công ty con, công ty liên kết của TCTD hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng nhằm có trách nhiệm thông báo cho giám sát thuộc Bộ Tài chính phát hiện các dấu hiệu vi phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý của mình phụ trách.

- Thanh tra Nhà nước: Cơ quan GSNH ngoài việc chịu sự điều chỉnh của Luật NHNN còn phải phù hợp với Luật Thanh tra của Chính phủ. Để hoạt động của thanh tra ngân hàng ngày càng có hiệu quả, đảm bảo cho TCTD phát triển một cách an toàn, Thanh tra chính phủ cần xây dựng hệ thống văn bản pháp luật về thanh tra rõ ràng và chặt chẽ, tránh tình trạng chồng chéo; đổi mới phương thức và nghiệp vụ thanh tra trong lĩnh vực ngân hàng cho phù hợp với tình hình mới. Bên cạnh đó, Cơ quan GSNH phải thường xuyên có sự phối hợp với thanh tra Chính phủ trong việc giám sát hoạt động của các TCTD nhất là đối với trường hợp thanh tra vụ việc phức tạp, liên quan đến trách nhiệm quản lý của nhiều bộ, ngành.

- Với các tổ chức quốc tế: Cơ quan GSNH cần có mối quan hệ để trao đổi thông tin với cơ quan GSNH của các nước có chi nhánh ngân hàng tại Lào cũng như Hội sở chính của các ngân hàng mẹ, đây cũng là một tiêu chuẩn của Basel 1. Cần có quy định về vấn đề trao đổi thông tin và hợp tác với các cơ quan GSNH các nước và hội sở chính của các ngân hàng mẹ, và cũng cần có quy định về trao đổi thông tin phối kết hợp với cơ quan TTGS của bảo hiểm, thị trường chứng khoán trong nước với các vụ việc liên quan đến các tổ chức tài chính, tín dụng nước ngoài. Bên cạnh đó, cần tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế trong việc trao đổi thông tin, tiếp thu những công nghệ, phương pháp, mô hình thanh tra hiện đại nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực GSNH.

Bài học từ cuộc khủng hoảng tài chính gần đây cũng đã cho thấy rằng sự bất ổn của hệ thống tài chính đã làm suy giảm nền kinh tế của các nước một cách trầm trọng, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao và nghiêm trọng hơn là khủng hoảng lòng tin và bất ổn xã hội.

Các cơ quan trong hệ thống giám sát tài chính Lào có thể áp dụng các hình thức phối hợp, chia sẻ thông tin như sau:

- + Xây dựng, hoàn thiện các biên bản ghi nhớ (MOU) về chia sẻ thông tin và phối hợp hành động theo nguyên tắc tự nguyện giữa các cơ quan giám sát với nhau.

- + Tổ chức các diễn đàn để trao đổi quan điểm, thông tin và kinh nghiệm; phối hợp xử lý các vụ việc cụ thể giữa các cơ quan trong hệ thống giám sát tài chính.

- + Xây dựng kho dữ liệu chung giữa các cơ quan trong hệ thống giám sát tài chính nhằm giảm bớt thời gian và quy trình tiếp cận thông tin giữa các đơn vị trong hệ thống giám sát tài chính, nâng cao hiệu quả của công tác giám sát.

- + Thành lập Hội đồng/Ủy ban ổn định tài chính: Nhiệm vụ của ủy ban này là đảm bảo sự trao đổi thông tin và phối hợp hành động giữa lãnh đạo của NHTW, Bộ Tài chính và các cơ quan giám sát. Hình thức này được áp dụng khi thị trường tài chính của Lào phát triển đến một trình độ cao nhất định.

4.2.6. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị sau giám sát

Trên thực tế, việc bắt buộc các đối tượng liên quan thực hiện đầy đủ các kết luận, kiến nghị thanh tra tương đối khó khăn, bởi vì sau khi có kết luận thanh tra việc thi hành kết luận thanh tra phụ thuộc phần lớn vào Ban Điều hành TCTD và ý thức chấp hành của đối tượng thanh tra. Để nâng cao chất lượng việc tổ chức thực hiện các kết luận, kiến nghị thanh tra phải tổ

chức tuyên truyền, giáo dục phổ biến rộng rãi các qui định của pháp luật đến các đối tượng thanh tra và các bên liên quan để những thành phần này có sự hiểu biết phạm vi, quyền hạn, lợi ích và trách nhiệm của mình khi thực hiện các Kết luận thanh tra; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ đối thoại giải đáp kịp thời các khó khăn vướng mắc về pháp luật cho các TCTD để tuân thủ đúng pháp luật trong hoạt động ngân hàng. Tăng cường, thường xuyên tiến hành kiểm tra theo dõi việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra, xử lý người có hành vi phạm. Cần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đối tượng thực hiện các kết luận thanh tra trong việc tổ chức thực hiện các kết luận, kiến nghị sau thanh tra đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thực hiện kết luận thanh tra.

Tiểu kết chương 4

Trong bối cảnh tình hình kinh tế, tài chính thế giới hiện nay đã và đang chịu những tác động quan trọng từ cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine, khủng hoảng năng lượng, lạm phát, tăng lãi suất của các ngân hàng trung ương, suy giảm kinh tế Trung Quốc, sự đứt gãy chuỗi cung ứng, thời tiết khắc nghiệt nhiều nơi do hậu quả của biến đổi khí hậu...tình hình tài chính, tiền tệ, ngân hàng trên phạm vi toàn thế giới đều chịu những tác động quan trọng. Trên cơ sở phân tích tình hình bối cảnh thế giới tác động đến hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với các TCTD, luận án đã nghiên cứu phân tích làm rõ những quan điểm và định hướng hoàn thiện hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với các TCTD đến năm 2030, tầm nhìn đến 2040. Đồng thời, dựa trên kết quả nghiên cứu thực trạng hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với các TCTD ở Lào hiện nay, trong nội dung chương 4 luận án đã tập trung nghiên cứu có hệ thống và đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với các TCTD hiện nay, bao gồm: tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện thể chế giám sát của Ngân hàng Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đối với các TCTD; đẩy mạnh ứng dụng khoa học & công nghệ, nâng cấp hạ tầng giám sát; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giám sát; đẩy mạnh thực hiện giám sát rủi ro ngân hàng, phân tích, đo lường rủi ro để từ đó cảnh báo sớm các rủi ro, nguy cơ gây mất an toàn trong hoạt động; tăng cường sự phối hợp công tác giữa Ngân hàng Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với các chi nhánh cấp tỉnh, thành phố và các cơ quan bảo vệ pháp luật, cơ quan chức năng trong hoạt động GSNH và tăng cường kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị sau giám sát.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD có ý nghĩa quan trọng góp phần ổn định tình hình tài chính vĩ mô, đảm bảo nền kinh tế quốc gia phát triển bền vững. Đồng thời, hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD có vai trò quan trọng nhằm đảm bảo an toàn vốn, an toàn hệ thống của các TCTD, quyền lợi của người gửi tiền và khách hàng của các TCTD được bảo vệ, nâng cao sự hài lòng và niềm tin của khách hàng và toàn xã hội đối với các TCTD và nâng cao hiệu quả và hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

Trong phạm vi nội dung nghiên cứu luận án đã khảo cứu những công trình ở nước ngoài và Việt Nam có liên quan đến đề tài luận án, khái quát những kết quả nghiên cứu mà các công trình khoa học đã công bố liên quan đến hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD, từ đó luận án đã phân tích và làm rõ những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu về hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD ở nước CHDCND hiện nay.

Trong nội dung chương 2, luận án đã đi sâu nghiên cứu cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về giám sát của NHNN đối với các TCTD. Trong nội dung chương 2, luận án đã nghiên cứu và hệ thống các vấn đề lý luận về hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD: khái niệm, đặc điểm, vai trò giám sát của NHNN đối với các TCTD; phân tích và làm rõ nội dung, tiêu chí đánh giá và nhân tố ảnh hưởng tới giám sát của NHNN đối với các TCTD, phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD. Đồng thời, luận án nghiên cứu, phân tích kinh nghiệm giám sát

của một số Ngân hàng Trung ương trên thế giới đối với các TCTD và bài học cho Ngân hàng Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào hiện nay.

Trong nội dung chương 3, luận án đã nghiên cứu thực trạng giám sát của NHNN đối với các TCTD trong phạm vi hệ thống các NHNN Lào. Luận án đã nghiên cứu, phân tích và làm rõ những kết quả đạt được trong hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD ở nước CHDCND Lào trên các phương diện: Kết quả thực hiện hoạt động giám sát thông qua thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin; Kết quả xem xét, theo dõi tình hình chấp hành các quy định và thực hiện kết luận của cơ quan giám sát của NHNN; Kết quả phân tích, đánh giá, nhận định mức độ lành mạnh của tình hình tài chính của hệ thống các ngân hàng; Kết quả phát hiện, cảnh báo rủi ro đối với các TCTD và kiến nghị, đề xuất trong hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD.

Luận án đã phân tích, đánh giá chung về hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với các TCTD làm rõ những kết quả đạt được về hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với các TCTD ở Lào hiện nay. Từ thực trạng về hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với các TCTD cho thấy, trong những năm qua, hoạt động TTGS ngân hàng của NHNN Lào đã đạt được những kết quả nhất định, tích cực, chủ động đổi mới theo hướng hoàn thiện về hệ thống pháp lý, tăng cường về số lượng và chất lượng các cuộc TTGS, đóng góp vào công cuộc tái cơ cấu, xử lý nợ xấu và tăng cường kiểm soát tình trạng sở hữu chéo tại các TCTD, góp phần quan trọng đảm bảo sự phát triển an toàn, lành mạnh của hệ thống các TCTD và hệ thống tài chính.

Hiện nay, hoạt động TTGS đã được đổi mới và tăng cường trên cơ sở hoàn thiện thể chế, triển khai các công cụ, phương pháp giám sát mới gắn với ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng các chỉ tiêu giám sát an toàn và đưa vào áp dụng theo chuẩn Basel II, qua đó góp phần đảm bảo hoạt động an toàn, lành mạnh cho hệ thống các TCTD.

Tuy nhiên, vẫn còn khá nhiều bất cập, hạn chế trong công tác TTGS ngân hàng liên quan đến: Chất lượng công tác GSTX của NHNN chưa cao, chưa phát hiện các nguy cơ tiềm ẩn rủi ro đối với TCTD, chưa phát huy được vai trò cảnh báo hệ thống, các vấn đề về sự phối hợp đồng bộ giữa GSTX và TTTC, tổ chức bộ máy thanh tra, trình độ cán bộ thanh tra. Hiện nay, hoạt động TTGS đã được đổi mới và tăng cường trên cơ sở hoàn thiện thể chế, triển khai các công cụ, phương pháp giám sát mới gắn với ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng các chỉ tiêu giám sát an toàn và đưa vào áp dụng theo chuẩn Basel II, qua đó góp phần đảm bảo hoạt động an toàn, lành mạnh cho hệ thống các TCTD.

Trên cơ sở nghiên cứu phân, đánh giá thực trạng hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD ở nước CHDCND Lào, trong nội dung chương 4, luận án đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD ở nước CHDCND Lào. Cụ thể:

Một là, tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện thể chế giám sát của Ngân hàng Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đối với các TCTD;

Hai là, đẩy mạnh ứng dụng khoa học & công nghệ, nâng cấp hạ tầng giám sát;

Ba là, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giám sát;

Bốn là, đổi mới phương pháp thực hiện giám sát của NHNN bằng thực hiện giám sát trên cơ sở rủi ro;

Năm là, tăng cường sự phối hợp công tác giữa Ngân hàng Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với các chi nhánh cấp tỉnh, thành phố và các cơ quan bảo vệ pháp luật, cơ quan chức năng trong hoạt động GSNH;

Sáu là, tăng cường kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị sau giám sát.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với chính phủ Lào

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về tiền tệ và hoạt động ngân hàng, nhằm tạo môi trường thể chế minh bạch, đồng bộ, hiệu quả cho hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD. Trong đó, tập trung xây dựng, hoàn thiện và ban hành Luật TCTD, Luật GSNH nhằm tạo cơ sở pháp lý vững chắc nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD, đồng thời tạo hành lang pháp lý hiệu quả phục vụ giám sát an toàn hệ thống ngân hàng và việc chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động của các TCTD.

2.2. Đối với ngân hàng nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Thứ nhất, cần xây dựng bản thảo và đề xuất ban hành Luật TCTD, Luật giám sát của NHNN đối với các TCTD nói chung và giám sát trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ, ngân hàng nói chung, đồng thời cần tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện hệ thống các văn bản dưới luật, các quy chế an toàn và quy định trong hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với các TCTD nhằm tạo môi trường pháp lý góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với các TCTD hiện nay.

Thứ hai, thực hiện đổi mới mô hình tổ chức bộ máy và cơ chế điều hành hoạt động của giám sát NHH hướng đến việc thực hiện được cơ chế chỉ đạo, điều hành hoạt động quản lý, GSNH mang tính hệ thống, đồng bộ, thống nhất từ Trung ương đến địa phương và trong hệ thống các TCTD. Đồng thời, mô hình tổ chức bộ máy và cơ chế điều hành hoạt động giám sát của NHH Lào đối với các TCTD cần đảm bảo tính độc lập về tổ chức và hoạt động, phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế; hoàn thiện mô hình giám sát trên cơ sở rủi ro và hợp nhất, thích ứng với thông lệ và chuẩn mực quốc tế về GSNH.

Thứ ba, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, tạo cơ sở vật chất hiện đại, thuận lợi hỗ trợ cho công tác giám sát của NHNN đối với các TCTD chính xác và hiệu quả. Đặc biệt, chú trọng vào đầu tư hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin, chế độ báo cáo, thống kê tại các TCTD.

Thứ tư, tăng cường hợp tác quốc tế trong hoạt động GSNH trong đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giám sát của NHNN Lào; hợp tác, trao đổi chuyển giao công nghệ, tiếp thu những thông lệ, chuẩn mực và thực hiện những cam kết quốc tế trong thực hiện hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với các TCTD góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN Lào đối với các TCTD đối với mục tiêu đảm bảo an toàn vốn và hệ thống các TCTD, nâng cao niềm tin của khách hàng và toàn xã hội đối với các TCTD và lợi ích của người gửi tiền và khách hàng được đảm bảo, đặc biệt là đảm bảo sự ổn định tình hình tài chính và nền kinh tế vĩ mô của đất nước để tạo nền tảng vững chắc thực hiện các mục tiêu đổi mới đất nước do Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và Nhà nước CHDCND Lào đã đề ra.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Phoumma Senekham (2024), *Hoạt động giám sát của NHNN đối với hệ thống các ngân hàng ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, tại trang <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/08/01/hoat-dong-giam-sat-cua-ngan-hang-nha-nuoc-doi-voi-he-thong-cac-ngan-hang-o-cong-hoa-dan-chu-nhan-dan-lao/>.
2. Phoumma Senekham (2024), *Nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của NHNN đối với hệ thống các ngân hàng ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, tại trang <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/09/30/nang-cao-hieu-qua-hoat-dong-giam-sat-cua-ngan-hang-nha-nuoc-doi-voi-he-thong-cac-ngan-hang-o-cong-hoa-dan-chu-nhan-dan-lao/>.
3. Phoumma Senekham (2024), *Hoàn thiện thể chế giám sát của NHNN Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đối với các TCTD*, tại trang <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/10/15/hoan-thien-the-che-giam-sat-cua-ngan-hang-nha-nuoc-cong-hoa-dan-chu-nhan-dan-lao-doi-voi-cac-to-chuc-tin-dung/>.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu tiếng Việt

1. Chu Thị Thanh An (2014), “Hoàn thiện các qui định của pháp luật về cơ quan GSNH ở Việt nam hiện nay”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, số 12/ 2014, tr.60-64.
2. Bộ khoa học và Công nghệ (2024), *Tổng luận Khoa học công nghệ kinh tế số 1-2024: Dự báo kinh tế thế giới và xu hướng công nghệ năm 2024*, Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ quốc gia, ISSN 0866-7712.
3. Nguyễn Văn Bình (2007), “Một số thách thức đối với hệ thống thanh tra, GSNH trong tình hình mới”, *Tạp chí Ngân hàng*, số 01, tr.20-25.
4. Nguyễn Văn Bình (2006), “Cơ hội, thách thức và những vấn đề đặt ra đối với thanh tra, GSNH khi các TCTD Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế”, *Tạp chí Ngân hàng*, số 16, tr.20-22.
5. Hạ Thị Thiều Dao (2010), “25 nguyên tắc GSNH theo Basel 2 và việc tuân thủ của Việt Nam”, *Tạp chí Ngân hàng*, số 15; tr.11-18.
6. Lê Thị Huyền Diệu (2009), “Kinh nghiệm về việc lựa chọn mô hình hoạt động và GSNH trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế và bài học cho Việt Nam”, *Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ*, số 3-4, tr.48-51.
7. Nguyễn Công Dương (2010), “Một số điểm mới của Luật NHNN năm 2010 về thanh tra, GSNH”, *Tạp chí Ngân hàng*, số 16, tr.16-19.
8. Nguyễn Chí Đức, Tạ Thu Hồng Nhung (2015), “Hiệp ước Basel III và sự ảnh hưởng đến các chỉ tiêu GSNH tại Việt Nam”, *Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ*, số 18, tr.38-43.
9. Nguyễn Chí Đức, Bùi Thị Minh Tâm (2012), “Ứng dụng mô hình CAMELS trong hệ thống GSNH Việt Nam”, *Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ*, số 14, tr.18-20.

10. Nguyễn Chí Đức (2011), “Xây dựng hệ thống giám sát NHTM Việt Nam”, *Tạp chí Ngân hàng*, số 19, tr.16-22.
11. Đoàn Thanh Hà (2016), “Tăng cường giám sát đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng Việt Nam”, *Tạp chí Tài chính*, kỳ 2 tháng 2/2016.
12. Đoàn Thanh Hà (2013), “GSNH sau khủng hoảng tài chính và khuyến nghị cho Việt Nam”, *Tạp chí Ngân hàng* 11, tr.17-24.
13. Bùi Văn Hải, Phan Hữu Việt, Đoàn Thị Thúy (2019), “Một số giải pháp nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đối với công tác GSNH”, *Tạp chí Ngân hàng*, số 5 (3/2019), tr.8-14.
14. Đỗ Thị Hằng (2006), “Hoạt động GSNH trong bối cảnh hiện nay”, *Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ*, số 13, tr.34-35.
15. Nguyễn Thị Hiền, Đỗ Thị Bích Hồng (2017), “Tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tới lĩnh vực tài chính ngân hàng”, *Tạp chí Tài chính*.
16. Trương Quang Hiệp (2000), “Một số nguyên tắc cơ bản để GSNH có hiệu quả”, *Tạp chí Ngân hàng*, số 4, tr.63.
17. Nguyễn Thị Hoà (2019), *TTGS trên cơ sở rủi ro của NHNN Việt Nam đối với các TCTD - Thực trạng và giải pháp*, Luận án Tiến sĩ Tài chính-Ngân hàng, Học viện Ngân hàng.
18. Nguyễn Thị Hòa (2017), “TTGS trên cơ sở rủi ro - Kinh nghiệm quốc tế và một số đề xuất”, *Tạp chí ngân hàng - Banking Review*, số 4, tháng 2/2017.
19. Nguyễn Thị Hòa (2018), “Các mô hình giám sát tài chính phổ biến trên thế giới và liên hệ với Việt Nam”, *Tạp chí ngân hàng - Banking Review*, số 5 tháng 3/2018.
20. Nguyễn Thị Hòa (2018), “Ứng dụng các mô hình, công cụ định lượng phục vụ hoạt động TTGS trên cơ sở rủi ro tại NHNN Việt Nam”, *Tạp chí ngân hàng - Banking Review*, số 12 tháng 6/2018.

21. Nguyễn Thị Hòa (2019), “Kinh nghiệm quốc tế trong phối hợp, chia sẻ thông tin giám sát hệ thống tài chính và gợi ý cho Việt Nam”, *Tạp chí ngân hàng - Banking Review*, số 1 tháng 4/2019.
22. Học viện ngân hàng (2010), *Lựa chọn mô hình và giải pháp đảm bảo hiệu quả giám sát của hệ thống giám sát tài chính Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Nxb.Giao thông vận tải.
23. Học viện ngân hàng (2009), *Hội nhập tài chính quốc tế và những vấn đề đặt ra cho hệ thống giám sát tài chính Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Nxb. Thống kê.
24. Nguyễn Đăng Hồng (2005), “Đảm bảo TTGS của NHNN để phòng chống tham nhũng trong hoạt động ngân hàng”, *Tạp chí Ngân hàng*, số chuyên đề, tr.80-82.
25. Nguyễn Thị Minh Huệ (2008), “Các điều kiện tiên quyết cho hoạt động giám sát của ngân hàng trung ương trên cơ sở 25 nguyên tắc giám sát cơ bản của Ủy ban Basel”, *Tạp chí Ngân hàng*, số 8, tr.54-61.
26. Nguyễn Thị Minh Huệ (2009), “Thực trạng hoạt động giám sát của NHNN Việt Nam đối với ngành NHTM”, *Tạp chí Ngân hàng*, số 21, tháng 11/ 2009, tr.29-34.
27. Nguyễn Thị Minh Huệ (2010), *Hoạt động giám sát của NHNN Việt Nam đối với NHTM*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Hà Nội.
28. Nguyễn Thị Minh Huệ (2011), “Hoàn thiện hoạt động giám sát của NHNN đối với NHTM”, *Tạp chí Ngân hàng*.
29. Tô Ngọc Hưng (2013), “Thực trạng và giải pháp giám sát tài chính tại Việt Nam”, *Tạp chí Tài chính*, số 10, tr 36-4.
30. Tô Ngọc Hưng (2014), “NHNN Việt Nam với chính sách giám sát an toàn vĩ mô”, *Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ*, số 12 (405) - tháng 6/2014, tr.22-27.

31. Kongchampa Ounkham (2015), *Quản trị hoạt động tín dụng của các NHTM tại Lào*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.
32. Khamkiew Phandavong (2021), *Quản lý nợ xấu tại NHTM Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng, Học viện Tài chính.
33. Khamkiew Phandavong (2019), “Ngăn ngừa, xử lý nợ xấu tại các NHTM ở CHDCNN Lào: thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Tài chính*, Kỳ 1- tháng 7/2019 (708), tr.149-152.
34. Nguyễn Phi Lâm (2015) “Công tác GSNH trong đảm bảo an ninh tiền tệ và an toàn hệ thống ngân hàng”, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia, KX.01.15/11-15, Bộ Khoa học và Công nghệ.
35. Lê Ngọc Lâm, Bùi Thị Thanh Tình (2013), “Đánh giá hoạt động TTGS của NHNN Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng*, số 110/2013.
36. Nguyễn Phi Lâm (2015), “*Xây dựng và ứng dụng mô hình cấu trúc trong hoạt động TTGS các TCTD*”, Đề tài nghiên cứu khoa học, NHNN Việt Nam.
37. Nguyễn Trọng Liệu, Nguyễn Ngọc Anh (1999), “Tái cơ cấu và GSNH ở các nền kinh tế mới nổi”, *Tạp chí Tài chính số*, số 11, tr.43-47.
38. Phạm Thị Mùi (2023), Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị, nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của Đảng, <https://www xaydungdang.org.vn/quoc-te/chdcnd-lao-doi-moi-dong-bo-phu-hop-ve-kinh-te-va-chinh-tri-nhan-manh-vai-tro-lanh-dao-cua-dang-19786>.
39. Nguyễn Hữu Nghĩa (2015), “Thanh tra, GSNH và nhiệm vụ đảm bảo an toàn, lành mạnh hệ thống”, *Đặc san Toàn cảnh Ngân hàng Việt Nam 2015*.

40. Nhóm nghiên cứu Quản trị rủi ro hoạt động, ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (2013), “Xây dựng khung quản lý rủi ro hoạt động hướng tới GSNH trên cơ sở rủi ro”, *Tạp chí Ngân hàng*, số 18, tr.21-25.
41. NHNN Việt Nam, *Hiệp ước Basel (I, II và III)*, <http://www.sbv.gov.vn>
42. NHNN Việt Nam (2015), *Công văn số 1601/NHNN-TTGSNH của NHNN về việc triển khai thực hiện quy định an toàn vốn theo Basel II*.
43. NHNN Việt Nam (2022), *Thông tư 08/2022/TT-NHNN, Thông tư quy định về trình tự, thủ tục GSNH*, Hà Nội ngày 30 tháng 06 năm 2022
44. Trần Đăng Phi, Nguyễn Phi Lâm (2014), “Thực trạng công tác GSNH và sự cần thiết của việc áp dụng mô hình dự báo tài chính trong hoạt động GSNH Việt Nam”, *Tạp chí Ngân hàng*, số 9, tháng 5/2014, tr.9-14.
45. Trần Đăng Phi và Nguyễn Phi Lâm (2014), “*Ứng dụng phương pháp Gauss Seidel trong xây dựng mô hình giám sát an toàn hoạt động ngân hàng tại Cơ quan Thanh tra, GSNH*”, Đề tài khoa học cấp ngành Ngân hàng, NHNN Việt Nam.
46. Nguyễn Đình Phúc (2014), “Một số mô hình cơ quan GSNH ở châu Âu và gợi mở chính sách cho Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, Số 9, tr.23-30.
47. Nguyễn Đình Phúc (2014), “Hoàn thiện pháp luật về GSNH nhằm hạn chế tác động tiêu cực của sở hữu chéo trong hệ thống NHTM”, *Tạp chí Khoa học chính trị*, số 05, tr.55-57, 73.
48. Nguyễn Thị Phụng và nhóm nghiên cứu (2017), “Thực trạng và giải pháp công tác thanh tra đối với các TCTD trong nước ở Việt Nam”, *Tạp chí Ngân hàng*, Số 23, tháng 12/2017.
49. Trương Hồng Quang (2022), “Định hướng hoàn thiện công tác kiểm toán nghiệp vụ thanh tra, GSNH tại NHNN Việt Nam”, *Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ*, số 10 (2022), tr.34-39.
50. Quốc hội (2010), *Luật Các TCTD (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.

51. Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2024), *Luật các TCTD*, Luật số: 32/2024/QH15, Hà Nội.
52. Quốc hội (2017), *Luật số 17/2017/QH14 bổ sung một số điều của luật Các TCTD số 47/2010/QH12*, Hà Nội.
53. Thongdy Panyasith (2024), *Kiểm soát rủi ro tín dụng tại các NHTM của nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, ngành Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
54. Thongdi Panyasith (2023), “Thực trạng và giải pháp kiểm soát rủi ro tín dụng tại các NHTM của Lào”, *Tạp chí Tài chính*, Kỳ 2 - tháng 5 (801), tr.123-126.
55. Thongdi Panyasith (2023), “Bối cảnh mới tác động đến kiểm soát rủi ro tín dụng tại các NHTM của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và một số vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán*, số 01 (234), tr.93-96.
56. Nguyễn Mạnh Tôn (1995), “GSTX và xếp loại các TCTD theo CAMEL”, Đề tài nghiên cứu khoa học, NHNN Việt Nam.
57. Tổng Cục Thống kê Việt Nam, (2024), *Tổng quan dự báo tình hình kinh tế thế giới quý IV và năm 2024*, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/01/to%CC%89ng-quan-du-bao-tinh-hinh-kinh-te-the-gioi-quy-iv-va-nam-2024/>.
58. Nhật Trung (2000), “Những vấn đề đặt ra đối với hệ thống giám sát các hoạt động của ngân hàng quốc tế”, *Tạp chí Ngân hàng*, số 12.
59. Nguyễn Đức Trung (2014), “Khả năng và các điều kiện áp dụng một số khuyến nghị chính sách từ Basel III trong giám sát hệ thống NHTM Việt Nam giai đoạn hiện nay”, Đề tài khoa học ngành Ngân hàng, NHNN Việt Nam, MS: DTNH. 17/2014.

60. Hà Thị Sáu, Vũ Mai Chi (2018), “Hoạt động thanh tra, GSNH của NHNN Việt Nam và một số khuyến nghị”, *Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng*, Học viện Ngân hàng, số 195- tháng 8/ 2018, tr.1-9.
61. Văn phòng Quốc hội (2022), *Luật số 25/VBHN_VPQH ngày 29 tháng 12 năm 2022, Luật NHNN Việt Nam*, Hà Nội.
62. Thanh Xuân, Hà Dương (2011), “Kinh nghiệm GSNH Nhật bản-Mô hình nghiệp vụ từ CAMELS đến FIRST”, *Tạp chí Ngân hàng*, số 10, tr 57-61.
63. Tạp chí Lào - Việt (2024), *Lào dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2024 trên 4%*, <https://tapchilaoviet.org/tin-ngay/lao-du-bao-tang-truong-kinh-te-nam-2024-tren-4-67461.html>.
64. Tạp chí Lào - Việt (2024), *Lào sẽ ban hành Hiến pháp sửa đổi vào giữa năm 2025* <https://tapchilaoviet.org/tin-bai-noi-bat/lao-se-ban-hanh-hien-phap-sua-doi-vao-giua-nam-2025-67513.html>, *Lào sẽ ban hành Hiến pháp sửa đổi vào giữa năm 2025*.
65. Tạp chí Lào - Việt (2024), *Kỳ họp Quốc hội Lào thông qua 13 văn bản Luật (2/7/2024)*, <https://tapchilaoviet.org/tin-bai-noi-bat/ky-hop-quoc-hoi-lao-thong-qua-13-van-ban-luat-67624.html>, *Kỳ họp Quốc hội Lào thông qua 13 văn bản Luật (2/7/2024)*.
66. Tạp chí Lào - Việt (2024), *Tìm hiểu về hệ thống ngân hàng của Lào, cách mở tài khoản ngân hàng tại Lào*, <https://tapchilaoviet.org/cam-nang-lao-viet/dtham-khao-tim-hieu-ve-he-thong-ngan-hang-cua-lao-cach-mo-tai-khoan-ngan-hang-tai-lao-64943.html>
67. Tạp chí Ngân hàng, *Hội nghị Công tác thanh tra, GSNH năm 2024*, <https://tapchinganhang.gov.vn/hoi-nghi-cong-tac-thanh-tra-giam-sat-ngan-hang-nam-2024-trien-khai-hieu-qua-ke-hoach-va-nhiem-vu-duo.htm>.

68. Tổng cục thống kê Việt Nam (2024), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2024*, <https://www.gso.gov.vn/bai-top/2024/10/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iii-va-9-thang-nam-2024/>.
69. <https://www.macrotrends.net/global-metrics/countries/LAo/lao-pdr/gdp-gross-domestic-product>.
70. Wellink Nout (2009), “Vai trò quan trọng của GSNH trong ổn định tài chính”, *Tạp chí Ngân hàng*, số 3, tr.47-51.
71. Viện Ngôn ngữ học (2003), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng.

II. Tài liệu tiếng Lào (Dịch ra tiếng Việt)

72. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2011), *Chiến lược phát triển kinh tế Lào từ năm 2011 và định hướng đến năm 2020*, Viêng Chăn.
73. NHNN (2006), *Tổng kết phát triển ngành ngân hàng Lào từ năm 2001-2006 và định hướng đến năm 2010*, Viêng Chăn.
74. NHNN (2009), *Tổng kết đổi mới hệ thống ngân hàng Lào từ năm 1988 đến năm 2008*, Viêng Chăn.
75. NHNN (2011), *Chiến lược phát triển ngành ngân hàng Lào đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*, Viêng Chăn.
76. NHNN (2015 - 2020), *Báo cáo thường niên từ năm 2006 đến năm 2015*, Viêng Chăn.
77. NHNN (2015), *Báo cáo NHNN năm 2015*
78. NHNN (2017), *Báo cáo NHNN năm 2017*
79. NHNN (2018), *Báo cáo NHNN năm 2018*
80. NHNN (2019), *Báo cáo NHNN năm 2019*
81. NHNN (2020), *Báo cáo NHNN năm 2020*
82. NHNN (2021), *Báo cáo NHNN năm 2021*
83. NHNN (2022), *Báo cáo NHNN năm 2022*

III. Tài liệu tiếng Anh

84. Barth J.R.; Nolle D.E.; Phumiwasana T.; Yago G. (2003), “A Cross - Country Analysis of the Bank Supervision Framework and Bank Performance”, *Finacial Markets, Institutions & Instruments*, 12 (2), PP.67-120.
85. Barth J.R.; Dopico, L.G; Nolle, D.E; Wilcox, J.A. (2002), “Bank Safety and Soundness and Structure of Bank Supervision: A Cross-Country Analysis”, *International Review of Finance*, 3 (3-4), PP.163-188.
86. Bank for International Settlements (2006), “Risk Management and Regulation in Banking: A Joint workshop by the Basel Committee on Banking Supervision, the Centre for Economic Policy Research (London)”, *Journal of Finacial Intermediation*, Basel Switzerland.
87. Bank for International Settlements (2001), *Basel II: A First Assessment: A Joint Wokshop Hosted by the Basel Committee on bank Supervision, the Centre for Economic Policy research*, London.
88. Bank for International Settlements (2007), *Risk Transfer mechanisms and Financial Stability*, A Joint workshop by the Research task Force of the basel Committee on Banking Supervision, the Centre for Economic Policy research, London.
89. Carl-Johan Lindgren và cộng sự (1996): *Bank soundness and macroeconomic policy*, IMF.
90. Eiji Hotori, Mikael Wendschlag, Thibaud Giddey (2022), *Formalization of Banking Supervision 19th-20th Centuries*.
91. Goodhart C.A.E. (2002), “The Organizational Structure of Banking Supervision” *Economic Notes*, 31 (1), pp.1-33.
92. George S. Zavvos (1998), “Towards a European Banking Act”, *Common Market Law Review*, Volume 25, Issue 2 (1988) pp. 263 - 289.

93. Ioannidu, V.P (2005) “Does monetary policy affect the central bankk’s role in banksupervision?”, *Journal of Finacial Intermediation*, 14 (1), pp.58-85.
94. James R.B., Gerard C.J., Ros L. (2004), “Bank regulation and supervision” what works best”, *Journal of Finacial Intermediation*, 13 (2), pp.205-248.
95. James R. Barth, Jie Gan, Daniel E. Nolle (2009), Global Banking Regulation and Supervision: What Are the Issues and What Are the Practices? (Financial Institutions and Services), *Nova Science Publishers*.
96. Katia D'Hulster (2011), “Cross Border Banking Supervision: Incentive Conflicts in Supervisory Information Sharing between Home and Host Supervisors”, <https://elibrary.worldbank.org/doi/epdf/10.1596/1813-9450-5871>.
97. Mr. Charles Enoch and Mr. J. H. Green (1997), *Banking Soundness and Monetary Policy*, International Monetary Fund Publisher.
98. Paul J.van Sluijs (2006): *Evaluating the effectiveness of financial supervison*, WB.
99. Thomas Volland, Benedikt Wolfers (2014), “Level the playing field: The new supervision of credit institutions by the European Central Bank”, *Common Market Law Review*, Volume 51, Issue 5 (2014) pp. 1463 - 149.
100. Timothy J.C., gary S.F., carlos D.R (2008). “The impact of bank supervision on loan growth”, *The North American Journal of Economics and Finance*, 19 (2), pp.113-134.
101. World Bank Group (2024), *Global Economic Prospects*, June 2026